



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

THÔNG TIN THAM KHẢO

KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG LÀN SÓNG ĐẠI DỊCH LẦN THỨ 4 Ở VIỆT NAM




HỆ THỐNG CUNG CẤP THÔNG TIN

Tài khoản

Mật khẩu

Ghi nhớ mật khẩu

 Tải ứng dụng
 Tải ứng dụng

THÔNG TIN THAM KHẢO

THƯ VIỆN QUỐC HỘI

Chỉ đạo biên soạn:

Phạm Đình Toản, Phó Chủ nhiệm
Văn phòng Quốc hội
Nguyễn Thị Thúy Ngân, Phó Tổng Thư Ký
Quốc hội - Phó Chủ nhiệm Văn phòng
Quốc hội
Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Chủ nhiệm
Văn phòng Quốc hội

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trịnh Ngọc Cường, Giám đốc Thư viện
Quốc hội

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Văn phòng Quốc hội

Phát hành:

Vụ Hành chính
In 1000 cuốn, khổ 21cmx29cm

Biên tập và sửa bản in:

Trịnh Ngọc Cường, Trần Thị Thúy,
Nguyễn Thị Hải Hà

Thiết kế bìa:

Hà Hùng

Ảnh bìa

Nguồn: www.shutterstock.com

Liên hệ và góp ý xin gửi về:

Thư viện Quốc hội, Văn phòng Quốc hội

Địa chỉ: Nhà Quốc hội, Đường Độc Lập,
Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.41984

Email: thuvienquochoi@quochoi.vn

MỤC LỤC SỐ 04/2021

Vấn đề và chính sách

- 4** Tình hình kinh tế Việt Nam 09 tháng đầu năm 2021
- 15** Dự báo tình hình kinh tế 03 tháng cuối năm 2021 và năm 2022
- 19** Doanh nghiệp Việt Nam trước làn sóng đại dịch lần thứ tư

- 28** Bàn về chính sách hỗ trợ của ngành ngân hàng đối với doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch COVID -19
- 35** Thực trạng lao động, việc làm ở Việt Nam trong đại dịch COVID - 19
- 42** Tác động của Đại dịch COVID-19 đến du lịch và khả năng phục hồi của du lịch Việt Nam sau đại dịch
- 50** Giáo dục trực tuyến trong bối cảnh COVID – 19 tại Việt Nam
- 57** Năng lực chuẩn bị và ứng phó với đại dịch COVID – 19 của hệ thống y tế Việt Nam

Kinh nghiệm nước ngoài

- 64** Chiến lược phân phối và tiêm chủng vắc xin ngừa COVID tại Liên minh Châu Âu và Cộng hòa liên bang (CHLB) Đức: Thực trạng, thách thức và những bài học kinh nghiệm được rút ra
- 74** The covid vaccination and distribution strategy in the EU and Germany: facts, challenges and lessons learnt
- 82** Phản ứng chính sách của Cộng hòa liên bang (CHLB) Đức trước dịch bệnh COVID-19 và vai trò của Nghị viện trong quản lý đại dịch
- 92** Germany's Response to COVID-19 and the Role of German Parliament(s) in the Pandemic Management
- 102** Phản ứng chính sách của một số nước châu Âu đối với đại dịch COVID -19

Thông tin định lượng

- 110** Tổng hợp số liệu về kinh tế và dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021

Giới thiệu sách

- 120** Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2011 – 2015

Tài liệu số

- 124** Một số thông tin về tác động của đại dịch COVID - 19 đến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam từ bộ sưu tập số kinh tế, vấn đề xã hội của Thư viện Quốc hội

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Ths.Đình Thị Hào¹
TS. Trần Toàn Thắng



(Ảnh minh họa, nguồn: thitruongtaichinhthiente.vn)

I. Tổng kết 9 tháng đầu năm 2021

1. Tổng kết GDP tăng chậm khá trong 6 tháng đầu năm

Mặc dù tình hình tháng 5-6/2021 như hình ảnh minh họa trên thị trường công nghệ phía Bắc, song tổng kết 9 tháng đầu năm 2021 vẫn tương đối khá. Quý

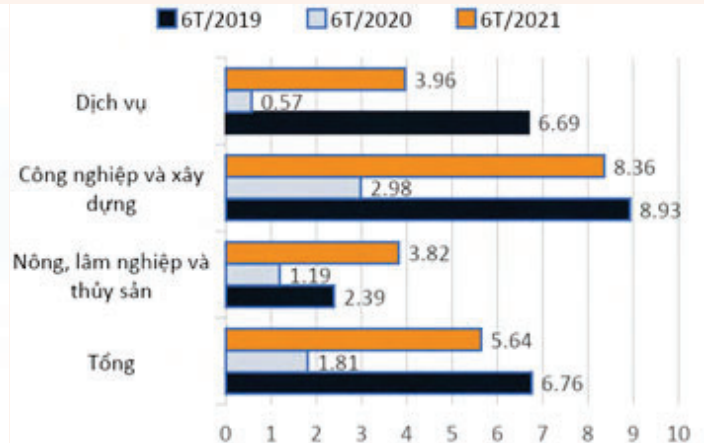
I/2021 tăng 4,65%, so với cùng kỳ 3,68% trong quý I/2020, quý II/2021 tăng 6,61%, so với cùng kỳ 0,41% trong quý II/2020, chung 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, so với cùng kỳ 1,81% cùng kỳ năm 2020. Kinh tế tuy có tốc độ phục hồi nhanh, nhưng vẫn tiếp tục phải giải quyết các tác động của Covid-19 (năm 2019).

1. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia

Hình 1: T ng tr ng GDP



Hình 1: T ng tr ng GDP



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Yếu tố bên ngoài: Có nhi u y t gi i thích cho s ph ch i nhanh c a Vi t Nam trong 6 tháng u n m. T góc bên ngoài, ó là di n ti n tích c c c a kinh t th gi i, c bi t là t i các n n kinh t i tác xu t kh u và u t l n. D li u th c t cho th y, so v i th i i m t i t nh t vào quý II/2020, t ng tr ng nhi u khu v c ã c i thi n áng k . S ph ch i m nh nh t t i m t s n n kinh t phát tri n g m M , Trung Qu c, EU, Nh t B n nh bao ph vaccine t t và các ho t ng kinh t g n nh không b h n ch , c bi t là các l nh v c nh v n t i, khách s n, nhà hàng và du l ch¹. Chính s ph ch i này ã làm h i ph c c th ng m i toàn c u. Dòng v n u t tr c ti p n c ngoài (FDI) c ng có d u hi u c i thi n dù còn ch m. i u này tác ng tích c ct i xu t kh u hàng hóa và

thu hút FDI c a Vi t Nam. Bên c nh ó các bi n pháp kích thích kinh t quy mô l n t i các qu c gia này v n c ti n hành, trong khi các n i khác v n b ch m l i góp ph n làm ph c h i tiêu dùng và c u xu t kh u t Vi t Nam t ng.

Yếu tố bên trong: ch s t c t ng tr ng 6 tháng u n m 2021 t khá cao so v i cùng k n m 2020 ph n l n do óng góp c a các y t di n bi n t u n m c t phía cung và c u và m t ph n do t ng tr ng c a 6 tháng u n m 2020 t ng i th p.

T phía cung và theo ngành, t ng tr ng GDP 6 tháng u n m c thúc y b i s ph ch i c a khu v c công nghi p, v i t c t ng tr ng (t 8,36%) x p x m c tr c i d ch (8,93%), c bi t là công

1. Trung Quốc đã tăng trưởng 18,3% trong quý I/2021 và khoảng 7,9% trong quý II/2021, Mỹ đạt 6,4% trong quý I, dự kiến đạt 7,3% trong quý II/2021; EU tăng trưởng dương từ quý II/2021 với mức tăng 2,0% so với quý trước, vượt qua kỳ vọng của thị trường về mức tăng trưởng 1,5% được dự báo trước đó. Nhật Bản cũng tăng trưởng trở lại trong Quý II/2021, mức tăng đạt 1,3% so với cùng kỳ năm trước và 0,3% so với quý trước.

nghi pch bi n, ch t o (CBCT) do s ph c h i tích c c c a c u th tr ng (xu t kh u và tiêu dùng n i a). K t qu t ng tr ng 2 quý un m cho th y kh n ng thích ng t ng it tc a các ngành CBCT¹.

Bên c nh ó, m t ph n t ng tr ng c thúc y b i k t qu t t t khu v c nông, lâm, th y s n (NLTS) (v i m c t ng tr ng 3,82%, cao h n m c tr c i d ch là 2,39%) v i i u ki n th i ti t thu n l i và d ch t l n châu Phi ã ch m d t. NLTS ít b tác ng b i i d ch, ti pt c gi vai trò “vùng m” c a n n kinh t . Khu v c d ch v m c dù ch a quay l i t c t ng tr ng tr c i d ch, do các bi n pháp h n ch i l i trong các t bùng phát d ch, nh ng trong ó m ts ngành ã duy trì m c t ng tr ng t t².

T phía c u, ng l c t ng tr ng trong n a un m 2021 ch y u là nh tiêu dùng trong n c ang ph c h i, xu t kh u t ng cao và ph n khác là ut t nhân.

2. T cu i quý II/2021, các ch s kinh t v mô c b n, các tr c t t ng tr ng u cho th y xu h ng x u nhanh so v i các di n bi n tr c ó

t d ch Covid-19 l n th 4 b t u bùng phát t i m t s a ph ng là trung tâm công nghi p, v i t c lây lan nhanh, nghiêm tr ng, trong khi t l tiêm ch ng còn th p, ã gây nh h ng r t l n không ch t i các ho t ng kinh t . Các tr c t t ng tr ng: công nghi p, tiêu dùng, ut , xu t kh u, v i các ch s v mô c b n: Ch rõ s n xu t công nghi p (IIP), ch rõ qu n lý thu mua (PMI), t ng m c bán l hàng hóa và doanh thu d ch v tiêu dùng, xu t kh u, cán cân th ng m i, ut công, ... u trong xu h ng gi m, trong ó m ts gi m r t sâu.

- *Chỉ số mức độ di chuyển giảm mạnh.*

V i c áp d ng các bi n pháp h n ch nghiêm ng t nh m ki m soát d ch ã khi n t t c các ch s di chuy n chính x u i nhanh chóng t u tháng 5/2021. n

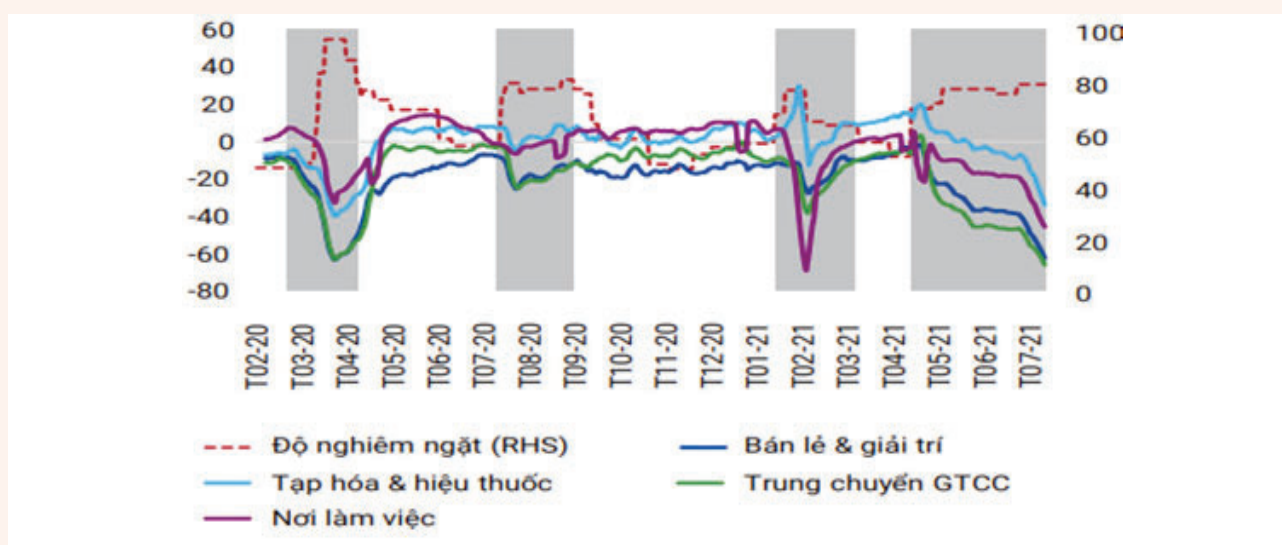
1. CBCT dẫn dắt tăng trưởng toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 11,42% trong 6 tháng đầu năm, gấp đôi mức tăng 5,06% của cùng kỳ năm 2020, đóng góp hơn 50% trong tăng trưởng GDP toàn nền kinh tế. Các ngành phản ứng năng động, phục hồi mạnh nhất gồm chế biến lương thực thực phẩm, dệt may, điện tử, chế biến gỗ, sản xuất kim loại, nhờ nhu cầu thị trường quốc tế cùng với quá trình phục hồi kinh tế và tiêm chủng vaccine tại các thị trường đối tác lớn nhất là Mỹ, Trung Quốc và EU. Việc gia tăng mạnh các đơn hàng xuất khẩu giúp sản xuất dệt may tăng cao (14,2% so cùng kỳ) trong quý II/2021, tương đương mức tăng 27% so với thời điểm trước Covid-19; sản xuất và chế biến gỗ tăng 7,2%, tương đương mức tăng 17,6% trước Covid-19; tương tự, sản xuất kim loại cơ bản tăng tương ứng 37,2% và 43,9%. Nhóm ngành điện thoại, điện tử, máy tính, mặc dù một trong những trung tâm sản xuất sản phẩm điện thoại, điện tử lớn nhất cả nước (Bắc Ninh) nằm trong vùng bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh, vẫn tăng trưởng rất cao (17,1% trong quý II/2021) nhờ nhu cầu thị trường quốc tế tăng mạnh.

2. Ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm (tăng 9,27%); y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (tăng 10,47%); bán buôn, bán lẻ và sửa chữa (tăng 5,63%); thông tin, truyền thông (tăng 5,22%).

Theo Tổng cục Thống kê, tiêu dùng cuối cùng 6 tháng đầu năm đã tăng 3,56% so với mức tăng gần 0,7% cùng kỳ 2020; tích lũy tài sản tăng 5,67% cao hơn mức tăng 1,93% cùng kỳ 2020; xuất khẩu tăng 24,7% trong khi cùng kỳ năm 2020 giảm 0,31%, nhập khẩu tăng 22,76%, cùng kỳ giảm 2,5%. Đóng góp của tiêu dùng nội địa và đầu tư tư nhân lần lượt ở mức 53,4% và 18,3% vào tăng trưởng GDP. Trong đó, xuất khẩu hàng hoá sang Mỹ đạt 44,9 tỷ USD, tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước, sang Trung Quốc đạt 24,4 tỷ USD, tăng 24%, sang EU đạt 19,3 tỷ USD, tăng 17,4%.

củi tháng 8/2021, mức giảm sản xuất công nghiệp và dịch vụ giảm sâu do nhu cầu tiêu dùng giảm 60-75%. Mức giảm sản xuất công nghiệp và dịch vụ giảm sâu do nhu cầu tiêu dùng giảm 60-75%. Mức giảm sản xuất công nghiệp và dịch vụ giảm sâu do nhu cầu tiêu dùng giảm 60-75%.

Hình 3: Xu hướng di chuyển – bình quân 7 ngày



Nguồn: Tổng hợp của WB (8/2021)

- Tăng trưởng sản xuất công nghiệp, tiêu dùng của dân cư và kỳ vọng kinh tế giảm sâu.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của quốc gia có tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin cao và tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin thấp. Quan hệ tương quan này càng mạnh mẽ hơn ở Việt Nam dù mức tác động có chút khác biệt¹.

Kết thúc tháng 5/2021, các hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ giảm sâu, chỉ số là các trung tâm kinh tế lớn. Chu kỳ cung ứng sản xuất công nghiệp bị gãy. Tỷ lệ tăng trưởng sản xuất công nghiệp giảm tới -11,9% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 5/2021 xuống 4,9% trong tháng 6, -0,3% trong tháng 7 và -7,4% trong tháng 8/2021. Mặc dù tính chung 8 tháng đầu năm, mức tăng ngành CBCT quản trị và vận hành công nghệ thông tin và dịch vụ khác tăng cao thì hiện nay cũng bắt đầu tăng trưởng âm.

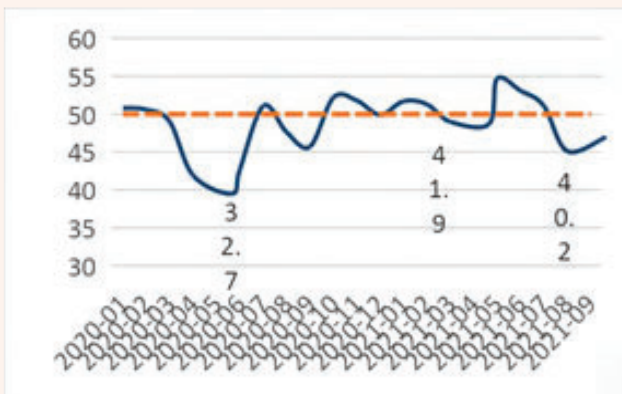
1. Phân tích gần đây của IMF cho thấy cứ thêm mỗi tháng cách ly, sản lượng công nghiệp trung bình có thể giảm gần 10%. Còn theo tính toán của WB, các quốc gia ở nhóm 25% số nước có tỷ lệ tiêm vaccine cao nhất được dự báo sẽ đạt tăng trưởng khá cao, bình quân 4,8% trong năm 2021, ngược lại những quốc gia ở nhóm tứ vị phân có tỷ lệ tiêm vaccine thấp nhất sẽ tăng trưởng thấp hơn nhiều, bình quân chỉ 2,5%/năm.

Trong đó, sản xuất công nghiệp CBCT, lĩnh vực đóng góp hơn 30% GDP toàn nền kinh tế, giảm 9,2% so với cùng năm trước; sản xuất và chế biến thực phẩm giảm 15,2%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 28,3%; điện tử, máy tính giảm 7%; các ngành dệt may trang phục trước đó tăng trưởng rất tốt nhờ xuất khẩu tăng cao thì hiện nay cũng bắt đầu tăng trưởng âm.

t các tháng u n m mang l i, nh ng n tháng 8/2021, s n xu t c a h u h t ngành CBCT ã suy gi m khá m nh cho th y s c ch ng ch u c a n n kinh t , c a các trung tâm công nghi p ã gi m i r t nhi u khi d ch b nh kéo dài.

Khu v c d ch v ti p t c b nh h ng n ng n nh t b i tác ng c a các bi n pháp phong t a, h n ch ì l i, m t s d ch v ph i óng c a trong nhi u tháng. Bên c nh ó, thu nh p gi m sút do thi u vi c làm ho c b m t vi c làm c a nhi u ng i lao ng c ng khi n nhu c u tiêu th hàng hóa, d ch v gi m m nh. T ng m c bán l

Hình 4: Di n bi n ch s PMI Vi t Nam



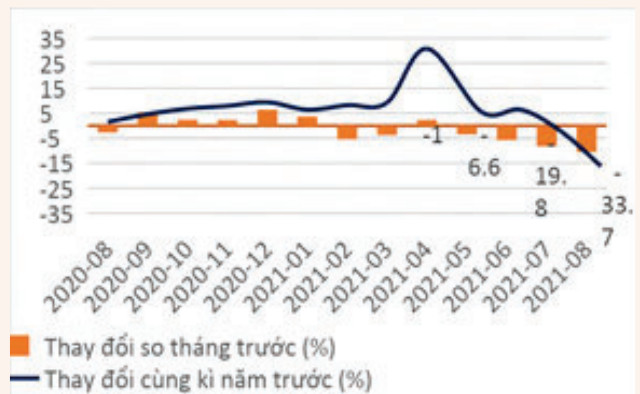
Nguồn: IHS Markit

- Xuất khẩu bắt đầu bị ảnh hưởng, thâm hụt thương mại gia tăng.

Xu t kh u c xác nh là m t trong nh ng tr c t quan tr ng thúc y t ng tr ng kinh t Vi t Nam n m 2021. Y u t này ang ch tr tích c b i nhu c u t ng cao t i các th tr ng M , Trung Qu c, EU khi các n n kinh t này trong quá trình

hàng hóa và doanh thu d ch v tiêu dùng ã b t u t ng tr ng âm k t tháng 5/2021. n tháng 8/2021, m c s t gi m ln nh t t tr c t i nay, v i t ng tr ng -33,7%, m c gi m ln nh tk t n m 2020. Các ch s có nh y cao, ph n ánh k i v ng t ng tr ng c ng trong xu h ng x u i. PMI gi m xu ng m c th p nh t k t tháng 5/2020, ch t 40,2 i m vào tháng 8/2021. Ch s PMI c a Vi t Nam không ch gi m t ng t, mà còn gi m sâu h n so v i m c bình quân c a các n c ASEAN, trong khi ch s PMI toàn c u l i ang t ng lên nh quá trình ph c h i nhi u qu c gia ln.

Hình 5: T ng tr ng t ng m c bán l hàng hóa và doanh thu d ch v tiêu dùng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

ph c h i m nh. Tính chung trong 8 tháng u n m 2021, xu t kh u v n t m c t ng tr ng cao, 21,2% so v i cùng kỳ n m 2020. Tuy nhiên, t tháng 8/2021, xu t kh u b t u t ng tr ng âm (-5,4% so cùng kỳ n m 2020) ã ph n ánh các khó kh n t phía s n xu t c a Vi t Nam. S n xu t và v n chuy n b nh h ng nghi m tr ng b i các

biện pháp nghiêm ngặt kiểm soát dịch bệnh¹.

Thâm hụt cán cân thặng dư (CCTM) tiếp tục gia tăng trong tháng 8/2021 (Xuất khẩu hàng hóa giảm 5,4%, trong khi nhập khẩu tăng 21,1%). Hậu quả là tính chung 8 tháng năm 2021, CCTM hóa nhập siêu 3,71 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,69 tỷ USD). Với việc xuất khẩu của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào thị trường ngoài và nhu cầu trong nước yếu ứ thì tình trạng nhập khẩu trong tháng 8 có thể chiếm mang tính tạm thời và thể hiện trở lại giant lúc hàng nhập khẩu lúc hàng xuất khẩu. Điểm tích cực là các xuất khẩu của Việt Nam đã có sự chuyển dịch từ ngành hàng Covid-19, và ngành nguyên liệu trong nửa năm 2021 so với năm 2020. Điều đã thúc đẩy chuyển dịch hàng xuất khẩu từ các mặt hàng sản phẩm và thâm nhập tài nguyên sang các mặt hàng công nghệ cao. Các biện pháp giãn cách xã hội và làm việc từ nhà cũng góp phần chuyển dịch nhu cầu hàng xuất khẩu từ các sản phẩm truyền thống sang các sản

phẩm có công nghệ tiên tiến hơn². Nhu cầu về máy tính, sản phẩm điện tử, internet và máy móc thiết bị công nghệ cao. Các doanh nghiệp nước ngoài, chi phí xuất khẩu các mặt hàng công nghệ cao, đã đóng góp và chuyển dịch sang các sản phẩm xuất khẩu này³.

- Thu hút FDI vẫn được duy trì, nhưng giải ngân dòng vốn này bắt đầu bị tác động bởi giãn cách xã hội.

Trong tám tháng đầu năm 2021, tổng vốn FDI đăng ký đạt 19,12 tỷ USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng chủ yếu là do góp vốn, mua cổ phần mới (tăng 42,9%), trong khi vốn đăng ký mới chỉ tăng 16,3%, vốn FDI thực chi tăng 2% so với cùng kỳ năm trước (tăng 11,7 tỷ USD). Riêng trong tháng 8/2021, Việt Nam đã thu hút được 2,4 tỷ USD vốn FDI đăng ký, tăng 65% so với tháng trước. Vốn FDI đăng ký cao hơn chủ yếu do vốn đăng ký chuyển vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo. Theo đó, trên cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài vẫn duy trì lòng tin và kỳ vọng vào

1. Cụ thể: xuất khẩu thủy sản và gạo giảm mạnh (26% và 30,4%) khi các mặt hàng này chủ yếu từ khu vực phía nam. Xuất khẩu đồ gỗ và giày dép cũng là nhóm bị ảnh hưởng nặng nề (giảm lần lượt 26,9 và 38,5% so với cùng kỳ năm trước); tiếp theo là máy tính và sản phẩm điện tử (giảm 11,9% so với cùng kỳ năm trước); dệt may (giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước). Tuy nhiên, xuất khẩu điện thoại vẫn tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước do nơi các địa phương đặt nhà máy kiểm soát tốt dịch bệnh. Về thị trường, xuất khẩu sang Hoa Kỳ vẫn đứng vững, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc và EU sụt giảm lần đầu kể từ tháng 3/2021.

2. Xuất khẩu các mặt hàng này sang Hoa Kỳ tăng 57% trong năm 2020 và 62% (so cùng kỳ năm trước) trong bốn tháng đầu năm 2021, chiếm trên 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này.

3. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp nước ngoài tăng 10,7% trong năm 2020 và 33% (so cùng kỳ năm trước) trong nửa đầu năm 2021. Hoa Kỳ, Trung Quốc và EU vẫn là những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, trong đó Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong xuất khẩu của Việt Nam.

kinh t Vi t Nam trong trung và dài h n. M c dù v y, gi i ngân v n FDI gi m trong tháng 8, v i m c gi m 14,3% so v i tháng tr c và 12,2% so v i cùng k n m tr c.

- Giải ngân đầu tư công rất khó khăn.

ut công v n ti p t c c s d ng nh m t công c kích thích t ng tr ng kinh t n m 2021. Tuy nhiên, vi c gi i ngân v n ut công theo k ho ch ang g p r t nhi u khó kh n, do b nh h ng b i (1) gi n cách xã h i, (2) v n th t c còn nhi u v ng m c khi n m 2021 là n m u tiên

th c hi n k ho ch ut công trung h n 2021-2025, trong khi (3) chi phí ut c a nhi u d án t ng do giá v t li u xây d ng t ng cao. Th c hi n v n ut công trong xu h ng ngày càng x u h n, t c t ng tr ng v n ut công âm t tháng 6/2021 và vì v y, tác d ng kích thích tr c ti p i t ng tr ng c a ut công là r th n ch . Tính chung 8 tháng n m 2021, v n ut công th c hi n m i ch t 244,9 nghìn t ng, b ng 51,1% k ho ch n m, gi m 0,4% so v i cùng k n m tr c (cùng k n m 2020 b ng 48% và t ng 28%).

Hình 6: T ng tr ng v n ut công



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nh v y, h u h t các ch s kinh t v mô u ph n ánh xu h ng suy gi m trong các tr c t t ng tr ng kinh t . V i các d li u nh v y, d ki n t ng tr ng GDP quý III/2021 s m c r t th p, th m chí m c âm. áng l u ý là, khác v i nh h ng c a các t d ch tr c. t d ch th 4 này làm

nh h ng m nh n cung t trong n c, t c ngh n các chu i n i a và s n xu t ph c v cho xu t kh u trong khi ó c u v xu t kh u v n ang t ng cao. C h i xu t kh u s gi m nhanh n u ki m soát d ch trong n c k hông hi u qu .

II. Tác động của Covid-19 đến kinh tế của doanh nghiệp, hộ gia đình

Năm 2021, bị ngừng doanh nghiệp là khá lớn. Khó khăn trong sản xuất, kinh doanh khi các doanh nghiệp ghi giảm và ngừng hoạt động tăng nhanh trong 8 tháng đầu năm, với 55,4 ngàn doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2020, và cao hơn 80,7% so với cùng kỳ năm 2019¹. Điều này cho thấy, dịch bệnh Covid-19 đã có dấu hiệu ảnh hưởng khá sâu tới các doanh nghiệp.

Tình hình thanh toán cho thấy nhu cầu áp lực về tài chính ở vùng doanh nghiệp là rất lớn. Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (WB) (2020) cho quan hệ thanh toán quan hệ gia đình gia đình xã hội nghiêm trọng của kiểm soát Covid-19 của Chính phủ và tình trạng tài chính của hộ gia đình nhân².

Ngoài tác động kinh tế vĩ mô, dịch bệnh ảnh hưởng sâu sắc đến người lao động và hộ gia đình. Nhu cầu giảm chi tiêu và chi trả qua tình trạng khó khăn kinh tế vĩ mô tăng lên do dịch bệnh kéo dài và vẫn khá nghiêm trọng. Tình trạng lao động có khó khăn chi tiêu chi tiêu chi tiêu trong năm trước, dịch bệnh, nhu cầu giảm chi tiêu chi tiêu chi tiêu³. Dịch bệnh Covid-19 đã khiến việc khai thác xuất lao động cho các ngành nghề giảm sút. Trong dài hạn, việc giảm chi tiêu chi tiêu chi tiêu, khai thác các xuất lao động và vốn, Covid-19 sẽ khiến ngành công nghiệp tiêu dùng giảm sút, quá trình suy giảm các nguồn lực này tiếp tục nghiêm trọng và kéo dài⁴.

III. Ảnh hưởng của Covid-19 tới thị trường

- Thu - chi Ngân sách nhà nước (NSNN) bị ảnh hưởng và bắt đầu cho thấy những điểm bất lợi.

1. Đặc biệt là số lượng doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn (doanh thu trên 10 tỷ đồng) đóng cửa hoặc giải thể đã tăng lên đáng kể từ khoảng 2300 doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2019 lên 3200 trong cùng kỳ năm 2020 và 3500 năm 2021 (tăng thêm 45%), đáng kể là nhóm vừa (từ 20-50 tỷ) số lượng bị giải thể, tạm dừng tăng thêm tới 113%.

2. Kết quả khảo sát về tình hình sức khỏe tài chính của doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại từ tháng 5/2021 đã cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không dự kiến trước được thời gian bao lâu chiếm tỷ lệ rất lớn (44,9%). Về khả năng tài chính, có hơn 46% số doanh nghiệp có thể duy trì được hoạt động từ 1-3 tháng; trong khi với các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, có tới 39,8% cho biết chỉ có thể duy trì được dòng tiền cho hoạt động trong khoảng thời gian dưới 1 tháng.

3. Theo số liệu Tổng cục Thống kê, trong quý II/2021, có khoảng 12,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đợt dịch lần thứ 4, bao gồm mất việc làm, tạm nghỉ, làm việc luân phiên, giảm giờ làm, hoặc giảm thu nhập. Quy mô lực lượng lao động giảm 0,7% trong khi có thêm 1,6% người lao động thất nghiệp hoặc thiếu việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm tăng thêm lần lượt 0,2 điểm % và 1,3 điểm % so với quý II/2019. Mức lương thực tế thấp hơn 1,3% so với cùng kỳ 2019. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức lên đến 57,4%, mức cao nhất trong ba năm qua.

4. Tính toán từ kết quả điều tra tác động của Covid-19 cho thấy, đại dịch đã làm gia tăng tỷ lệ khai thác dưới tiềm năng tới 2,2 điểm phần trăm (điểm %) vào quý II/2020 và 1,2 điểm % vào quý II/2021 đối với nguồn lực lao động. Xu hướng này đang gia tăng từ quý I sang quý II/2021.

M c dù tính chung 8 tháng u n m 2021, thu NSNN v n t ng cao so v i n m 2020, nh ng áp l c thu ang l n d n, t ng thu có xu h ng gi m d n do tác ng c a chính sách gia h n th i h n n p thu và ti n thuê t và do nhi u ngu n thu ang b nh h ng tiêu c c b i d ch Covid-19, tình hình ho t ng s n xu t kinh doanh g p khó kh n, các ho t ng kinh t ch ng l i. Tín hi u b t n di n ra t tháng 4/2021 v i s thu n i a có xu h ng gi m d n.

c bi t, t ng thu ngân sách tháng 8/2021 ã gi m 9,8% so v i cùng k n m tr c, s thu t các kho n thu gián thu (thu giá tr gia t ng, thu tiêu th c bi t) gi m m nh, ch b ng kho ng t 57% n 60% s thu tháng 7/2021. ánh giá chung cho th y, thu ngân sách n m 2021 s r t khó kh n do nh h ng b i d ch Covid-19 và thi u v ng ch c do ngu n thu t ng ch y u t các l nh v c t ng tr ng nóng, r i ro cao, nh ch ng khoán, b t ng s n, sáp nh p và chuy n nh ng v n và t ng thu t thu h i n thu - là các ngu n t ng t bi n t cu i n m 2020 n nay.

Trong khi ó, chi th ng xuyên t ng 90% trong tháng 8/2021 so v i cùng k n m tr c, do huy ng ngu n l c l n cho các ho t ng y t , các ho t ng ph c v phòng, ch ng d ch Covid-19 và mua vaccine. Vì c tri n khai th chi n các d án ut công b ch m tr t u n m d n n h qu là gi i ngân v n ut công trong

tháng 8 gi m g n h n 30% so v i cùng k n m tr c, t ng chi ngân sách th p h n 10,5% so v i m t n m tr c ó.

Tính chung 8 tháng u n m 2021, thu ngân sách t ng 14,3% và t ng chi ngân sách gi m 5,9% so cùng k n m 2020. D báo nh ng tháng cu i n m, t ng tr ng kinh t s khó t c nh k v ng h i u n m. i u này gây áp l c l n h n cho v i c th c hi n các m c tiêu thu NSNN n m 2021.

- Dư nợ tín dụng tiếp tục gia tăng trong bối các hoạt động kinh tế suy giảm:

T ng tr ng tín d ng có xu h ng ch m h n t tháng 5/2021 n nay. Tuy nhiên, theo công b c a NHNN, tính n cu i tháng 8/2021, tín d ng ã t ng 7,4% so v i u n m và theo tính toán c a WB, cons này t ng ng m c t ng 14,9% so v i cùng k i n m 2020. T c t ng tr ng này cao hn so v i th i gian tr c i d ch. Nhìn khía c nh tích c c, k t qu trên là do các ngân hàng ti p t c th c hi n chính sách cho vay u ãi và tái c c u n nh m h tr các doanh nghi p b nh h ng b i t d ch Covid-19 ang di n ra. Song, các chuyên gia cho r ng c n theo dõi ch t ch m t ph n v n tín d ng có th ã ch y vào các th tr ng tài s n nh ch ng khoán và b t ng s n b ng nghi u hình th c, m c dù s li u chính th c v d n tín d ng trong các l nh v c ch ng khoán và B S v n m c th p.

- *Nguy cơ nợ xấu gia tăng.*

Tính chung trong toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, tài chính và ngân hàng công nghiệp và ngân hàng thương mại. Thông tin 14/2021/TT-NHNN cho phép gia hạn thời gian trả góp phần duy trì tài chính và ngân hàng trong năm 2021. Ngân hàng còn tiếp nhận rõ ràng sự tăng trưởng tín dụng cao, đặc biệt là tình hình tín dụng quy định của các ngân hàng chuyên nghiệp, do vậy, nguy cơ tái cấu trúc thành nợ xấu ngày càng rõ rệt, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 kéo dài và dịch COVID-19.

Theo báo cáo thẩm tra của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, ngân hàng và tài chính trong quý I/2021 và tình hình có nguy cơ trở thành nợ xấu sẽ cao¹. Dịch COVID-19 kéo dài có nguy cơ tác động xấu đến khách hàng và khả năng trả nợ trong thời gian tới. Do đó, nguy cơ xuất hiện nợ xấu và các vấn đề khác.

- *Lạm phát đang được kiểm soát tốt.*

Bên cạnh những thách thức tài chính và mô hình kinh doanh khó khăn, rủi ro cao hơn,

thì vẫn lạm phát và nền kinh tế giá trị gia tăng vẫn duy trì tăng trưởng. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân vẫn tăng 1,79% - so với mục tiêu giảm lạm phát 3-4%/năm. Lạm phát cơ bản bình quân tăng 0,9%. Đây là điều kiện thuận lợi để duy trì lãi suất thấp, hỗ trợ cho khu vực doanh nghiệp. Tuy nhiên, với tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, các biện pháp giãn cách xã hội có thể khiến cho nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm sút, báo cáo CPI bình quân năm 2021 vẫn duy trì mức dưới 4%.

- *Tỷ giá và thị trường ngoại hối tương đối ổn định.*

Vị thế ngoại hối và khu vực kinh tế ngoại, Việt Nam vẫn duy trì mức tích cực với mức dư ngoại hối tích lũy thêm 6,0 tỷ USD từ tháng 12/2020 đến tháng 4/2021, đến tháng 6/2021, dự trữ ngoại hối đạt khoảng 100 tỷ USD, tăng 16 tuần liên tiếp. Tuy nhiên, hiện nay, các cán cân thanh toán hàng hóa và cán cân vãng lai đang trở nên bất lợi hơn. Nhập khẩu tăng nhanh hơn

1. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 4/2021 là 1,78%, tổng nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng là 483,2 nghìn tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 4,71%.

2. Tháng 8/2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 2,82% so với cùng kỳ năm trước. Các biện pháp hạn chế đi lại đã ảnh hưởng đến giao thông trong nước và làm gián đoạn các chuỗi cung ứng, dẫn đến giá lương thực, thực phẩm tăng 1,2%, qua đó tạo áp lực lên giá cả nói chung. Trong lúc đó, tình hình giá cả trên thị trường thế giới có chiều hướng tích cực hơn, giá năng lượng và kim loại thế giới chững lại, giảm nhẹ áp lực lên chi phí vật liệu xây dựng và nhà ở trong nước. Giá cả các mặt hàng ngoài lương thực, thực phẩm khác cũng ổn định do nhu cầu trong nước yếu đi đáng kể trong thời gian giãn cách.

xu t kh u, trong khi cán cân d ch v ti p t c b nh h ng tiêu c c b i vi c óng c a biên gi i qu c gia i v i h u h t khách qu c t . Khu v c kinh t i ngo i m t i m t ph n ng l c khi cán cân th ng m i hàng hóa chuy n sang tr ng thái thâm h t sau khi t k t qu th ng d cao ch a t ng có trong n m 2020. i u này có th nh h ng n xu h ng th tr ng nh ng tháng cu i n m.

i v i t giá USD/VND, 8 tháng u n m 2021, t giá dao ng nh theo di n bi n c a ng USD trên th tr ng qu c t , nh ng nhìn chung v n t ng i n nh, m c giao ng kho ng 0,5-1%, do c h tr bi các y u t tích c c¹. Bên c nh ó, NHNN th c hi n chính sách ti n t linh ho t, ch ng, th c hi n h m nh giá mua vào USD nh m h tr ki m soát l m phát, bình ng giá nguyên v t li u nh p kh u.

1. Gồm: cung cầu ngoại tệ tương đối ổn định; dự trữ ngoại hối ở mức cao; tính đến thời điểm hiện tại, kiều hối đang hồi phục và dòng vốn FDI vẫn ổn định vẫn đang giúp bù đắp thâm hụt cán cân thương mại; cơ chế mua ngoại tệ kì hạn 6 tháng có hủy ngang (được điều chỉnh thành không hủy ngang từ tháng 6/2021) đối với các tổ chức tín dụng được áp dụng từ đầu năm 2021 giúp tỷ giá liên ngân hàng ổn định hơn khi nguồn VND được phân bổ đều hơn ra thị trường.

DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ 03 THÁNG CUỐI NĂM 2021 VÀ NĂM 2022

Ths. Đinh Thị Hào
TS. Trần Toàn Thắng¹



(Ảnh minh họa, nguồn: baotainguyenmoitruong.vn)

Chín tháng đầu năm 2021, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, lây lan nhanh trên phạm vi toàn cầu. Phần lớn các quốc gia châu Á bị mất vị trí thứ hai khó khăn trong việc chống dịch và phục hồi kinh tế. Mặc dù tình trạng khá trong các tháng đầu năm do phục hồi tiêu dùng nội địa và xuất khẩu, kinh tế Việt Nam suy giảm mạnh do tác động của dịch bệnh 4 tháng cuối quý II. Diễn biến kinh tế những tháng cuối năm 2021 và năm 2022 nhìn chung phụ thuộc rất lớn vào các biện pháp kiểm soát dịch. Ngay cả trong điều kiện

dịch Covid-19 được kiểm soát thì kinh tế phục hồi kinh tế những tháng cuối năm cũng gặp khó khăn do kiểm soát dịch. Các yếu tố dẫn đến suy giảm tăng trưởng ngắn hạn chủ yếu phía trong nước, sản xuất, tiêu dùng suy giảm do những biện pháp kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt, việc cắt giảm các chuỗi cung ứng nội địa và sản xuất phục vụ cho xuất khẩu trong khi các vụ xuất khẩu vẫn đang tăng cao khi các chính sách xuất khẩu giảm nhanh hơn việc kiểm soát dịch trong nước không hiệu quả.

1. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia

1. Kinh t qu c t

Nh ng tháng cu i n m, bi n ch ng Delta và các bi n ch ng Covid-19 m i v i t c lây lan nhanh v n làm ty ut r iro, h nch tri nv ng ph ch ic a kinh t th gii; ph n l n các qu c gia, bao g m các th tr ng m i n i và n n kinh t ang phát tri n, và các qu c gia thu nh p th p, ang th khó do kh n ng ti p c n vaccine và ngu n l c tài chính duy trì chính sách ti n t và tài khóa n i l ng nh m kích ho t quá trình h i ph c h n ch . Các n n kinh t M , Trung Qu c, EU... có th t ng tr ng th p h n d ki n trong quý III/2021, nh ng các ánh giá u cho th y các qu c gia này s t ng tr ng t t trong quý IV và c n m 2021¹. ut tr c ti p n c ngoài toàn c u ph ch i dù còn ch m. Tình hình giá c th gii ang có chi u h ng tích c c hn...

Trong dài h n h n, n m 2022, nh ng r irot d ch Covid-19, k th p v i các bi n ng a chính tr có th làm gi m ng l c ut ra bên ngoài c a các dòng v n dài h n nh FDI, ng th i v i c th c hi n các gói kích thích kinh t quy mô l n khi n r i ron công c a nhi u qu c gia t ng nhanh. N công cao và kéo dài s h n ch d a kích thích, ph ch i kinh t b ng các gói h tr tài khóa, ng th i nch ang uy c m t cu c kh ng ho ng t ng t cu c kh ng ho ng n công châu Âu trong quá kh n u

không c ki m soát t t. Tuy nhiên, có c s cho r ng kinh t th gi i có th chuy n bi n t t trong n m 2022. Các phân tích cho th y, s lây lan và tác ng tiêu c cc ad ch b nh d ki ns ch nch m c th p vào n a cu i n m sau nh v i c k t h p các bi n pháp phòng ng a và c i thi n kh n ng ti p c n vaccine, c ng nh các li u pháp i u tr Covid-19 c a ph n l n các qu c gia trên th gi i. Theo ó, tri n v ng t ng tr ng tích c c v n t c i v i nhi un n kinh t , c bi t là các i tác th ng m i, ut l n c a Vi t Nam.

Nh v y, b i c nh qu c t th i gian t i dù có nhi u b t nh nh ng khá thu n l i cho xu t nh p kh u và thu hút ut và qua ó là t ng tr ng kinh t Vi t Nam, b i h u h t các i tác th ng m i, ut l n c a Vi t Nam u cho th y tri n v ng tích c c.

2. Kinh t Vi t Nam

Quá trình ph c h i kinh t trong nh ng tháng t i ph thu c r t nhi u vào kh n ng ki m soát d ch b nh và m c bao ph vaccine; hi u qu và ph n ng ph c a các bi n pháp phòng ch ng b nh d ch; các bi n pháp h tr n n kinh t , h tr doanh nghi p và ng i dân. Tuy nhiên, ngay c trong tr ng hp d ch b nh c b n c ki m soát thì kh n ng ph ch i s n xu t, kinh doanh quý cu i n m c ng s khó kh n

1. IMF (7/2021) dự báo, năm 2021, kinh tế Mỹ có thể đạt tốc độ tăng trưởng 5,6% trong năm 2021 (so với mức giảm 3,2% trong 2020), kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 7,5% (so với mức tăng 2,8% trong 2020), kinh tế EU tăng trưởng 4,6% (so với con số -6,4% của năm trước). IMF (7/2021) cũng điều chỉnh dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu lên 9,7% trong năm 2021 và 7% trong năm 2022.

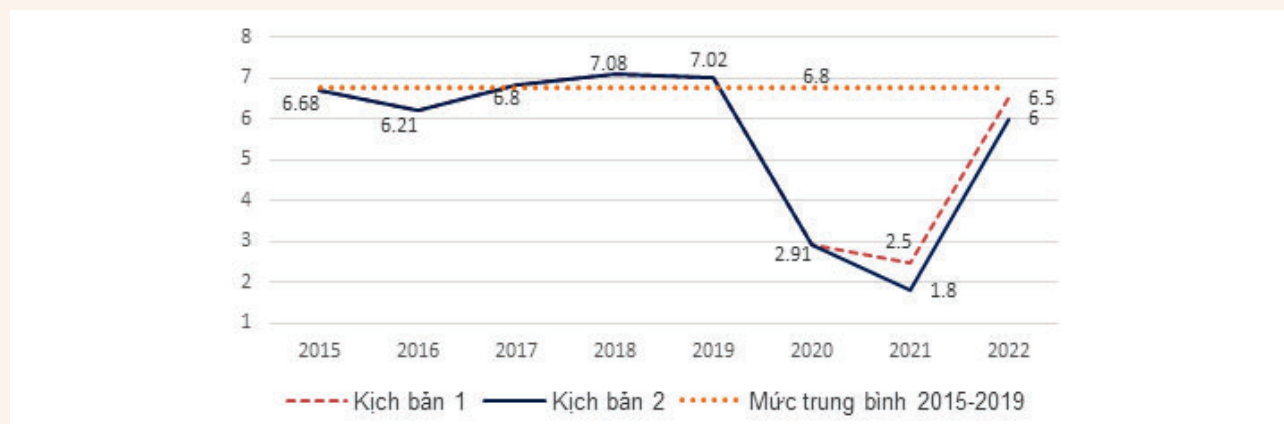
hơn d ki n tr c ây r t nhi u do nh ng nh h ng sâu s c, kéo dài t i d ch lên th tr ng lao ng, chu i cung ng, thu, chi NSNN c a Chính ph , b ng cân i c a doanh nghi p, túi ti n và tiêu dùng h gia ình. Bên c nh ó, vi c thúc y ti n u t công có th không nh mong mu n do nh h ng các bi n pháp ki m soát Covid-19. Kh n ng t ng tr ng c a trung tâm kinh t l n nh t c n c – TP. H Chí Minh và các t nh lân c n trong nh ng tháng cu i n m c ng r t khó kh n. V i các tác ng nghiêm tr ng c a t d ch th 4 và v i các ánh giá nêu trên, d báo t ng tr ng kinh t Vi t Nam n m 2021 s m c 1,8-2,5%/n m, thay vì 6-6,5% nh m c tiêu ã trah i un m.

N m 2022, tri n v ng t ng tr ng kinh t d báo s t t h n khi chu i cung ng, chu i s n xu t trong n c c m b o bi ph vaccine r ng h n, kh n ng ch ng ngu n vaccine cao h n. Tiêu dùng, xu t kh u và u t c i thi n tích c ch n. Các bi n pháp h tr doanh nghi p, ng i

dân và n n kinh t ti p t c c tri n khai. Tuy nhiên, c n l u ý là trong dài h n, nhi u y u t mang tính c u trúc c a n n kinh t ã thay i. Sau h n m t n m v i nhi u t d ch khác nhau, tình hình s n xu t kinh doanh c a doanh nghi p và ng i dân b nh h ng m nh, Covid-19 không còn c coi là s gián o n n thu n mà ã và ng làm thay i c u trúc kinh t c ng nh các hành vi s n xu t, ti t ki m, tiêu dùng. Các ng l c kinh t trong ng n và trung h n, s c ch ng ch u c a c doanh nghi p và ng i dân ã có d u hi u b nh h ng. Ngoài ra, các y u t r i ro v n còn, n x u, v n r ng n h n, trong khi c h i s n xu t kinh doanh trong b i c nh Covid - 19 ch a nhi u, d n n dòng v n có th s ti p t c ch y vào l nh v c không c khuy n khích nh b t ng s n và th tr ng ch ng khoán...

ánh giá t ng h p các y u t tác ng, cùng v i hi u ng c s th p c an m 2021, d báo n m 2022, t ng tr ng kinh t Vi t Nam có th t m c 6-6,5%.

Hình 6: T ng tr ng v n u t công



Nguồn: Dự báo của tác giả

Trong lúc này, phòng ch ng, ki m soát d ch Covid-19 là nhi m v u tiên s m t, cùng v i ó, chi n l c vaccine h p lý là i u ki n tiên quy t. ng th i, các bi n pháp h tr c n c tri n khai tích c c hn, c th :

(1) *Đối với người dân*, các bi n pháp hi n nay nhìn chung ang i úng h ng, trong ó ã có s thay i trong cách ti p c n h tr t cách h tr theo m c tiêu sang h tr di n r ng và th c ch th n. Tuy nhiên, qui mô h tr v n còn t ng i th p. C n nghiên c u ara chi n l c ph i hp gi a h tr và kích c u tiêu dùng nh m h i ph c nhanh ngành d ch v th ng m i và kích thích các doanh nghi p nh và r t nh ; nghiên c u b sung h tr ti n thuê nhà cho dân c t i các a bàn ang b gi n cách theo Ch th 16;

(2) *Đối với doanh nghiệp*, tình hình th ct cho th ys c ch ng ch uc a doanh nghi p ã gi m nhi u. Các bi n pháp h tr t i th i i m quý III và quý IV/2021 là r tc n thi t. Chính ph c n s m tri n khai gói h tr v i khu v c doanh nghi p ch n m 2021 và kéo dài n n an m 2022 t ok v ng cho ut t khu v c doanh nghi p. Trong ng n h n, gi m chi phí doanh nghi p v n là i u ki n tiên quy t giúp doanh nghi p ph c h i, s th chi n thông quang gi m chi phí lãi vay, gi m m t s lo i phí, l phí, chi phí ti n i n, n ng l ng, chi phí logistic, m b o kh i thông các tuy n huy n m ch, liên vùng. Tỉ pt c h tr chi phí gi lao ng c a doanh nghi p, c bi t các doanh nghi p v a và l n. V i các vùng d ch ang nghi m tr ng và kéo dài nh khu v c TP.HCM và các t nh xung quanh, c n áp d ng các m ch tr l nh n m c quy nh chung hi n nay.

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRƯỚC LÀN SÓNG ĐẠI DỊCH LẦN THỨ TƯ

PGS.TS. Nguyễn Khắc Quốc Bảo
ThS. Tô Công Nguyên Bảo¹



Công ty TNHH Điện tử Foster tại Bình Dương thực hiện 3 tại chỗ, Ảnh: TTXVN

Doanh nghiệp là tr c t c a n n to l n và khó kh c ph c. Chính vì v y, vì c kinh t , c ng gi ng h t nh tri n khai nhanh chóng và hi u qu các tri t lý “l y dân làm g c”, n u chính sách h tr ,ch ng cho các ngu n doanh nghi p không v ng, l n l c c a doanh nghi p lúc này c ng kh n b i thì n n kinh t s suy thoái c p nh máy th cho b nh nhân Covid-19, kéo dài, không còn ng l c ph ch i và ch c n m t chút không k p th i hay b t c p các thi t h i kéo theo v xã h i là vô cùng thì h u qu r t khó l ng.

1. Trường Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

1. Bi c nh v mô

N nkinht angki ts cvì giãncách
nghiêmng t

D ch b nh ã khi n các ho t ng kinh
t ch ng l i. S li u t T ng c c Th ng kê
Vi t Nam (GSO) ghi nh n ch s s n xu t
toàn ngành công nghi p (IIP) trong tháng
8/2021 c tính gi m 7,4% so v i cùng k
n m tr c, c bi t là ngành ch bi n, ch
t o gi m n 9,2%. u tàu kinh t TP. H
Chí Minh chi m kho ng 20% quy mô kinh
t c a Vi t Nam và óng góp 1/3 cho ngân
sách qu c gia l i ang ch u tác ng n ng
n nh t c a d ch b nh trong t bùng phát
l n này.

N u nh ut công, xu t kh u và tiêu
dùng n i a c xem là các tr c t ch ng
cho àt ng tr ng c an nkinht trong
n m tr c thì tình hình hi n nay cho th y
các ngu n l c này ã suy y u¹.

Trong khi các th tr ng th gi i ang
h i ph c m nh, t ng tr ng quý III c a kinh
t th gi i ang c k v ng là s l p k
l c, cho th y s c c u xu t kh u ang gia
t ng thì tình hình hi n nay l i cho th y Vi t
Nam khó có kh n ng áp ng khi ho t
ng s n xu t trong n c ang g p r t
nhi u khó kh n.

Tiêu dùng n i a và ut c a khu
v c t nhân ang gi m sút m nh vì n i s
hãi do d ch b nh gây ra cho c c ng ng.
Giãncách xã h i trên di n r ng ch c ch n
s giáng m t òn chí m ng vào tiêu dùng
và ut trong nh ng tháng t i và tr
kinht có th s còn kéo dài nh t n m².

Các b t n v mô gia t ng tr m tr ng

Giãncách xã h i nghiêm ng t cùng v i
tính b t nh do i d ch gây ra khi n các
b t n v mô càng tr nên tr m tr ng và y
r i ro h th ng gia t ng. V n áng quan
tâm nh t chính là m c an toàn c a khu
v c tài chính. N u nh kh n ng ch ng
ch u c a doanh nghi p, ng i dân ngày
càng suy ki t thì vi c m t kh n ng chi
tr là hi n nhiên, ngh a là ã có s chuy n
gia o r i ro t khu v c kinh t th c sang khu
v c tài chính. i u này ch c ch n s khi n
t l n x u c a h th ng ngân hàng t ng
lên trong thi gian t i, c bi t là các ngân
hàng có m c an toàn v n th p. Bên c nh
ó, s li u v t l n x u, t l an toàn v n
ch a c p nh t s m càng th i bùng s nghi
ng i v các bong bóng n ti m n và r i ro
v .

B ng ch ng là g n ãy kho ng chênh
l ch gi a lãi su t huy ng và cho vay c a
các ngân hàng th ng m i ang c duy

1. Số liệu thống kê 8 tháng đầu năm 2021 cho thấy vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước chỉ mới đạt 51,1% kế hoạch của năm. Tương tự như vậy, xuất khẩu cũng không đạt được các mục tiêu đã đặt ra và cán cân thương mại đang có xu hướng xấu đi trong 8 tháng đầu năm, nhập siêu khoảng 3,71 tỷ USD so với mức xuất siêu 13,69 tỷ USD cùng kỳ năm trước. (Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2021, Tổng cục Thống kê, cập nhật 29/08/2021)

2. Như TP.HCM, hơn 60% GDP của thành phố được đóng góp bởi khu vực dịch vụ, lĩnh vực hiện nay được xem gần như đã tê liệt vì thời gian giãn cách kéo dài.

trì m cr t l n là m t bi u hi n c a ph n bù r i ro tín d ng, m t cách mà h th ng ngân hàng ang chi t kh u tr c tri n v ng khó kh n c a n n kinh t vào lãi su t phòng ng ar i ro.

K n, áp l c l m phát s è n ng lên kh n ng ph c h i c a n n kinh t khi mà chu i cung ng b t gây khi n giá c hàng hóa, nguyên v t li u t ng m nh, ngu n lao ng thi u h t...¹ T i Vi t Nam, m c dù ch s giá tiêu dùng (CPI) trong 8 tháng u n m 2021 ch t ng 1,79% so v i cùng k n m tr c, m c t ng th p nh t k t n m 2016 nh ng i u này c ng báo hi u là t ng c u ang thu h p.

IHS Markit² ã công b báo cáo ch s qu n tr mua hàng (PMI) i v i ngành s n xu t Vi t Nam trong tháng 8/2021 gi m còn 40,2 i m so v i 45,1 i m c a tháng tr c. i u này ph n ánh s l ng n hàng thu muac a khu v c s n xu t ang gi m m nh, ho t ng s n xu t - kinh doanh ang co c m l i. M t i m áng lo ng i khác chính là kh n ng quay u, thoái v n c a khu v c n c ngoài tr c làn sóng bùng phát d ch b nh, các công ty a qu c gia bu c ph i ánh giá l i chi n l c s n xu t, kinh doanh c a mình. S c ch u ng là có h n khi mà nh ng doanh nghi p này ang i m t v i chu i cung ng b t c ng n, các

nhà máy và c s kinh doanh bu c ph i óng c a, ho c m c c m c , trong khi xu h ng ph c h i s n xu t, nhu c u ang di n ram nh m trên th gi.

T ng cung và t ng c u b thu h p, kèm theo các b t n v mô t ng lên s khi n cho khu v c kinh t th c tr nên suy y u hn. T t c nh ng i u này s c truy n d n sang khu v c tài chính, tính d b t n th ng càng tr nên nh y c m h n. áng nói, di n bi n c a th tr ng ch ng khoán g n ây càng cho th y s b t n khi giá t ng gi m b t th ng, không th lý gi i, có bi u hi n c a u c và thao túng giá. Câu h i tra là s t ng tr ng m nh c a th tr ng ch ng khoán th i gian g n ây li u có b sung v n cho doanh nghi p, hay ch là mua i bán l i, khi n ch ng khoán nh m t "c c thanh ng" chuy n t ng i tr c sang ng i sau, m i l n nh v y l i y các b t n v mô t ng lên t ng ng.

Ngoài ra, v n v r i ro tài khóa c ng c n nh c n, các t bùng phát d ch b nh s khi n tình hình tài khóa c a Chính ph tr nên khó kh n h n khi mà vi c chi ngân sách gia t ng còn thu ngân sách gi m sút. c bi t là các gói h tr v i quy mô ngày càng ln có th c tri n khai trong giai o n t ây n cu i n m 2021 nh m ph c h i n n kinh t và m b o an sinh xã h i.

1. Trên thế giới, tính đến cuối quý II, giá hàng hóa phi nhiên liệu, bao gồm nguyên vật liệu nông nghiệp thô và nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp đã tăng gần 40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp tăng gần 70% và giá nguyên vật liệu nông nghiệp thô tăng 30%. Giá nhiên liệu tăng 110% chủ yếu do nguồn cung bị cắt giảm.

2. Công ty thu thập kết quả khảo sát chỉ số Nhà quản trị mua hàng.

Tr c nh ng b t n ó, vi ch tr , ti p s c cho doanh nghi p là c p bách c ng c tr c t quan tr ng c an n kinh t , m b o m t cách t i a các ho t ng kinh t c v n hành thông su t duy trì các ng c t ng tr ng m c dù ang ch m l i, h n ch t i a các truy n d n b t n v mô và t ng c ng qu n tr r i ro i v i khu v c tài chính, ch ng khoán. ó là các chính sách c n u tiên vì có ý ngh a thi t th c, dài h n h n là nh ng m c tiêu nh danh ng n h n nh t ng tr ng GDP.

2. S c kh e doanh nghi p và các v n xã h i

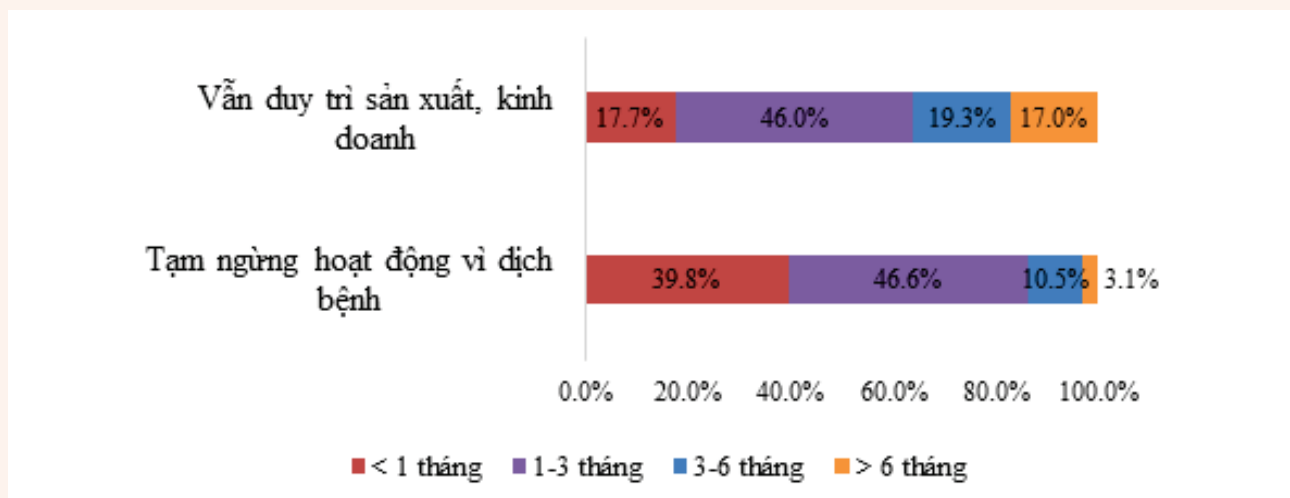
Khó kh n ch ng ch t

S c ch u ng và s linh ho t c a các doanh nghi p, c bi t là khu v c t nhân ã giúp kinh t Vi t Nam ph c h i sau

các t giãn cách xã h i trong n m tr c. Chính các ngu n tích l y và d phòng c dành d m qua m t th i gian dài ã giúp các doanh nghi p v t qua kh ng ho ng, duy trì ho t ng s n xu t - kinh doanh, m b o sinh k cho ng i lao ng và áp ng cách p ng ã ký k t v i i tác. Tuy nhiên, g n 2 n m ch ng ch u v i Covid-19 và s kh cli t c a t bùng phát l n th t ã bào mòn t t c nh ng g i còn l i.

Hình 1 cho th y kho ng th i gian có th c m c v i dòng ti n hi n có c a doanh nghi p, ph n l n là d i 3 tháng. Nh ng khó kh n v m t tài chính mà doanh nghi p g p ph i nhi u nh t bao g m chi tr ti n l ng, chi tr ti n lãi vay ngân hàng, chi tr ti n thuê t, óng b o hi m xã h i. (Hình 2)¹.

Hình 1. Kho ng th i gian có th c m c v i dòng ti n hi n có c a doanh nghi p (% doanh nghi p), 12/08/2021 - 22/08/2021



Nguồn: Dữ liệu trích xuất Ban nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân (Ban IV) & Báo điện tử VnExpress

1. Kết quả khảo sát về tình hình doanh nghiệp từ ngày 12/08/2021 đến 22/08/2021 do Ban nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân, phối hợp với Báo điện tử VnExpress thực hiện cung cấp bức tranh về sức khỏe của 21.517 doanh nghiệp.

Hình 2. M t s khó kh n v tài chính mà doanh nghi p g p ph i (% doanh nghi p), 12/08/2021 - 22/08/2021



Nguồn: Dữ liệu trích xuất Ban nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân (Ban IV) & Báo điện tử VnExpress

S li u th ng kê 8 tháng u n m 2021 ghi nh n s doanh nghi p rút lui kh i th tr ng là 85,5 nghìn doanh nghi p, t ng 24,2% so v i cùng k , riêng TP.HCM có 24 nghìn doanh nghi p, chi m 28,1%. S doanh nghi p t m ng ng kinh doanh có th i h n là 43,2 nghìn doanh nghi p, chi m 50,5%. Nh v y, s doanh nghi p còn bám tr c ch c ch n s ngày càng khó kh n h n khi các i u ki n s n xu t - kinh doanh b h n ch ho c th t ch t m b o các nguyên t c ch ng d ch. Các lý do t m ng ng ho t ng theo kh o sát 21.517 doanh nghi p t ngày 12/08/2021 n 22/08/2021 n t t gây chu i cung ng (35,4%), t nguy n (32,4%), không áp ng yêu c u phòng d ch (21,3%), theo Ch th (6,3%), v.v.

Ngoài ra, nh ng b t c p và chi phí ph i tr quá cao cho gi i pháp "3 t i ch " và "m t cung ng hai i m n" c nghi n

rõ. Th c t có r t ít doanh nghi p áp ng c i u ki n c a hai gi i pháp này. N u có thì c ng ch duy trì và th nghi m, do ó n ng su t ch c ch n s gi m xu ng vì các nguyên t c ch ng d ch s làm cho hi u qu kinh t và tính c nh tranh s không còn m b o. Bên c nh s n xu t, các doanh nghi p c ng ph i c ng mình áp ng tiêu chu n phòng, ch ng d ch b nh và m b o sinh ho t, n , tinh th n cho ng i lao ng. i u này làm cho chi phí c a doanh nghi p t ng lên, ví d i n hình là su t n c a m i ng i lao ng c ng ã t ng g p ôi t im t s doanh nghi p.

Khi các y ut khó kh n c a môi tr ng v mô c ng h ng l i v i nhau s càng gây ra các hi u ng tiêu c c n ng n lên s c ch u ng c a doanh nghi p. c bi th n, còn ph i tính n m t cú s c lao ng ch a t ng có, làn sóng ng i lao ng ang

t r i b TP.HCM và các t nh lân c n nh ng Nai, Bình D ng ho c Lâm ng, do kh n ng tài chính cá nhân h nh p không th bám tr t i a ph ng ang th c hi n cách ly xã h i. Tr n v ng quay tr l i làm vi c c ng hoàn toàn b t nh.

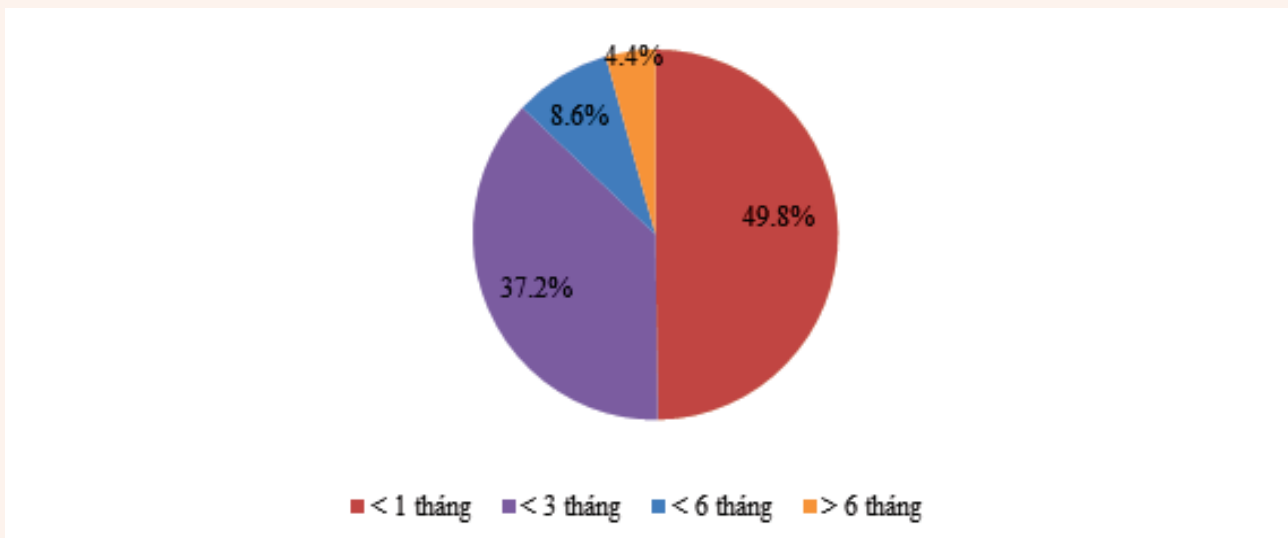
Làn sóng lao ng hi h ng

Nh phân tích trên, th i gian và kh n ng c m c c ang i lao ng là có h n, cùng v i s thi u ph i h p trong tr n khai các gi i pháp ch ng d ch gi a các ngành và chính quy n a ph ng th i i m gi n cách xã h i trên di n r ng t i 19 t nh, thành ph phía Nam ã nh h ng nh i u qu c a các chính sách an sinh xã h i, h tr

doanh nghi p c Chính ph n l c tr n khai. ây c ng là v n nan gi i ti p theo khi n các doanh nghi p i di n v i s thi u h t lao ng nh m tái ph c h i s n xu t, i n hình nh ngành da giày, d t may, l p r áp linh ki n i n t ¹.

Có th th y thi u h t lao ng, t gây chu i cung ng, chu i giá tr ã gây ra hi n t ng m t mát nh hàng, h p ng và th m chí là các nhà u t n c ngoài thoái v n s khi n các khu công nghi p và khu ch xu t “ch t lâm sàng”, làm cho n n kinh t không còn ng l c ph c h i và phát tri n.

Hình 3. Kho ng th i gian có th c m c v i dòng ti n tích l y hi n có c ang i lao ng (% ng i lao ng)



Nguồn: Dữ liệu trích xuất Ban nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân (Ban IV) & Báo điện tử VnExpress

1. Báo cáo nhanh của 19 tỉnh/thành phố phía nam thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 cho thấy: tính đến ngày 13/8/2021, có gần 2,5 triệu lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phải ngừng việc. Đây chủ yếu là lao động không có kỹ năng cao, thu nhập thấp nên họ sẽ rút ra bài học nếu tiếp tục bám trụ ở thành phố và các khu công nghiệp để tiếp tục làm những công việc như vậy sẽ rất bấp bênh. Do đó, khả năng nghỉ việc để tìm sinh kế mới hoàn toàn có thể xảy ra.

Kết quả khảo sát trực tuyến về tình hình nghỉ lao động ngày 01/08/2021 đến 05/08/2021 với quy mô 69.132 người đã phản ánh phần nào những khó khăn mà nghỉ lao động gặp phải¹. Trong đó, thời gian mất việc từ 1-3 tháng chiếm 50% người khảo sát, từ 3-6 tháng là 16% và trên 6 tháng là 15%. Bên cạnh đó, khi nghỉ duy trì sinh kế bằng lao động là có hạn thông qua thời gian có thể kiếm được từ đồng tiền tích lũy trước (Hình 3). Trong khi lao động phải chờ đợi việc giáo dục con cái online (41,2%), nuôi dưỡng người thân bằng cách ly (28,5%), xét nghiệm Covid-19 (22,9%). Đây là những gánh nặng nề trên đời của họ kể từ tháng 5/2021.

Nếu phân loại các lao động từ vùng quê có tính dài hạn, chính sách làm việc gây chu kỳ ngưng lao động. Khi nghỉ việc, các doanh nghiệp trong vùng sẽ mất vài tháng hàng năm tuyển dụng lao động và phải chi sản xuất. Các biệt lập ở bàn ông Nam B, trung tâm là TP. Hồ Chí Minh có quan hệ trực tiếp với các chu kỳ giá trị toàn cầu thì việc gây chu kỳ ngưng lao động không chỉ ảnh hưởng tới nền phát triển kinh tế xã hội các nước mà còn ảnh hưởng tới nền chu kỳ giá trị toàn cầu.

3. Mối liên hệ giữa chính sách và giá trị pháp lý thị trường

Cần mở rộng nguyên tắc nhất quán, nhất trí và tính xuyên suốt trong các

các giá trị pháp lý và chính sách lao động.

Chính sách lao động phải xây dựng trên cơ sở phân tích và dự báo có tính nhất quán và bền vững các quy định, giá trị pháp lý, tránh thay đổi thường xuyên doanh nghiệp và người dân tham gia. Trong bối cảnh hiện nay, chính sách lao động cần thể hiện rõ lộ trình ngắn hạn và các giá trị pháp lý kèm theo tính ổn định kinh tế. Có thể không phải là một thị trường ngay trước mắt nhưng cần mở rộng cho doanh nghiệp và công chúng thấy rõ triển vọng của phát triển kinh tế xã hội, chính sách nào, tính khả thi của các biện pháp vĩ mô - kinh tế - xã hội để tạo ra sự tin tưởng và tránh các hiệu ứng tiêu cực bất ổn định cho thị trường chính sách.

Nếu việc kinh doanh không thể tạo ra môi trường hoàn toàn không có Covid-19 hay một tiêu chí nhất quán xác định rõ là phần ưu tiên của chính sách thì việc tiếp cận các phương án mở rộng kinh tế, cho phép doanh nghiệp tái sản xuất, hoạt động và kinh doanh đi kèm ảnh hưởng và quỵ rệu. Việc gánh chịu rủi ro mất phần và có cách phương án phòng ngừa giảm thiểu các tác động tiêu cực phù hợp hơn các giá trị pháp lý hiện nay cần xây dựng theo hướng ưu tiên các lợi ích ngắn hạn của doanh nghiệp phải áp dụng một cách quay lại hoạt động. Vì vậy, hiện nay,

1. Theo Anh Minh, 'Lao động mất việc, giảm thu nhập ra sao vì Covid - 19?', có tại Báo điện tử VnExpress, cập nhật Thứ tư, 1/9/2021, 15:18 (GMT+7)

theo chúng tôi, sự tiếp cận các sail m và b t c p nh gi i pháp “bat ich ” ho c “m t cung ng hai i m n”.

N u i u này x y ra thì ch c ch n l n này s l ng doanh nghi p ph id ng ho t ng và không th quay l iv ith tr ng s l n h n r t nhi u l n so v i các l n tr c. Bì vì h không th nào ch u n i thê m t l n n ac a vòng l p b tt n “h n ch ho t ng – phong to – ut tái ho t ng – phong to ti p...”. S m t mát, g m c ngu n l c tài chính, khách hàng, th tr ng và con g is làm h n n chí và b cu c.

Các gi i pháp v tài chính, tín d ng h tr doanh nghi p c n k p th i và th c ch t.

Các gi i pháp c th c n kh n tr ng và m nh m h n tr c r t nhi u, ph i tri n khai nhanh chóng nh c p c u b nh nhân suy hô h p ang c n máy th . Chính vì v y mà các gi i pháp c k v ng ph i có quy mô l n hn, m nh m , th c ch th n tr c.

i n hình nh có th mi n m ts lo i thu , mi n b o hi m xã h i trong kho ng th i gian mà doanh nghi p ch u nh h ng n ng n , thay vì gi m hay k t chuy n sang k t i. Mi n, gi m óng b o hi m xã h i trong ng n h n thay vì ch là hoãn th i gian là mong m i c a r t nhi u doanh nghi p hi n nay, c bi t là các doanh nghi p nh và v a.

i u c p thi t lúc này là c u s ng doanh nghi p thì vi c ph c h i s n xu t- kinh doanh mi kh thi. Quan i m là mi n

m t ph n thu khoá khoan th s c dân và doanh nghi p trong ng n h n còn h n h t b khi dòng ti n và ngu n v n d phòng c n ki t. Khi ó nguyên t c b i d ng ngu n thu c ng s b phá v . Ngoài ra, c n có chính sách c th v gi m lãi su t cho vay doanh nghi p có th ti p c n ngu n v n, thay vì khuy n khích các t ch c tín d ng c t gi m chi phí gi m lãi và phí cho vay. ng th i, vi c ti p c n cho vay theo cách th ch tr nh tín ch p thay vì d a hoàn toàn trên tài s n b o m, v n này c n ph i có chính sách tháo g . Lúc này vi c Ngân hàng Nhà n c th c hi n các kho n cho vay tái c p v n, i u ti t m c t ng tr ng tín d ng, tháo g các i u ki n c p kho n vay là c n thi t.

Ban hành các gi i pháp c th ón ng i lao ng các a ph ng an tâm quay tr l i t nh, thành ph nh m áp ng cho quá trình ph c h i s n xu t- kinh doanh.

Trên tinh th n c a Ngh quy t 105, u tiên hàng u là phân b h p lý, hi u qu ngu n vaccine phòng Covid-19, b sung các i t ng u tiên tiêm, bao g m ng i lao ng c a doanh nghi p, h p tác xã, h kinh doanh t i các vùng kinh t tr ng i m, khu kinh t , khu công ngh cao, khu công nghi p, c m công nghi p, v.v. Vi c này áp ng yêu c u phát tri n s n xu t, kinh doanh trong nh ng ngành, l nh v c c n thi t khác.

Ph i y nhanh h n nhi u l n t c tiêm ch ng và có s ph i h p gi a các a ph ng, ni mà các lao ng ang t m sinh

s ng ch ngày quay tr l i. Bên c nh ó, c doanh nghi p l n t ng a ph ng, t ng vùng ph i theo dõi nh ng nguy c ti m n c a th tr ng lao ng, phân tích, ánh giá và có ph ng án x lý ngay t bây gi gi m thi u cú s c thi u h t lao ng khi m c a l i n n kinh t . Và t o l p ni m tin chong i lao ng quay tr l i ph ch i s n xu t, các chính sách h tr nh ch , chi phí sinh ho t giai o n u, v n di chuy n là y ut c t l o i .

Các gói h tr ph i tri n khai nhanh chóng, tr c di n và rút ng n quy trình, “Thà trao l m còn h n b số t”.

Quy trình pháp lý, th t c hành chính luôn r tm t th i gian. Vì v y mà ch tr ng, chính sách, truy n d n qua h th ng công quy n, xu ng c t i ng i th h ng luôn có m t tr l n. Trong nh ng hoàn c nh c p bách c n có nh ng gi i pháp c p bách, v y nên c n rút ng n quy trình th c hi n m t cách t i a, tránh t duy s quy trách nhi m. Trong hoàn c nh “d u sôi l a b ng”, chính quy n ph i có cách làm khác, nhanh chóng h n. Ngay lúc này các b , ban, ngành, a ph ng ph i quy t li t, nhanh chóng, bám sát th c ti n và c th hóa gi i pháp th chi n c nh ng m c tiêu ra. Cái giá ph i tr cho s ch n ch chính là s lãng phí i v i ngu n l c qu c gia, sinh k ng i dân, và tr c t c a n n kinh t là doanh nghi p bu c ph i r i kh i th tr ng.

Chuy n i s là chi n l c dài h n cho doanh nghi p.

Hi m ho Covid-19 s còn kéo dài và t n t i cùng v i các ho t ng kinh t - xã h i. Vì v y ây là lúc “thúc y quá trình ng d ng khoa h c, công ngh , i m i sáng t o và chuy n i s ” không còn là kh u hi u hay các k ho ch c a t ng lai, mà c n c th th c hi n ngay trong th i gian t i. M nh d n thay i các mô hình kinh doanh truy n thông sang ng d ng công ngh s , th c hi n thí i m các công ngh m i d i s giám sát và ki n t o c a Chính ph . T kinh nghi m tri n khai th c ti n th i gian qua, doanh nghi p c n ch ng xu t c ch , gi i pháp các c quan qu n lý Nhà n c n m rõ nh ng khó kh n, v ng m c.

làm c i u ó, doanh nghi p ph i có gi i pháp c th , b n v ng và th m chí c n m t chi n l c tái c u trúc tr thành doanh nghi p thông minh, doanh nghi p s . Vì c này góp ph n nh hình l i cách th c ho t ng, s n xu t, kinh doanh c a các ch th trong n n kinh t , và cho c cách ti p c n trong i u hành chính sách c a Chính ph . Cu i cùng, c n n l c và k t n i các ch th t o m th sinh thái th ng nh t gi a doanh nghi p v i Chính ph . Vì c có quá nhi u các ng d ng v khai báo y t hay ki m soát vi c di chuy n c a ng i dân th i gian qua cho th y nguyên t c này ã không c m b o, gây lãng phí ngu n l c và khi n cho công chúng c m nh n công ngh toàn m t trái c a các ng d ng này.

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID -19

Th.S Phan Thị Mai Trang
Th.s Nguyễn Thị Lương Trà¹



(Ảnh minh họa, internet)

1. Các chính sách, gi i pháp h tr doanh nghi p c a ngành ngân hàng ã c tri n khai và k t qu t c

1.1. Chính sách c c ul ith ih ntr n , mi n, gi m lãi, phí, gi nguyên nhóm n

h tr khách hàng vay v n b nh h ng b i d ch, th c hi n ch o c a Chính ph , Ngân hàng Nhà n c (NHNN) ã ban hành Thông t 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (Thông t 01) t o c s pháp lý các t ch c tín d ng (TCTD) c

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

c ul i th i h n tr n , m i n , gi m l a i p h í , gi n g u y e n n h ó m n , th á o g k h ó k h n c h o k h á c h h à n g v a y v n t t c c á c l n h v c , n g à n h n g h .

Bám sát di n bi n c a d c h , NHNN ã 02 l n s a i , b s u n g T h o n g t 01 t h e o h n g i u c h n h m t s m c t h i g i a n T C T D t i p t c c c u l i t h i h n t r n , m i n , gi m l a i p h í , gi n g u y e n n h ó m n c h o k h á c h h à n g , n g t h i , q u y n h v l t r i n h t r í c h l p d p h o n g r i r o t r o n g v o n g 03 n m t i c á c T C T D gi m á p l c c h i p h í t r í c h l p d p h o n g r i r o c h o c h í n h c á c T C T D ; v à m r n g p h m v i c á c k h o n n c c c u l i n , m i n gi m l a i , p h í , gi n g u y e n n h ó m n b a o g m c k h o n n p h á t s i n h t r c n g à y 01/8/2021. n g t h i , t h i g i a n c c u n c k é o d à i t h e m 6 t h á n g , n n g à y 30/6/2022 (t h a y v i n n g à y 31/12/2021 n h t r c â y) . V i c s a i n à y k h o n g n h n g g i ú p d o a n h n g h i p k h o n g p h i c h u l a i p h t q u á h n , m à c ò n g i ú p d o a n h n g h i p d t i p c n v i c á c k h o n v a y m i d o k h o n g b c h u y n s a n g n h ó m n c ó m c r i r o c a o h n (n x u) , q u a ó , g i ú p d o a n h n g h i p c ó

t h e m n g u n l c v à t h i g i a n k h o i p h c h o t n g s n x u t , k i n h d o a n h . n g t h i , c n g h t r c á c T C T D k h o n g p h i á p l c i v i c h i p h í t r í c h l p d p h o n g r i r o , t o i u k i n c á c T C T D gi m l a i s u t c h o v a y , gi m p h í d c h v c h o k h á c h h à n g , m b o a n t o à n t r o n g h o t n g n g à n h à n g t h o n g q u a v i c t h e o d o i p h a n l o i v à t r í c h l p d p h o n g r i r o y t h e o q u y n h ¹ .

1.2. V c h í n h s á c h m i n , gi m p h í d c h v t h a n h t o á n

h t r v à t h ú c y n g i d à n , d o a n h n g h i p t h c h i n t h a n h t o á n k h o n g d ù n g t i n m t , c b i t t r o n g t h i g i a n d c h b n h C o v i d - 19 a n g d i n b i n p h c t p , NHNN ã b a n h à n h c h í n h s á c h m i n , gi m p h í d c h v t h a n h t o á n l i e n n g à n h à n g c h o T C T D , q u a ó g i á n t i p g i ú p gi m p h í d c h v t h a n h t o á n c h o k h á c h h à n g t i c á c t c h c c u n g n g d c h v t h a n h t o á n ² . B e n c n h ó , NHNN c h o C ó n g t y C p h n T h a n h t o á n Q u c g i a V i t N a m (N A P A S) , c á c T C T D t h c h i n gi m , m i n p h í g i a o d c h t h a n h t o á n c h o k h á c h h à n g .

1. Theo Báo cáo số 256/BC-NHNN ngày 09/2021 của NHNN về triển khai các cơ chế, chính sách của ngành ngân hàng tháo gỡ khó khăn do dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tính đến ngày 19/07/2021, các TCTD đã: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ đối với 198.455 khách hàng với dư nợ 308.346 tỷ đồng; Miễn, giảm, hạ lãi suất vay vốn cho 701.346 khách hàng với dư nợ gần 1,1 triệu tỷ đồng; Cho vay mới lãi suất thấp hơn so với trước dịch với doanh số lũy kế từ 23/01/2020 đến nay đạt trên 3,87 triệu tỷ đồng cho 509.216 khách hàng. Lũy kế từ 23/01/2020 đến nay, tổng số tiền lãi các TCTD miễn, giảm cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid-19 là khoảng 18.886 tỷ đồng (Trong đó số tiền lãi đã miễn, giảm thực tế là 14.121 tỷ đồng; số tiền lãi sẽ miễn, giảm theo cam kết là 4.738 tỷ đồng.)

2. NHNN đã ban hành các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 26/2013/TT-NHNN quy định về biểu phí dịch vụ thanh toán qua NHNN, theo đó, điều chỉnh giảm 50% mức phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (Thông tư 04/2020/TT-NHNN ngày 31/3/2020 áp dụng giảm phí từ 01/4 – 31/12/2020, Thông tư 19/2020/TT-NHNN ngày 30/12/2020 áp dụng giảm phí từ 01/01 – 30/6/2021, Thông tư 13/2021/TT-NHNN ngày 23/8/2021 giảm phí thanh toán trong thời gian từ 01/9/2021 – 30/6/2022).

1.3. Chính sách gi m lãi su t

Th c hi n các gi i pháp, chính sách gi m lãi su t cho vay, t o i u ki n cho các TCTD c ti p c n ngu n v n v i chi phí th p h n, qua ó, th c hi n vi c gi m lãi su t cho vay i v i khách hàng, t khi xu t hi n d ch Covid-19 n nay, NHNN ã liên ti p 03 l n i u ch nh gi m các m c lãi su t v i t ng m c gi m 1,5-2,0%/n m i v i lãi su t i u hành, gi m 0,6 - 1,0%/n m tr n lãi su t ti ng i các k h nd i ó tháng; gi m 1,5%/n m tr n lãi su t cho vay ng nh n i v i các l nh v c utiên (hi n m c 4,5%/n m). Các chính sách này ã t o i u ki n cho TCTD ti p c n ngu n v n t NHNN, t t ch c, cá nhân v i chi phí th p h n, qua ó, có i u ki n TCTD th c hi n gi m lãi su t cho vay i v i khách hàng.

Song song v i vi c gi m m c lãi su t i u hành, lãi su t huy ng, NHNN ã ban hành Ch th 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020, ng th i, t ch c 02 H i ngh tr c tuyen toàn ngành v công tác tín d ng, trong ó, t p trung ch o các TCTD, chi nhánh ngân hàng n c ngoài y m nh th c hi n có hi u qu các gi i pháp c a ngành h tr doanh nghi p; i u ch nh k ho ch kinh doanh, chi tiêu li nhu n phù h p, th c hi n các gi i pháp ti t gi m chi phí t o

ngu n l c, s n sàng gi m lãi su t cho vay i v i c kho nd n và c kho n cho vay mi ¹...

n cu i n m 2020, lãi su t ti ng i và cho vay ã gi m kho ng 1%/n m so v i n m 2019 (tr c khi có d ch Covid 19), xu h ng gi m lãi su t v n ti p t c trong các tháng u n m 2021, n cu i tháng 4/2021, m t b ng lãi su t huy ng và cho vay gi m kho ng 0,3%/n m so v i cu i n m 2020.

1.4. Chính sách tái c p v n i v i Ngân hàng chính sách xã h i (NHCSXH) cho vay tr l ng ng i lao ng

chia s áp l c v i ng i s d ng lao ng ng th i t o c ch ng i s d ng lao ng m b o quy n l i ng i lao ng b ng ng vi c do nh h ng c a d ch Covid-19, th c hi n ch o c a B Chính tr , Ngh quy t c a Qu c h i, ngày 09/4/2020, Chính ph ban hành Ngh quy t 42/NQ-CP v các bi n pháp h tr ng i dân g p khó kh n do d ch Covid-19 (s a i, b sung b i Ngh quy t 154/NQ-CP ngày 19/10/2020), Th t ng Chính ph ã kh n tr ng ban hành Quy t nh s 15/2020/Q -TTg ngày 24/4/2020 (s a i, b sung b i Quy t nh s 32/2020/Q -TTg), trên c s ó, NHNN ban hành Thông t 05/2020/TT-NHNN (s a i, b sung b i Thông t 12/2020/

1. 16 ngân hàng (chiếm 75% tổng dư nợ nền kinh tế) đã thống nhất nguyên tắc tiếp tục giảm lãi suất cho vay lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu bằng đồng Việt Nam trong 05 tháng cuối năm 2021 đối với khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, với tổng số tiền lãi giảm cho khách hàng ước tính trên 20.372 tỷ đồng. Ngoài ra, một số TCTD như Vietcombank, BIDV... còn cam kết tiếp tục giảm lãi suất cho vay, các loại phí dịch vụ ngân hàng đối với tất cả khách hàng ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid 19 tại 19 tỉnh, thành phố phía Nam hiện đang áp dụng Ch i thị 16. Một số TCTD như Agribank, Vietinbank, ACB... cũng đã thiết kế các gói tín dụng mới với mức lãi suất cho vay ưu ãi nhằm thực hiện đúng chủ trương hỗ trợ tối ã cho các khách hàng.

TT-NHNN) hàng đ n tái c p v n i v i NHCSXH. NHNN cho NHCSXH vay tái c p v n kho ng 16.000 t ng v i lãi su t 0% cho ng i s d ng lao ng vay. Tri n khai chính sách này, NHCSXH ã cho vay 41,82 t ng i v i 245 ng i s d ng lao ng tr l ng ng vi c cho 11.276 ng i lao ng.

Sau khi h t th i h n tri n khai chính sách h tr t i Ngh quy t 42/NQ-CP, tr c tình hình di n bi n ph c t p c a d ch Covid-19, c s ch p thu n c a y ban Th ng v Qu c h i, ngày 01/7/2021, Chính ph ban hành Ngh quy t 68/NQ-CP, Th t ng Chính ph ban hành Quy t nh s 23/2021/Q -TTg ngày 07/7/2021 ti p t c tri n khai chính sách h tr ng i s d ng lao ng và ng i lao ng g p khó kh n do d ch Covid-19. Trên c s ó, NHNN ã ban hành Thông t s 10/2021/TT-NHNN v vi c tái c p v n i v i NHCSXH, v i s ti n tái c p v n t i a 7.500 t ng cho ng i s d ng lao ng vay không tài s n b o m v i lãi su t 0%/n m : (i) tr l ng ng ng vi c cho ng i lao ng; (ii) tr l ng ph c h i s n xu t, kinh doanh; và ng i s d ng lao ng ho t ng trong l nh v c v n t i, hàng không, du l ch, d ch

v l u trú, a ng i lao ng Vi t Nam i làm vi c n c ngoài theo h p ng trong thi gian t ngày 01/5/2021 n h t ngày 31/3/2022. Tính n ngày 17/9/2021, NHCSXH gi i ngân c 382 t ng i v i 730 ng i s d ng lao ng tr l ng ng ng vi c và tr l ng ph c h i s n xu t cho 109.973 l t ng i lao ng t i 63 t nh thành ph ¹.

1.5. Chính sách h tr T ng Công ty Hàng không Vi t Nam (VNA)

h tr VNA ang ch u nh h ng n ng n b i d ch Covid-19 có ngu n v n tr n và ti p t c duy trì ho t ng², n nay, có 03 ngân hàng Seabank, MSB, SHB ã cho VNA vay trên c s tái c p v n c a NHNN v i t ng s v n 4.000 t ng. NHNN c ng ã th chi n tái c p v n 4.000 t ng cho 03 ngân hàng cho vay VNA.

1.6. Chính sách thúc y áp d ng các bi n pháp công ngh trong cung ng d ch v ngân hàng

Ho t ng ngân hàng, c bi t là ho t ng cung ng d ch v thanh toán là ho t ng c n ph i duy trì trong th i i m d ch b nh ang ti p di n. Do ó, vi c ng d ng các bi n pháp công ngh trong cung ng

1. <http://nhcsxh.chinhphu.vn/Thong-tin/NHCSXH-Da-giai-ngan-382-ti-dong-tra-luong-phuc-hoi-san-xuat/8160.vgp>

2. Theo đề nghị của Chính phủ, tại Nghị quyết 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 quy định một số biện pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA, trong đó, có biện pháp NHNN tái cấp vốn cho TCTD để cho VNA vay bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh. Triển khai Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết 194/NQ-CP ngày 31/12/2020 về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, NHNN cũng ban hành Thông tư 04/2021/TT-NHNN ngày 05/4/2021 quy định về tái cấp vốn đối với TCTD sau khi TCTD cho VNA vay và về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ của VNA do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

d ch v ngân hàng nh m h n ch vi c i l i, ti p xúc tr c ti p trong quá trình giao d ch là vô cùng c n thi t. Tr c yêu c u c a th c ti n, cùng v i s phát tri n c a khoa h c công ngh , m t lo t các chính sách c ban hành t o c s pháp lý cho các TCTD ng d ng ti n b khoa h c, phát tri n các ph ng th c giao d ch i n t , không ti p xúc khách hàng trong ho t ng ngân hàng.

Các TCTD t p trung u t công ngh , s hóa các nghi p v l i, thay i h th ng qu n lý và d ch v , góp ph n c i ti n quy trình v n hành, x lý thông tin c a khách hàng, góp ph n h tr k p th i cho khách hàng trong mùa d ch. Sau khi Thông t c a NHNN quy nh v m tài kho n b ng ph ng th c i n t c ban hành, ho t ng m tài kho n b ng ph ng th c i n t c y m nh. T cu i tháng 3-6/2021, ã có 14 ngân hàng tri n khai m tài kho n thanh toán cho cá nhân b ng ph ng th c i n t eKYC v i h n 618.000 tài kho n ho t ng, s l ng và giá tr giao d ch t 1,6 tri u giao d ch và 14.153 t ng¹.

2. M t s khó kh n, thách th c trong vi c th c hi n h tr doanh nghi p c a ngành ngân hàng và xu t, ki n ngh

2.1. Khó kh n, thách th c

Th nh t, tình hình di n bi n d ch b nh Covid-19 trên th gi i nói chung và t i Vi t Nam nói riêng còn ph c t p, ch a có d u hi u ch m d t, khó l ng nh h ng n

m i m t kinh t , xã h i. Vi c giãn cách xã h i kéo dài, các doanh nghi p b t m ng ng ho t ng ho c ho t ng mô hình "3 t i ch " d n n chi phí t ng cao, nh h ng n doanh thu, l i nhu n, nh h ng l n n k ho ch tr n c ng nh vi c ti p c n kho n vay m i c a các doanh nghi p.

Th hai, các chính sách h tr c a ngành Ngân hàng trong thi gian qua i v i khách hàng vay v n nói chung và doanh nghi p nói riêng là n l c n i t i c a ngành ngân hàng, thông qua vi c ti t gi m chi phí, c t gi m l i nhu n chia s khó kh n v i doanh nghi p. Trong khi ó, các TCTD c ng là doanh nghi p, c ng b tác ng khó kh n bi d ch Covid-19 m c dù có tr h n s o v i các doanh nghi p ho t ng trong các l nh v c kinh doanh khác. Vi c th c hi n các chính sách h tr c a TCTD còn ph thu c vào các y u t khác nh th chi n vi c gi m lãi su t cho vay ph thu c vào chi phí huy ng v n c a TCTD, tuy nhiên, vi c gi m lãi su t huy ng v n l i nh h ng n quy n l i c a ng i gi t i n. gi m phí d ch v thanh toán cho khách hàng, bên c nh chính sách h tr gi m phí t NHNN, các TCTD còn ph thu c vào các i tác nh các nhà m ng vi n thông, t ch c phát hành th qu c t Visa, Master...

Các chính sách v c c u th i h n tr n, gi nguyên nhóm n ... ã h tr các khó kh n tr c m t cho các doanh nghi p, nh ng v lâu dài, các kho n n này có th tr thành kho n n x u trong t ng lai, ti m

1. Báo cáo 206/BC-NHNN

n nguy c v n x u i v i h th ng các TCTD, trong khi c ch , chính sách v x lý n x u còn ch a c ng b .

Th ba, m ts doanh nghi p v n ã có d u hi u y u kém tr c i d ch, nay, trong b i c nh i d ch l i b c l nhi u i m y u v kh n ng ng d ng công ngh , kh n ng thay i, thích ng v i môi tr ng, i u ki n kinh doanh m i, nhi u l h ng v qu n tr doanh nghi p... d n n không i u ki n ti p c n v n tín d ng t các TCTD. Trong khi ó, các TCTD m b o an toàn cho chính TCTD và an toàn c a h th ng, không th h tiêu chu n c p tín d ng.

Th t , vi c tham m u xây d ng các chính sách h tr , thúc y vi c ng d ng công ngh thông tin trong ho t ng ngân hàng còn g p nhi u khó kh n do ch a có s ng b t các quy nh pháp lý liên quan nh lu t giao d ch i n t v ch ký i n t , d li u i n t ...; vi c chia s thông tin, khai thác thông tin t c s d li u qu c gia v dân c và các cách th c trong vi c b o m t, m b o an toàn, an ninh trong b i c nh t i ph m m ng có xu h ng gia t ng.

2.2. M ts xu t, ki n ngh

a) i v i Ngân hàng Nhà n c:

V i tác ng không l ng c a i d ch Covid-19 lên n n kinh t có th d n t i vi c gia t ng các kho n n x u t i TCTD trong thi gian t i. Do ó, bên c nh vi c t ng k t th c ti n thi hành Ngh quy t 42/NQ-QH14

v thí i m x lý n x u c a TCTD thì c n nghiên c u xu t xây d ng Lu t v x lý n x u, trong ó ti p t áp d ng các bi n pháp th c hi n x lý n x u t i Ngh quy t 42 có s a i, b sung kh c ph c các khó kh n, v ng m c phát sinh trên th c ti n, qua ó t o c s y nhanh quá trình x lý n x u, không n x u t n trong h th ng ngân hàng, gây m t an toàn h th ng. ng th i kh n tr ng rà soát các v ng m c, b t c p v quy nh pháp lu t nh h ng t i quá trình x lý n x u c a TCTD xu t s a i, b sung, m b o h th ng pháp lu t ng b , kh thi, h tr TCTD x lý nhanh các kho n n x u.

Kh n tr ng rà soát các v ng m c, khó kh n, b t c p c a quy nh pháp lu t, c bi t là các v n b n liên quan n vi c ng d ng công ngh trong ho t ng kinh doanh c a doanh nghi p, ph i h p các c quan liên quan nghiên c u, ki n ngh c p có th m quy n ban hành các v n b n nh Lu t s a i Lu t giao d ch i n t ; Ngh nh thay th Ngh nh 101/2012/N - CP v thanh toán không dùng ti n m t... t o c s cho vi c ng d ng công ngh thông tin trong l nh v c ngân hàng, phát tri n d ch v thanh toán không dùng ti n m t. Nghiên c u, y m nh xây d ng các chính sách c i thi n các quy trình c p tín d ng thông qua tr c tuy n, s d ng các ch ký s , ch ký i n t ..., h tr doanh nghi p ti p c n ngu n v n tín d ng c nhanh chóng, thu n ti n, qua ó có i u ki n h i ph c kinh doanh sau i d ch.

Giám sát ch t ch vi c th c hi n các cam k t gi m lãi su t cho vay, gi m phí d ch v c a các TCTD, b o m vi c th c hi n nghiêm túc, k p th i. ng th i, t ch c các kênh, h i ngh k t n i toàn ngành, ngân hàng v i doanh nghi p k p th i gi i quy t các khó kh n, v ng m c, các xu t, ki n ngh c a TCTD, doanh nghi p.

b) iv i các t ch c tín d ng

Ti p t c th c hi n nghiêm túc, có hi u qu các gi i pháp h tr , tháo g khó kh n, t o i u ki n cho khách hàng vay v n b nh h ng b i d ch Covid-19 theo quy nh, và các cam k t, ng thu n v vi c gi m lãi su t cho vay iv i d n hi nh u và các kho n vay m i. Tích c c ph i h p v i Hi p h i ngân hàng Vi t Nam... xu t các t ch c th qu ct , công ty vi n thông h tr mi n, gi m phí cho các TCTD, thông qua ó, h tr mi n gi m phí cho khách hàng c a TCTD.

Theo dõi ch t ch kho n n c c c ul i th i h n tr n , gi nguyên nhóm n , trích l p d phòng r i ro y theo úng

l trình, xây d ng k ho ch có c ch x lý ho c xu t, ki n ngh v ic quan th m quy nc ch x lý iv i các kho n n x u phát sinh trong t ng lai.

Ti p t c nghiên c u, y m nh ng d ng công ngh thông tin trong ho t ng ngân hàng, c i ti n quy trình c p tín d ng, th m nh h s khách hàng... nh m h tr ng i dân, doanh nghi p c bi t là các doanh nghi p, ng i dân t i các vùng d ch không tr c ti p n giao d ch t i ngân hàng.

c) iv i doanh nghi p

Các doanh nghi p c n t nd ng tri t ngu n l ch tr c a các B , ngành, trong ó có ngành ngân hàng nâng cao n ng l c n i t i c a doanh nghi p, ng d ng khoa h c công ngh tìm ki m các ph ng th c, mô hình kinh doanh mi thích ng v i i u ki n d ch b nh, c i thi n qu n tr doanh nghi p, nâng cao kh n ng ti p c n v n tín d ng c a chính doanh nghi p ph ch i s n xu t, kinh doanh.

THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM TRONG ĐẠI DỊCH COVID - 19

TS. Nguyễn Văn Thuật¹



Cán bộ nhân viên y tế lấy mẫu xét nghiệm tại Bắc Giang, nguồn Bộ Y tế

Năm 2020 – 2021 là 2 năm liên tiếp lao động mất việc và thất nghiệp diễn ra nghiêm trọng không có và thất nghiệp làm trên diện rộng khi nền kinh tế suy giảm nghiêm trọng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; đặc biệt tình hình năm 2022 càng trở nên tồi tệ hơn, phức tạp và khó khăn nên cần có giải pháp ứng phó kịp thời để giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19 và các biến động kinh tế khác, đảm bảo an sinh xã hội và duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững.

nhằm giúp người lao động tìm kiếm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội.

1. Tình hình lao động, việc làm 2020-2021

Đại dịch Covid-19 khi bắt đầu bùng phát đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế Việt Nam cũng như các quốc gia khác trên thế giới. Nền kinh tế Việt Nam cũng như các quốc gia khác đang phải đối mặt với những thách thức chưa từng có trong lịch sử. Việc làm và thất nghiệp là những vấn đề nổi cộm trong bối cảnh này. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tình hình việc làm và thất nghiệp trong năm 2020-2021 như sau:

1. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia

b gi m sút áng k . Các ch s chung v cung c u lao ng u gi m, khi n ch s v t l th t nghi p và thi u vi c làm t ng cao. i u này làm cho vi c t n d ng th i k dân s vàng n c ta gi m sút m nh b i ngu n lao ng d i dào nh ng tình tr ng th t nghi p và thi u vi c làm gia t ng. Có th nói, các n m 2020-2021 là 2 n m mà b c tranh lao ng, vi c làm n c ta u ám ch a t ng có trong hàng th p k qua.

1.1. Lao ng, vi c làm n m 2020

Theo báo cáo c a T ng c c Th ng kê, c n c có 32,1 tri u lao ng b nh h ng tiêu c c b i d ch Covid-19 trong n m 2020, bao g m ng i b m t vi c làm, ph i ngh giãn vi c/ngh luân phiên, gi m gi làm, gi m thu nh p... Trong ó, có 69,2% ng i b gi m thu nh p, 39,9% ph i gi m gi làm/ngh giãn vi c/ngh luân phiên và kho ng 14% bu c ph i t m ngh ho c t m ng ng ho t ng s n xu t kinh doanh.

Khu v c d ch v ch u nh h ng n ng n nh t v i 71,6% lao ng b nh h ng, ti p n là khu v c công nghi p và xây d ng v i 64,7% lao ng b nh h ng; t l lao ng b nh h ng trong khu v c nông, lâm nghi p và th ys n là 26,4%¹.

- L c l ng lao ng và lao ng có vi c làm

L c l ng lao ng n m 2020 là 54,8 tri u ng i, gi m 1 tri u ng i so v i n m 2019 và gi m c nam và n (B ng 1); t l tham gia l c l ng lao ng ch t 74%, gi m 2,8 i m % so v i n m 2019. Nguyên nhân chính c a vi c gi m này là do i d ch Covid-19 d n n nhi u lao ng b m t vi c làm, ph i ngh giãn vi c/ngh luân phiên, gi m gi làm. i m áng l u ý là l c l ng lao ng khu v c thành th n m 2020 t ng, trong khi l c l ng lao ng nông thôn l i gi m m nh. i u này cho th y, i d ch Covid-19 có nh h ng tiêu c c l n n i s ng c ang i dân khu v c thành th nên nhuc u vi c làm gi a t ng.

B ng 1. Lao ng, vi c làm hàng n m (Tri u ng i)

| | 2018 | 2019 | 2020 |
|-----------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Lực lượng lao động | 55,4 | 55,8 | 54,8 |
| Nam | 28,9 | 29,4 | 28,8 |
| Nữ | 26,5 | 26,4 | 26 |
| Thành thị | 18,1 | 18,1 | 18,2 |
| Nông thôn | 37,3 | 37,7 | 36,6 |
| Lao động có việc làm | 54,2 | 54,7 | 53,6 |
| Nam | 28,2 | 28,8 | 28,3 |
| Nữ | 26 | 25,9 | 25,3 |
| Thành thị | 17,5 | 17,6 | 17,5 |
| Nông thôn | 36,7 | 37,1 | 36,1 |

Nguồn: Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020

1. Tổng cục Thống kê, Báo cáo tác động của dịch COVID-19 đến tình hình lao động quý IV và năm 2020.

- Các u lao ng có vi c làm theo khu v c kinh t

Trong n m 2020, khu v c nông, lâm nghi p và th y s n có 17,6 tri u ng i làm vi c, gi m 7,2% so v i n m 2019; khu v c công nghi p và xây d ng 16,6 tri u ng i, t ng 0,3%; khu v c d ch v 19,4 tri u ng i, t ng 0,1%. Nh v y, dù ch u nh h ng n ng n c a i d ch Covid-19 nh ng chuy n d ch lao ng ti p t c theo xu h ng tích c c t khu v c nông, lâm nghi p và th y s n sang khu v c công nghi p, xây d ng và d ch v v it tr ng lao ng t ng ng trong các khu v c n m 2020 là: 32,8%; 30,9%; 36,3%.

- Th t nghi p và thi u vi c làm

Theo s li u th ng kê, c n c có h n 1,2 tri u ng i th t nghi p n m 2020; trong ó khu v c thành th chi m 52,9%, cao hn 5,6 i m % so v i 2019 và s n chi m 56,1% t ng s ng i th t nghi p, cao hn 8,3 i m % so v i n m 2019. Nh v y,

khi th tr ng lao ng có m t “bi n c ” x y ra nh i d ch Covid - 19, lao ng khu v c thành th ch u nhi u nh h ng tiêu c ch n lao ng khu v c nông thôn, và lao ng n l i là ch th ch u nhi u thi t thời hn nam.

V th t nghi p, n m 2020 t l th t nghi p trong tu i lao ng c a n c ta là 2,48%, trong ó khu v c thành th là 3,89%, khu v c nông thôn là 1,75%.

S ng i th t nghi p c a lao ng là thanh niên 15-24 tu i chi m 35,4% t ng s ng i th t nghi p và t l th t nghi p c a thanh niên n m 2020 là 7,21%, cao g p 4,4 l n so v it l th t nghi p c a nh ng i t 25 tu i tr lên (1,63%). Nh v y có th th y, lao ng thanh niên c ng ch u nh h ng không nh b i i d ch Covid-19.

Tính toán cho th y, c 1000 lao ng ang làm vi c trong tu i thì có t i 25 ng i thi u vi c làm n m 2020.

B ng 2. T l thi u vi c làm trong tu i lao ng n m 2020 (%)

| Vùng kinh tế - xã hội | Chung | Khu vực cư trú | | Giới tính | |
|----------------------------------------|-------------|----------------|-------------|-------------|-------------|
| | | TT | NT | Nam | Nữ |
| Cả nước | 2,52 | 1,69 | 2,94 | 2,52 | 2,51 |
| Trung du và miền núi phía Bắc | 2,34 | 2,08 | 2,39 | 2,44 | 2,22 |
| Đồng bằng sông Hồng | 1,36 | 0,93 | 1,57 | 1,37 | 1,36 |
| <i>Trong đó: Hà Nội</i> | 0,90 | 0,57 | 1,13 | 0,92 | 0,87 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | 3,05 | 2,28 | 3,34 | 2,92 | 3,20 |
| Tây Nguyên | 5,20 | 3,06 | 5,99 | 5,38 | 4,98 |
| Đông Nam Bộ | 1,62 | 1,53 | 1,78 | 1,65 | 1,58 |
| <i>Trong đó: Thành phố Hồ Chí Minh</i> | 1,02 | 1,16 | 0,55 | 1,08 | 0,95 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3,47 | 1,87 | 3,97 | 3,35 | 3,65 |

Nguồn: Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020

1.2. Lao ng, vi c làm n m 2021

N m 2021 i d ch ti p t c di n bi n ph c t p, khó l ng v i m c nguy hi m hn n m 2020, nh t là tình hình d ch b nh thành ph H Chí Minh, Hà N i, à N ng... và m ts t nh, thành ph khu v c phía Nam. Do v y, t ty u tác ng tiêu c c n phát tri n kinh t - xã h i c a t n c, trong ó l nh v c lao ng, vi c làm là n m th 2 liên ti p b nh h ng n ng n .

Tính riêng 6 tháng u n m, l c l ng lao ng c a n c t a là 51 tri u ng i, t ng 737 nghìn ng i so v i cùng k n m tr c. L c l ng lao ng khu v c thành th là 18,4 tri u ng i, chi m 36,1%; l c l ng lao ng n t 23,9 tri u ng i, chi m 47% l c l ng lao ng c a c n c. Bên c nh ó, t l tham gia l c l ng lao ng là 68,6%, t ng 0,1 i m % so v i cùng k n m tr c.

Lao ng có vi c làm trong 6 tháng u n m 2021 là 49,9 tri u ng i, t ng 788,7 nghìn ng i so v i cùng k n m tr c. Trong ó, lao ng có vi c làm khu v c thành th là 17,9 tri u ng i, t ng 743,9 nghìn ng i (chi m 94,3% t ng s vi c làm t ng c a c n c). Khu v c nông, lâm nghi p và thu s n có 13,9 tri u ng i làm vi c, (chi m 27,9%), t ng 259,9 nghìn ng i so v i cùng k n m tr c; khu v c công nghi p và xây d ng là 16,4 tri u ng i (chi m 32,8%), t ng 77,8 nghìn ng i so v i cùng k n m tr c; khu v c d ch v là 19,6 tri u ng i (chi m 39,3%), t ng 451 nghìn ng i so v i cùng k n m tr c.

T l lao ng có vi c làm phi chính th c c a c n c trong 6 tháng u n m 2021 là 57,2%, t ng 1,7 i m % so v i cùng k n m tr c; trong ó, t l lao ng có vi c làm phi chính th c khu v c nông thôn là 64,5%, t ng 2,4 i m %; t l này n là 52,7%, t ng 2,2 i m %, m c t ng này cao g p 1,4 l n so v i nam gi i (t ng ch 1,5%).

V th t nghi p và thi u vi c làm, s ng i th t nghi p trong tu i lao ng 6 tháng u n m 2021 là h n 1,1 tri u ng i, t ng 101,7 nghìn ng i so v i cùng k n m tr c. T l th t nghi p trong tu i lao ng 6 tháng u n m 2021 là 2,52%, gi m 0,07 i m % so v i cùng k n m tr c. Riêng lao ng thi u vi c làm trong tu i 6 tháng u n m 2021 là h n 1,1 tri u ng i, t ng 48,2 nghìn ng i so v i cùng k n m tr c. Bên c nh ó, t l thi u vi c làm c a lao ng trong tu i là 2,58%, t ng 0,25 i m % so v i cùng k n m tr c. T l thi u vi c làm khu v c thành th là 2,64%, cao hn 0,1 i m % so v i khu v c nông thôn.

Vi c tri n khai công tác c u tr , “gi chân” ng i lao ng làm vi c t i doanh nghi p, b o m an sinh xã h i dù c tri n khai tích c c nh ng v n g p nhi u khó kh n, c bi tt i khu v c cách ly do s l ng ng i c n ch tr r t l n. i u này ã làm cho tình tr ng thi u h t lao ng ã xu th i n và có th t ng khi doanh nghi p tr l i ho t ng¹ trong tháng 9 và quý IV.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tờ trình về tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2021

Bảng 3. Dự báo tình hình lao động, việc làm năm 2021

| | 2020 | 2021 |
|-----------------------------------------------|-------------|-------------|
| Lực lượng lao động (Triệu người) | 54,8 | 55,1 |
| Thành thị | 18,2 | 18,4 |
| Nông thôn | 36,6 | 36,7 |
| Lao động có việc làm (Triệu người) | 53,6 | 53,8 |
| Thành thị | 17,5 | 17,6 |
| Nông thôn | 36,1 | 36,2 |
| Thất nghiệp trong độ tuổi lao động (%) | 2,48 | 2,45 |

Nguồn: Dự báo của tác giả

Tính chung cả năm 2021, dự báo lực lượng lao động sẽ tăng 0,3 triệu người so với năm 2020. Xét theo khu vực thành thị/nông thôn, nhìn chung lực lượng lao động cũng tăng so với năm trước (Bảng 3). Riêng lao động có việc làm và thất nghiệp cả có số chỉ thị số với năm 2020.

Tình hình nêu trên có thể thấy, dù dịch Covid-19 năm 2021 diễn ra phức tạp và mức nguy hiểm hơn so với năm 2020 nhưng bức tranh lao động, việc làm cả năm 2021 khá quan trọng và lạc quan. Có thể thấy rằng đây là do tác động tích cực của các chính sách hỗ trợ và các biện pháp phòng chống dịch và tại các vùng an toàn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và các cá nhân nói riêng.

2. Dự báo năm 2022

2.1. Tình hình dịch bệnh Covid-19

Tính tích cực diễn biến tình hình dịch

bệnh trên thế giới trong gần 2 năm qua đã cho thấy, ngay cả các nước có siêu thị, dịch vụ kinh tế và hạ tầng y tế hiện đại vẫn bùng phát và quá tải hệ thống y tế, khó lường và nguy hiểm cao đối với các biến chứng nghiêm trọng của virus SARS-CoV-2. Do đó, việc y tế và kiểm soát dịch bệnh không thể thực hiện nhanh chóng trong một thời gian ngắn, mà là một cuộc chiến mang tính lâu dài.

Theo các chuyên gia, khi nền kinh tế đi tới hoàn toàn Covid-19 là rất khó, bởi các chính sách tiêm chủng tích cực, thay vào đó virus sẽ tiến hóa giống như virus cúm. Nó sẽ phát triển trở thành một trong những loại virus khác như hàng triệu loài khác.

Hiện nay, tình hình dịch bệnh từ năm 2020 cho đến nay càng diễn biến khó lường và tác động tiêu cực tới nền phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, trong đó lao động, việc làm là lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề. Dự báo từ nay đến năm 2022,

1. Xem thêm, WHO: COVID-19 sẽ biến đổi như bệnh cúm và tồn tại cùng chúng ta (<http://baohinhphu.vn/Khoa-hoc-Cong-nghe/WHO-COVID19-se-bien-doi-nhu-benh-cum-va-ton-tai-cung-chung-ta/445670.vgp>)

dịch bệnh nhân có thể và sự tiếp tục phát triển, tiềm năng nguy cơ bùng phát dịch bệnh xâm nhập từ bên ngoài lớn hơn nhiều trong nước. Do đó, cần xác định những thách thức chung lâu dài về dịch bệnh, phù hợp với tình hình và có giải pháp, cách làm phù hợp theo hướng phòng ngừa dịch bệnh và các biện pháp, và mang tính liên tục. Cách làm này sẽ giúp cho nhân dân phòng ngừa dịch bệnh ngày càng hiệu quả hơn, tạo trạng thái bình thường mới cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, giảm thiểu sự lây lan của dịch bệnh và thiệt hại về kinh tế nói riêng.

2.2. Lao động, việc làm

Dự báo tình hình lao động, việc làm năm 2022 nhân dân có triển vọng hơn so với năm 2021, thể hiện 3 chỉ số chủ yếu như sau: (1) Tổng số lao động trong Bảng 4 dưới đây. Các chỉ số

lao động tăng 55,8 triệu người, cao hơn 0,7 triệu người so với năm trước; lao động có việc làm tăng 54,3 triệu người, tăng 0,5 triệu người và tỷ lệ thất nghiệp giảm 2,42%, thấp hơn 0,03 điểm phần trăm so với năm 2021.

3. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Đại dịch Covid-19 đã và đang tác động tiêu cực đến nền kinh tế và thu nhập của người lao động nhân dân, qua đó ảnh hưởng đến đời sống của các gia đình người dân năm 2020 cho đến nay. Chính phủ, thích ứng với diễn biến của tình hình dịch bệnh và kiểm soát dịch, và thúc đẩy sản xuất kinh doanh, cần thực hiện những biện pháp và chính sách trọng tâm sau đây:

(1) Ưu tiên nhanh tiêm chủng vaccine Covid-19 cho người dân và tuyên truyền

Bảng 4. Dự báo lao động, việc làm các năm 2021-2022

| | 2021 | 2022 |
|-----------------------------------------------|-------------|-------------|
| Lực lượng lao động (Triệu người) | 55,1 | 55,8 |
| Thành thị | 18,4 | 18,7 |
| Nông thôn | 36,7 | 37,1 |
| Lao động có việc làm (Triệu người) | 53,8 | 54,3 |
| Thành thị | 17,6 | 17,5 |
| Nông thôn | 36,2 | 36,8 |
| Thất nghiệp trong độ tuổi lao động (%) | 2,45 | 2,42 |

nâng cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân nói riêng và hộ gia đình nói chung trong việc phòng chống dịch bệnh.

(2) Tích cực triển khai các gói hỗ trợ, ưu đãi, đa dạng hóa các hình thức trợ cấp, mở rộng các chương trình đào tạo nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu thị trường, đặc biệt là lao động nông nghiệp, lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, lao động phi chính thức nhằm nâng cao đời sống sinh kế, tạo nguồn lực cho người lao động làm việc, góp sức vào quá trình phục hồi và phát triển kinh tế.

(3) Giảm nhẹ và tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các quy trình, thủ tục doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ tín dụng, thu nhập, giảm thuế, giảm chi phí vận chuyển hàng hóa, giảm chi phí thuê đất, giảm chi phí thuê nhà, giảm chi phí thuê văn phòng, giảm chi phí thuê kho bãi, giảm chi phí thuê vận tải, giảm chi phí thuê thiết bị, giảm chi phí thuê nhân công, giảm chi phí thuê dịch vụ, giảm chi phí thuê nguyên vật liệu, giảm chi phí thuê công nghệ, giảm chi phí thuê thông tin, giảm chi phí thuê pháp lý, giảm chi phí thuê tư vấn, giảm chi phí thuê dịch vụ khác.

pháp này không chỉ giúp các doanh nghiệp và người lao động thoát khỏi nguy cơ phá sản, mất việc và giảm thu nhập mà còn tạo nguồn lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

(4) Thị trường lao động Việt Nam có khoảng 75% lao động không có đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Chất lượng nguồn lao động chưa cao sẽ là rào cản nghiêm trọng cách cạnh tranh và bắt kịp với các xu hướng công nghệ mới, các phương thức kinh doanh mới của thế giới. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần tích cực tìm kiếm, triển khai các chính sách đào tạo, nâng cao trình độ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu thị trường và phát triển kinh tế.

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN DU LỊCH VÀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA DU LỊCH VIỆT NAM SAU ĐẠI DỊCH

TS. Nguyễn Anh Tuấn¹

1. Tác động của đại dịch COVID – 19 đến ngành Du lịch toàn cầu

Trong các năm 2020 và 2021, ngành du lịch toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID - 19. Lượng khách du lịch quốc tế giảm hàng loạt, nhiều quốc gia đóng cửa biên giới, nhiều quốc gia không cho phép du khách quốc tế nhập cảnh. Lượng khách du lịch quốc tế trong năm 2020 giảm 73% so với năm 2019, riêng lượng khách du lịch các nước đang phát triển giảm 60-80% (UNWTO, 2020). Điều này ảnh hưởng đến ngành du lịch và các ngành liên quan. Tổng sản phẩm quốc nội ước tính khoảng 2.400 tỷ USD trong năm 2020. Đóng góp của du lịch vào GDP toàn cầu vì thế cũng sụt giảm mạnh mẽ, trong đó, khu vực châu Á Thái Bình Dương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Ngành du lịch đóng góp vào GDP, tổng sản phẩm quốc nội ước tính 1.041 tỷ USD (Lock, 2020).

Theo Báo cáo đánh giá tác động của đại dịch COVID - 19 đến ngành du lịch toàn cầu², sự bất bình đẳng về vaccine có thể gây tổn thất lớn về kinh tế toàn cầu, trong đó,

riêng ngành du lịch có thể thiệt hại tới 1,7-2,4 nghìn tỷ USD trong năm 2021, cho dù hoạt động du lịch có thể bắt đầu phục hồi. Các quốc gia như Pháp, Anh và Mỹ. Khả năng thị trường có thể giảm hoặc không phục hồi do chi phí vào và chi phí phân phối vaccine. Báo cáo nhận thấy, lượng khách du lịch quốc tế sẽ vẫn "giảm sút" trong năm 2021, ngược lại thị trường Tây. Ngành công nghiệp không khí này sẽ khó có thể phục hồi hoàn toàn cho năm 2023. Sự sụp đổ của ngành du lịch quốc tế do đại dịch COVID – 19 có thể gây ra thiệt hại 4 nghìn tỷ USD GDP toàn cầu cho năm 2020 và 2021. UNWTO ước tính 100 triệu đến 120 triệu việc làm du lịch trực tiếp bị mất đi do ảnh hưởng của đại dịch.

Báo cáo nhận thấy rằng khách du lịch giảm trung bình 74% trên toàn cầu trong năm nay, phù hợp với mức giảm vào năm 2020. Nhiều quốc gia đang phát triển phụ thuộc nhiều vào du lịch quốc tế, lượng khách giảm tới 80% đến 90%. Ông Nam Á, ông B c Á, Châu Á Đông, B c Phi

1. Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, Tổng cục Du lịch

2. Báo cáo ngày 30/6/2021, Tổ chức Du lịch Thế giới (World Tourism Organization UNWTO) và Hội nghị Liên Hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD)

và Nam Á là nh ng khu v c b nh h ng nhi un h t b is s t gi m dul ch toàn c u. B c M , Tây Âu và Caribe là nh ng khu v c ít b nh h ng nh t. K ch b n l c quan h n là l ng khách ch gi m 63%, trong ó khu v c òng Nam Á có m c thi th i th ph n, m c 5,6% trong n m 2021. K ch b n x u nh t là l ng khách n s s t gi m sâu hn, kho ng 75% ã tính n tri n khai tiêm vaccine trên kh p các qu c gia, d ki n s gây ra m c gi m 7,1% GDP. òng Nam Á có th b thi th i 8,4% GDP trong n m 2021 do khách dul ch ti p t c t b k ho ch dul ch trong i d ch và d báo s gi m 82% chi tiêu c a khách dul ch trong n c trong n m 2021.

C ng theo Báo cáo trên, tr c nh ng di n bi n khó oán nh ó, g n 50% các chuyên gia c h i d báo l ng khách dul ch qu c t ch có th b ng m c n m 2019 vào n m 2024 ho c mu n h n, trong khi t l ánh giá kh n ng ph c h i b ng

m c n m 2019 vào n m 2023 gi m còn 37% so v i m c 43% vào tháng 1/2021. Thi th i ri vào ngành dul ch c a các n c ang phát tri n có th chi m t i 60% cons trên, ngh a là có th lên n 1,4 nghìn t USD trong n m 2021.

Báo cáo chor ng, thi th i kinh t hoàn toàn có th t p trung nh ng n c có t l tiêm phòng th p. Bên c nh ó, dù ngành dul ch c d báo ph c h i nhanh h nt i các n c có t l tiêm ch ng cao, trong ó có M , UNWTO v n chor ng dul ch qu c t khó có th ph c h i nh m c tr c i d ch cho n n m 2023.

UNWTO c tính 100 tri u n 120 tri u vi c làm dul ch tr c ti p ang b e d a do l ng khách dul ch gi m.

Báo cáo a ra k ch b n l ng khách dul ch gi m trung bình 74% trên toàn c u trong n m nay, phù h p v i m c gi m vào n m 2020. nhi u qu c gia ang phát tri n



(Maldives đư c mệnh danh là "thiên đư ng nghỉ đư ng". Nguồn: Getty Images)

ph thu c nhi u vào du l ch qu c t , l ng khách ã gi m t 80% n 90%. òng Nam Á, òng B c Á, Châu i D ng, B c Phi và Nam Á là nh ng khu v c b nh h ng nhi u nh t b is s t gi m du l ch toàn c u. B c M , Tây Âu và Caribe là nh ng khu v c ít b nh h ng nh t. K ch b n l c quan h n là l ng khách ch gi m 63%, trong ó khu v c òng Nam Á có m c thi th i th ph n, m c 5,6% trong n m 2021. K ch b n x u nh t là l ng khách n s s t gi m sâu hn, kho ng 75% ã tính n tri n khai tiêm vaccine trên kh p các qu c gia, d ki n s gây ra m c gi m 7,1% GDP. òng Nam Á có th b thi th i 8,4% GDP trong n m 2021 do khách du l ch t i pt ct b k ho ch du l ch trong i d ch và d báo s gi m 82% chi tiêu c a khách du l ch trong n c trong n m 2021.

C ng theo Báo cáo trên, tr c nh ng di n bi n khó óán nh ó, g n 50% các chuyên gia c h i d báo l ng khách du l ch qu c t ch có th b ng m c n m 2019 vào n m 2024 ho c mu n h n, trong khi t l ánh giá kh n ng ph c h i b ng m c n m 2019 vào n m 2023 gi m còn 37% so v i m c 43% vào tháng 1/2021. Thi th i ri vào ngành du l ch c a các n c ang phát tri n có th chi m t i 60% con s trên, ngh a là có th lên n 1,4 nghìn t USD trong n m 2021.

Báo cáo chor ng, thi th i kinh t hoàn toàn có th t p trung nh ng n c có t l tiêm phòng th p. Bên c nh ó, dù ngành du l ch c d báo ph c h i nhanh h n t i

các n c có t l tiêm ch ng cao, trong ó có M , UNWTO v n chor ng du l ch qu c t khó có th ph c h i nh m ctr c i d ch cho n n m 2023.

Vi c tiêm vaccine ng a COVID-19 và các ch ng nh n v tiêm ch ng là y u t chính giúp ph c h i ngành du l ch, v n c coi là "phao c u sinh" c a nhi u qu c gia, c bi t là các qu c o nh v n ph thu c n ng n vào du l ch t o vi c làm.

2. Tác ng c a i d ch COVID – 19 n ngành Du l ch Vi t Nam

T u n m 2020, d ch b nh ã gây ra nh ng tác ng tiêu c ch t s c t o l n i v i ngành du l ch c ng nh c n n kinh t Vi t Nam.

N m 2020 v i 2 t bùng phát c a i d ch COVID - 19, c n c ch ón c 3,8 tri u l t khách qu c t (khách qu c t ch có trong 3 tháng u n m), khách n i a gi m 50%, toàn ngành thi th i kho ng 530 nghìn t ng. Tác ng c a i d ch là h t s c nghiêm tr ng t i toàn b h th ng du l ch: các c s l u trú, các doanh nghi p l hành, v n chuy n, c s n u ng, mua s m ph c v khách du l ch... và c bi t là i ng lao ng du l ch, c tr c ti p và gián ti p.

Trong 9 tháng u n m 2021, l ng khách n i a c n c c tính ch t 31,5 tri u l t, trong ó có kho ng 16 tri u l t khách có l u trú. T ng thu t khách du l ch ch t kho ng 137 nghìn t ng, gi m trên 41% so v i cùng k 2020. Vi t Nam v n

ch a ón khách du l ch qu c t (t tháng 4/2020 n nay) và vi c gi m m nh l ng khách n i a, c bi t là gi m giá các d ch v hàng không, l u trú ã gây ra nh ng tác ng to l n t i t ng ngu n thu và hi u qu ho t ng kinh doanh c a toàn ngành du l ch.

T tháng 7 n nay, ho t ng du l ch g n nh ình tr , các doanh nghi p du l ch và l c l ng lao ng ngành du l ch ti p t c i m t v i nh ng khó kh n, th thách to ln. i d ch COVID -19 ã, ang và s thay i ngành du l ch h t s c sâu s c, òi h i ph i có cách ti p c n m i i v i phát tri n du l ch trong giai o n m i.

Trong g n hai n m qua, th c hi n ý ki n ch o c a Chính ph và Th t ng Chính ph , B V n hóa, Th thao và Du l ch ã tri n khai nhi u bi n pháp h tr ngành du l ch, doanh nghi p du l ch và l c l ng lao ng du l ch v t qua khó kh n, thách th c ph c h i và phát tri n sau khi d ch b nh c ki m soát, c bi t là các ho t ng thúc y th tr ng du l ch n i a (trong m t s tháng c a n m 2020 và 3 tháng u n m 2021 nh ng a ph ng không b nh h ng c a d ch b nh, ng thi lên k ch b n chu n b các i u ki n t ng b c ph c h i th tr ng du l ch qu c t h u COVID -19. Tuy nhiên, t tháng 4/2021 n nay, kinh doanh l hành qu c t và n i a g n nh d ng h n, các ng bay n i a t i các trung tâm du l ch l n u d ng ph c v khách du l ch, nhi u doanh

nghi p du l ch ng tr c nguy c phá s n hàng lo t, lao ng m t vi c làm, không có thu nh p. Các doanh nghi p du l ch v a và nh r i vào tình tr ng ki t qu , khó khô i ph c tr l i do h n ch v ngu n l c v n th c hi n c chính sách u ãi, gi m giá và ut xây d ng s n ph m du l ch m i.

Theo Báo cáo k t qu kh o sát g n 70 nghìn ng i lao ng và g n 22.000 doanh nghi p, h kinh doanh trên c n c vào tháng 8/2021¹, ngành d ch v l u trú, n u ng và du l ch ch u nh h ng n ng n b c nh t b i d ch b nh, ch còn kho ng 4% doanh nghi p duy trì cho t ng so v i các doanh nghi p cùng ngành. Trong các ngành d ch v , t l m t v i c cao nh t thu c nhóm l u trú, n u ng và du l ch, vi 87%..

Theo khuy n ngh c a WB, i d ch COVID - 19 s có nhi u tác ng nghiêm tr ng nhi u t i kinh t và xã h i, ngành du l ch Vi t Nam ch có th ph c h i sau khi i d ch COVID - 19 trên th gi i c ki m soát và các ho t ng giao th ng kinh t th gii tr l i bình th ng. Vì v y, hi n ch a th a ra các d báo ch c ch n v th i i m có th ph c h i l ng khách du l ch, c bi t là khách qu c t . Nh n nh này hoàn toàn phù h p v i th c t Vi t Nam hi n nay khi i d ch COVID – 19 v n di n bi nh t s c ph c t p hai u tàu kinh t ln nh t c n c c ng nh các trung tâm du l ch c a Vi t Nam.

Tr c th c tr ng ó, ngành du l ch ph i tra nhi m v v a phòng, ch ng d ch an toàn, v a kh c ph c khó kh n, ph c h i và phát tri n ngay sau khi i u ki n cho

1. Báo cáo đư c thực hi n bởi Ban Nghi n cứu phát tri n kinh t t tư nhân.

phép. Theo ó s t p trung u tiên khôi ph c th tr ng n i a, tr c h t nh ng i m n an toàn b ng vì c áp d ng các bi n pháp b o m an toàn cho c khách du l ch và ng i dân t i i m n; chu n b m i i u ki n c n thi t s n sàng ph c h i ho t ng du l ch qu ct khi d ch b nh c ki m soát; ph i h p làm vi c v i các b , ngành liên quan th ng nh t báo cáo Chính ph và Th t ng Chính ph v ch tr ng thí i m, t ng k t kinh nghi m ti n t i m c a ón khách qu ct tr l i, trên nguyên t c m b o tuy t i an toàn phòng ch ng d ch; xây d ng k ho ch, tri n khai chi n d ch truy n thông i m n Vi t Nam an toàn, áng tr i nghi m khi i d ch c ki m soát. Trên c s ngh c a B V n hóa, Th thao và Du l ch, Th t ng Chính ph ã ng ý cho th c hi n thí i m ón khách qu ct n Phú Qu c vào u tháng 10. ãy là c h i m ra cho ngành du l ch tri n khai t ng b c vi c m c a ón khách qu ct .

Xu t phát t th ct ngành du l ch tr c tác ng c a i d ch COVID – 19 th i gian qua có th th y v n t ra trong th i gian tr c m t, u tiên s m t là duy trì kh n ng t n t i v i vi ct ng c ng ki m soát chi phí, àm phán v i các i tác, m r ng l nh v c kinh doanh a d ng ngu n thu, tìm hi u mô hình kinh doanh du l ch m i; v i lâu dài, th chi n chuy n i s , ut s n ph m phù h p, m b o nhân s nòng c t, tìm ki m, liên k t v i các i tác m i.

V i c i m, m c nguy hi m và quy mô lây nhi m c a d ch COVID -19 trong n c và trên th gi i hi n nay, ch c ch n ngành du l ch s m t nhi u th i gian khôi ph c. Ngành du l ch có th ph i ho t ng trong môi tr ng b tác ng b i i

d ch COVID - 19. Theo khuy n ngh c a WB, m c tiêu chính sách trong ng nh n i v i ph c h i du l ch Vi t Nam là m b o các i u ki n phù h p v an toàn và tài chính, các doanh nghi p l hành và các nhà cung ng d ch v có th áp ng c nhu c u du l ch n i a; ng th i u tiên b o v nh ng it ng ph thu c vào du l ch có hoàn c nh kinh t khó kh n và d b t n th ng.

3. M t s gi i pháp ph c h i và phát tri n ngành du l ch th i gian t i

ph c h i và phát tri n ngành du l ch trong th i gian t i, c n t p trung th c hi n m t s gi i pháp sau ãy: (1) Tiêm vaccine và ki m soát d ch b nh, b o m an toàn t i các i m n du l ch; (2) Chu n b i u ki n m l i ho t ng du l ch n i a và ón khách qu ct, thí i m ón khách qu ct t i m t s a ph ng, tr c h t là t i Phú Qu c; (3) ym nh sáng t o, phát tri n s n ph m du l ch m i phù h p và t ng c ng qu ng bá i m n; (4) Thúc y du l ch n i a t i các a ph ng ã ki m soát t d ch b nh; (5) T ng k t thí i m và m c a r ng rãi ón khách qu ct trong i u ki n m i; (6) Ban hành và tri n khai các chính sách h tr k p th i cho doanh nghi p, l c l ng lao ng du l ch và c ng ng, ng i dân tham gia kinh doanh du l ch c ng ng; (7) Ti p t c ut , nâng c p, hoàn thi n h th ng h t ng ng b áp ng yêu c u phát tri n du l ch, k c h t ng giao thông, vi n thông, cung c p n ng l ng, n c và x lý ch t th i t i các i m n du l ch; (8) Ban hành chính sách khuy n khích thu hút ut du l ch, u tiên ngu n l c thúc y ut du l ch t i các vùng khó kh n nh ng có ti m n ng du l ch.

C th h n, gi i pháp chính sách trong lnh v c dul ch c nth chi ng m:

(1) H tr tài chính và ào t o l i m b o s t n t i c a các doanh nghi p và ng i lao ng dul ch.

H tr tài chính tr c ti p và linh ho t cho các doanh nghi p nh , siêu nh , l c l ng lao ng dul ch và ng i dân kinh doanh dul ch c ng ng; t ng c ng thanh kho n và kh n ng ti p c n các qu , ngu n v n ut , các kho n tín d ng, gia h n tr n, gi m ho c hoãn các kho n thanh toán c ng nh các c ch gi m giá khác nh m h tr doanh nghi p dul ch; xây d ng c u trúc h tr doanh nghi p dul ch siêu nh , nh và v a thông qua vi c xây d ng m ng l i qu c gia các doanh nghi p dul ch siêu nh , nh và v a nh m em n c h i cho các thành viên có th h tr l n nhau v tài chính, ngu n nhân l c, y n nhanh quá trình ph c h i, xây d ng m ng l i h tr ngang hàng và các m i quan h , phát tri n n ng l c và k n ng; kêug i h tr t c ác t ch c qu c t cho doanh nghi p nh , siêu nh , ng i dân kinh doanh dul ch c ng ng, nh t là ph n .

Tìm các ngu n thu b sung nh m t ng thu nh p cho i ng lao ng là gi i pháp c bi t quan tr ng nh m tháo g khó kh n cho ng i lao ng ngành dul ch m b o gi c i ng lao ng lành ngh .

T ch c các khóa ào t o l i, ào t o và phát tri n k n ng áp ng nhu c u ph c h i dul ch, t p trung vào tiêu chu n an toàn, quy trình v sinh, chính sách thanh toán, các k n ng m i c n thi t h tr a tác v và linh ho t t i n i làm vi c. u tiên h tr t ch c các ch ng trình ào t o ng n h n cho nhân viên ngành dul ch.

(2) T o c ch i tho i, trao i thông tin hi u qu , nhanh chóng gi a chính quy n, các doanh nghi p và t ch c xã h i. Trao i thông tin hi u qu nhanh chóng gi a các doanh nghi p v i c quan qu n lý nhà n c v dul ch, yt , giao thông v n t i và chính quy n a ph ng s góp ph n nhanh chóng a ra các bi n pháp c th , k p th i tháo g khó kh n và t n d ng các c h i cho ph c h i và phát tri n dul ch trong giai o n bình th ng m i.

(3) Rà soát các chính sách, quy nh hi n hành có th b sung ho c i u ch nh, l c b , n gi n hóa m t s quy nh phù h p v i i u ki n th ct hi n nay nh m tháo g khó kh n cho doanh nghi p, thúc y thu hút ut phát tri n dul ch và nhanh chóng phát tri n s n ph m dul ch m i phù h p v i xu h ng, nhu c u th tr ng. m b o duy trì s n nh c a các chính sách, c bi t là các chính sách v ut xây d ng ni m tin i v i các doanh nghi p, các nhà ut .

Chính ph c n ch o quy t li t các b ngành a ph ng trong vi c n gi n hóa th t c, tri n khai gi i ng n nhanh gói h tr cho doanh nghi p và lao ng nói chung và ngành dul ch nói riêng gi m bt khó kh n cho doanh nghi p và ng i lao ng dul ch.

(4) Xây d ng môi tr ng dul ch an toàn

Do tâm lý e ng i không an toàn vì d ch b nh COVID -19 nên ng i dân l a ch n nhà thay vì dul ch. ây có th coi là hi n t ng c u dul ch b nén. Do v y, gi i pháp u tiên là ngành Dul ch c n ph i h p ch t ch v i ngành Y t s m ban hành chính sách và tri n khai các bi n pháp b o m

an toàn cho khách du lịch tại các điểm du lịch, tổ chức, tổ chức và khách du lịch. Chính là xây dựng các tiêu chuẩn và quy trình về sức khỏe và an toàn trong cộng đồng, ban hành quy định, hướng dẫn nhằm bảo vệ sinh, an toàn cho du khách cũng như quy trình xử lý sức khỏe liên quan đến dịch bệnh, xây dựng các "trạm y tế du lịch" và phòng khám tại các điểm kiểm soát và kiểm soát các quy trình, thiết lập liên quan về sức khỏe và những yêu cầu cần thiết mà doanh nghiệp và khách du lịch phải tuân thủ nghiêm ngặt; ưu tiên lao động trong lĩnh vực du lịch cũng như tiêm vaccine theo chương trình tiêm chủng quốc gia bảo đảm an toàn trong phòng và khách du lịch.

(5) Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch của các quốc gia và địa phương, vùng có mặt tiêu chuẩn trong và ngoài nước nâng cao hiệu quả và có thể mang lại những tác động tích cực.

Thúc đẩy du lịch nội địa luôn là một chính sách quan trọng, được ưu tiên trong giai đoạn hiện nay. Do đó, cần khuyến khích các địa phương tăng cường đầu tư và xây dựng môi trường du lịch an toàn, áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho khách du lịch và nâng cao đời sống của người dân tại các điểm du lịch, đồng thời xúc tiến điểm đến nhằm thu hút khách du lịch.

Ưu tiên các hoạt động xúc tiến tái mở cửa du lịch an toàn tại các thị trường quốc tế trong nội địa và tìm kiếm các điểm kiểm soát đầu tư và địa điểm tiếp xúc hiệu quả vaccine thu hút khách quốc tế khi Chính phủ cho phép mở cửa trở lại đón khách quốc tế. Tăng cường nghiên cứu và

hội kinh nghiệm của các quốc gia đi trước trong việc tổ chức xúc tiến với cộng đồng khách du lịch.

Xây dựng và cho ra mắt các chương trình xúc tiến điểm đến và điểm đến khám phá. Phát triển các ý tưởng xúc tiến kết nối du lịch liên tỉnh, liên vùng trong nước và liên quốc gia với các nước ASEAN khuyến khích kéo dài thời gian lưu trú và khám phá sâu hơn của khách quốc tế.

Thiết lập kênh thông tin rõ ràng với các doanh nghiệp du lịch và khách du lịch thông qua đánh giá các kênh thông tin thông xuyên trên trang thông tin internet (website) của Tổng cục Du lịch và các địa phương cũng như website của Hiệp hội Du lịch và các doanh nghiệp du lịch Việt Nam cũng như thông tin kết nối với các đại sứ quán của Việt Nam cho khách du lịch kèm theo những thông tin cần thiết về yêu cầu khi nhập cảnh cũng như các yêu cầu về sức khỏe và an toàn khi du lịch nội địa Việt Nam...

Phát động chiến dịch "Bên cạnh bất cứ khi du lịch" thông tin cho khách du lịch về những vấn đề liên quan đến COVID - 19 nhằm bảo vệ các kênh truyền thông tin, kinh nghiệm, và sự chủ động cần thiết cho du khách trở về chuyên nghiệp. Hoạt động truyền truyền này có thể thực hiện thông qua các kênh truyền hình, truyền thông xã hội, truyền truyền, radio, tivi, quảng cáo...

Thúc đẩy hợp tác, thiết lập nhanh quá trình phát triển các hành lang du lịch thí nghiệm (bong bóng du lịch) với các nước ASEAN thông qua xây dựng các kênh liên kết thích ứng và mô hình hóa hành lang du lịch ASEAN, bắt đầu tái mở cửa biên giới với các quốc gia an toàn, địa điểm tiếp xúc

t c c n thi t và á nh giá c nh ngr i ro ti m n ng; các lo i hình du l ch c g i ý m c a tr l i giai o n u nh MICE, cung c p s n ph m d ch v du l ch cho th ph n khách có kh n ng chi tr cao ho c các lo i hình du l ch h n ch ti p xúc xã h i nh golf, l n, du ngo n tàu bi n, tàu th y trên sông...

(6) Ti p t c y n h a ch uy n i s , ng d ng công ngh trong phát tri n du l ch. Nhi m v này g n ch t v i ào t o, phát tri n ngu n nhân l c du l ch, c bi t là l c l ng lao ng ngh . T ch c các khóa ào t o k n ng v k thu t s du l ch v i s h tr c a l nh v c t nhân. u tiên h p tác công t trong cung c p k n ng c n thi t h tr ch uy n i s trong du l ch v i các gi i pháp s trong h th ng t d ch v , thanh toán, check-in/out, qu n lý ngu n thu, nhân l c, l u tr h p ng và tài li u, công ngh t ng hóa ...

T ng c ngs d ng và hi ubi tv công ngh k thu t s trong du l ch: S d ng d li u l n, trí tu nhân t o và máy móc tinh ch nh, t ng c ng tác ng c a ho t ng marketing s và t ng c ng cung c p s n ph m và tr i nghi m; ng d ng gi i pháp công ngh h tr b n v ng môi tr ng và xã h i nh ti t ki m n ng l ng, n c và gi m thi u rác th i; o l ng và theo dõi c p doanh nghi p các ho t ng thông qua các n n t ng tr c tuy n và h th ng qu n lý d li u.

(7) T ng c ng h p tác, liên k t trong n c và qu c t ph c h i và phát tri n du l ch

Tr c m t, có th th chi n liên k t gi a các a ph ng trong vùng ho c gi a các vùng ã ki m soát t t d nh b nh, không còn ca l y nhi m c ng ng, k t n i hình

thành các ch ng trình du l ch liên a ph ng, liên vùng an toàn thúc y thu hút khách du l ch.

y m nh h p tác, liên k t r ng rãi v i các n c ASEAN trong m c a du l ch tr l i thông qua tri n khai ti m ch ng, áp d ng c ch h chi u vaccine... gi m thi u t i a r i ro lây lan d ch b nh; phát tri n ph ng pháp á nh giá r i ro s c kh e và du l ch chung; h tr tài li u và các quy trình không ti p xúc trong h sinh thái du l ch thông qua s hóa.

(8) L p k ho ch và qu n lý r i ro, kh ng ho ng trong t ng lai

V i c l p k ho ch qu n lý r i ro, thiên tai các quy mô, c p là h t s c c n thi t có th s n sàng i phó v i các tình hu ng kh ng ho ng và có th nhanh chóng ph c h i, trong ó m t s nh ngr i ro tác ng m nh t i du l ch c n l u ý nh d ch b nh, th m h a thiên nhiên, th i ti t kh c nghi t, kh ng b , b t n chính tr ...

Hình thành nhóm truy n thông v kh ng ho ng du l ch nâng cao kh n ng ph c h i du l ch qua á nh giá tác ng du l ch có chính sách k p th i trong kh ng ho ng; giám sát và báo cáo các k ho ch ng phó kh ng ho ng và hành ng c a các a ph ng trong c n c m b o s t n t i và ph c h i c a các doanh nghi p du l ch; m b o t i p c n tài chính cho các doanh nghi p du l ch, nh t là doanh nghi p nh và siêu nh , và chu i cung ng trong su t th i k i kh ng ho ng; ti p t c t ng tác v i các bên liên quan nh m nâng cao nh n th c và hi ubi tv th t c và s ph thu c c a du l ch v i các l nh v c khác; th c hi n các mô ph ng kh ng ho ng h c h i và úc rút kinh nghi m qu n lý trong t ng lai.

GIÁO DỤC TRỰC TUYẾN TRONG BỐI CẢNH COVID - 19 TẠI VIỆT NAM

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em¹

1. Tác ngc a giáo d c tr c tuy n i v i tr em

1.1. Nh ng l ích c a h c t p tr c tuy n:

m b o vi c h c t p c a tr không b gián o n. Giáo d c tr c tuy n là m t trong nh ng gi i pháp mang tính chi n l c lâu dài. Thông qua các hình th c h c t p tr c tuy n, tr có th ti p t c ti p c n các ho t ng h c t p m t cách linh lo th n, v n theo k p khung ch ng trình giáo d c và trong th i gian n m h c quy nh. Giáo d c tr c tuy n m b o tinh th n “ng ng n tr ng nh ng không ng ng h c t p”, vì c h c t p c a tr s ít b gián o n h n khi tr c tuy n t i nhà trong tr ng h p tr ng h c óng c a hay trong b t c hoàn c nh nào khác.

T o nên s thay i l n trong t duy và cách th c ti n hành các ho t ng d y và h c. Giáo d c tr c tuy n ã và ang t o nên cu c cách m ng trong giáo d c thông qua vi c áp d ng công ngh và các gi i pháp h tr t xa cho vi c d y và h c. Vi c giao ti p v i h c sinh thông qua màn hình máy tính hay tivi ã t o ra nh ng tr i nghi m m i trong t ng tác, òi h i ng i giáo viên có nhi u thay i v t duy và ph ng pháp, không ch trong ho t ng truy n t tri th c, h tr và ánh giá n ng l c h c t p cho tr mà còn c quá trình qu n lý p h c. S bùng n v công ngh thông tin trong nh ng n m g n ãy c ng t o ra m t kho tàng

s , phong phú các tài li u d y và h c cho các l a tu i. Tài li u h c t p gi ãy không h n ch nh ng quy n sách giáo khoa, sách tham kh o b n in mà còn là nh ng n b n i n t , b n m m, video, audio, các ng d ng c t i v trên i n tho i thông minh hay máy tính. Giáo viên gi ãy không ch th c hi n các ph ng pháp h i và tr l i, t duy ng não, th o l u n nhóm v.v. thu hút s tham gia c a h c sinh vào bài h c, h còn có th s d ng các ph n m m t ng tác làm ho t ng h c tr nên thú v hn.

Giáo d c tr c tuy n c ng có th phá v các gi i h n v th i gian và không gian trong quá trình d y và h c. Thay vì vào l p h c thông th ng, gi ãy các ti th c có th đi n ra trên n n t ng Zoom, Teams, Google Meet... ng i h c có th h c b t c lúc nào h mu n và tham gia l p h c ngoài ph m vi tr ng, thành ph hay qu c gia c a mình. V phía h c sinh, vi c ti p c n v i công ngh thông tin s m giúp c i thi n k n ng và kh n ng ti p c n tri th c trong thi i 4.0 nhanh h n, hi u qu h n, chu n b t t tâm th c a th h “công dân toàn c u”.

T ng c ng m i quan h gi a gia ình và nhà tr ng trong ho t ng d y và h c. th c hi n c giáo d c tr c tuy n, vai trò và s ph i h p c a gia ình tr nên quan tr ng hn bao gi h t, nh t là i v i tr nh và tr u c p ti u h c. Ngoài vi c b trí trang thi t b h c t p, k t n i m ng hay s d ng thi t b

1. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children, viết tắt là SC) được thành lập năm 1919, hiện đang hoạt động tại 120 nước trên thế giới. SC tại Việt Nam bắt đầu hoạt động từ năm 1990 và hiện nay đang triển khai các hoạt động dự án tại 20 tỉnh/thành phố với các hoạt động viện trợ nhân đạo và các dự án phát triển bền vững.

...i nt cá nhân, chăm và ng ích m sóc tr óng vai trò k tn iv i giáo viên và nhà tr ng, h tr th chí nh i u qu h n ho t ng h c t p tr c tụy n và m b o s an toàn cho tr .

h tr con h c tr c tụy n, chăm ph i k t n i nh i u h n v i giáo viên, trao i th ng xuyên, liên t ch n do nh u c uc ns tr giúp, ph i h p c a chăm t phía giáo viên và nhà tr ng. Nh ó, gia ình n m rõ ti n trình h c t p c a con, i m m nh và h n ch , bi t con c nh tr gì... S g n k t y ã t ng c ng m i quan h và h p tác gi a gia ình và nhà tr ng trong v i ch tr tr h c t p.

V i c th chí n ho t ng giáo d c tr c tụy n là phù h p xu h ng khu v c và qu c t , góp ph n giúp Vi t Nam t c M c tiêu Phát tri n b n v ng: " m b o n n giáo d c có chí t l ng, công b ng, toàn di n và thúc y các c h i h c t p su t i cho t t c m i ng i" và các k ho ch, ch ng trình m c tiêu qu c gia c a ngành giáo d c.

1.2. Các thách th c

N n t ng h t ng công ngh thông tin, v i n thông là y u t quan tr ng trong h c tr c tụy n. n th i i m hi n t i, k tn i m ng ã bao ph c t i 64% dân s , m t b c t i n r t

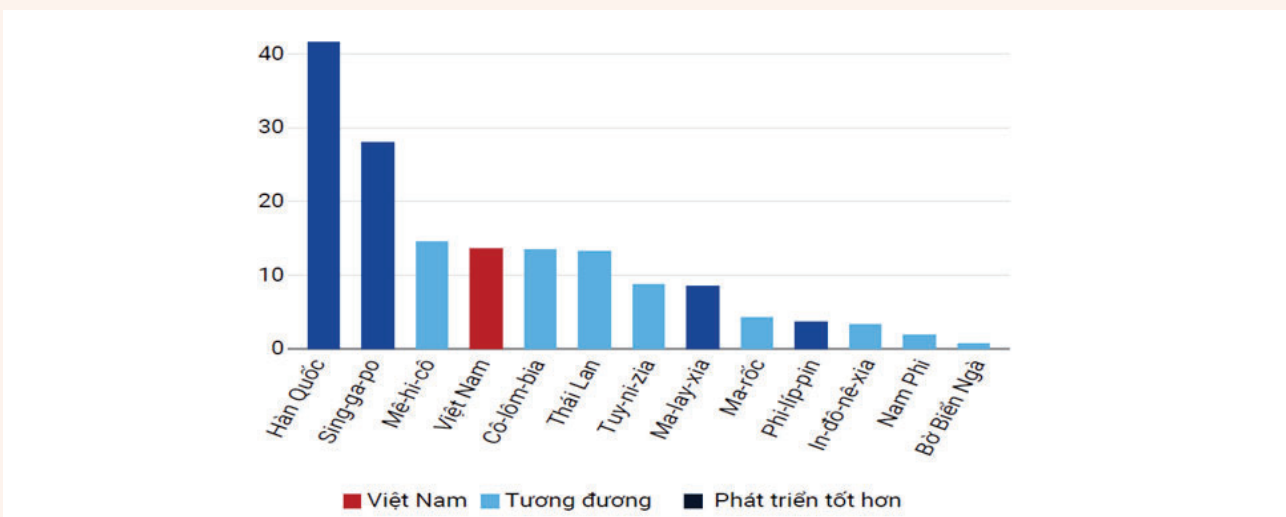
ángk sov im cg nh b ng 0 cu ình ng th p niên 1990.

Tuy nhiên, k tn i b ng thông r ng m i ch di n ra trong th i gian g n ãy. Khi s l ng ng i truy c p l n, h th ng tr nên quá t i, các lp h c tr c tụy n b gián o n nh h ng không nh t ích t l ng gi h c. Thêm vào ó, h c sinh nh ng vùng sâu, vùng xa c bi t là các h c sinh i m tr ng l vùng mi n núi không có m ng internet ph óng không th tham gia các lp h c tr c tụy n cho dù có s h tr v trang thi t b h c t p.

Tiếp cận thiết bị, chí t l ng truy c p không ng u các vùng mi n, c bi t là các vùng mi n núi n i ch a có sóng 3G/4G; s h gia ình nông thôn, s h nghèo s h u máy tính th p h n r t nh i u sov i thành th .

có th h c tr c tụy n, h c sinh ph i s d ng các thi t b nh i n tho i thông minh (có th k t n i internet), máy tính b ng, máy tính bàn hay tivi. Tuy nhiên, nh i u gia ình không th áp ng c các yêu c u này ph c v v i c h c tr c tụy n c a con em mình. Theo B Giáo d c và ào t o, hi n m i có 26/63 t nh thành th chí n hình th chí c t p tr c tụy n và 1,5 tri u h c sinh t i các a ph ng ang thi u thi t b tham gia h c t p.

Hình 1: S l ng thuê bao c nh b ng thông r ng trên 100 dân, Báo cáo "Vi t Nam s hóa: Con ng n t ng lai, WB".



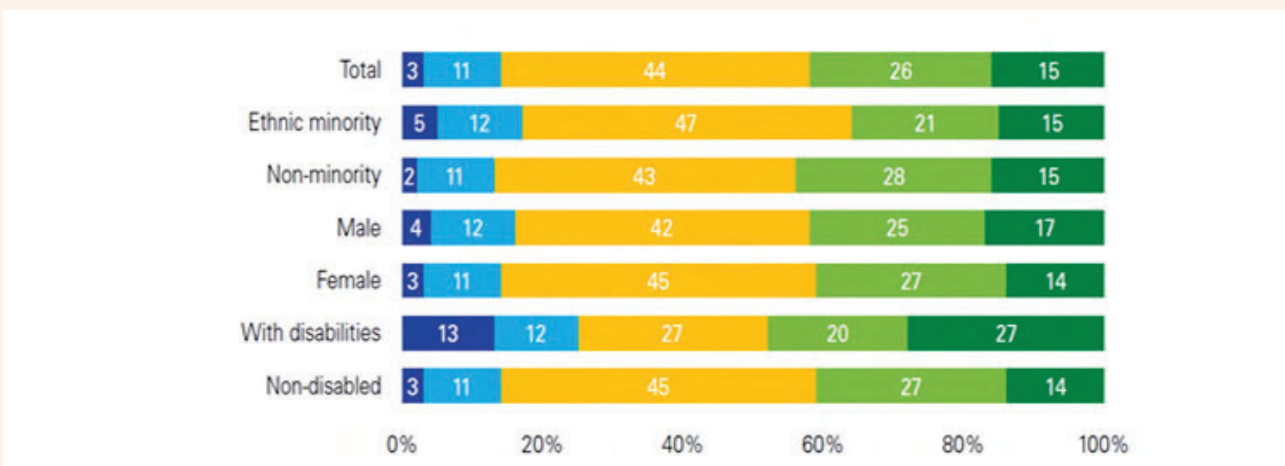
B ng 1: S d ng công c s theo nhóm thu nh p và à bàn

| Tỷ lệ hộ gia đình, đô thị | | | | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------|---------------------------------------------|
| Nhóm ngũ vị phân | Có điện thoại di động | Sở hữu máy tính | Sử dụng internet | Chi tiêu cho internet (hàng năm, '000 đồng) |
| 1 = nghèo nhất | 100,00% | 5,20% | 44,85% | 129 |
| 2 | 100,00% | 12,85% | 70,30% | 571 |
| 3 | 99,55% | 23,90% | 79,70% | 1024 |
| 4 | 99,50% | 40,90% | 88,85% | 1362 |
| 5 = giàu nhất | 99,45% | 55,90% | 86,80% | 1725 |
| Tỷ lệ hộ gia đình, nông thôn | | | | |
| 1 = nghèo nhất | 100,00% | 1,30% | 37,80% | 86 |
| 2 | 99,90% | 7,15% | 60,50% | 347 |
| 3 | 100,00% | 13,80% | 67,05% | 589 |
| 4 | 99,90% | 24,70% | 74,45% | 819 |
| 5 = giàu nhất | 99,50% | 31,40% | 75,95% | 1,048 |

Nguồn: Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2018, trích từ báo cáo "Việt Nam số hóa: Con đường đến tương lai" (WB-tháng 8-2021).

Theo kh o sát v N ng l c công ngh thông tin, nh ng c ng g p nhi u khó kh n s trong các h th ng giáo d c châu Á v qu n lý và s d ng th i gian hi u qu , t (UNESCO, 2021), h c sinh nhi u qu c qu n lý b n thân v n n p, ý th c t h c. gia Châu Á u cho r ng n ng l c v công Nhi u h c sinh có thêm khó kh n v thi t ngh s quan tr ng cho t ng lai. M c dù b , thi u nh ng tr i nghi m v i công ngh h c sinh c ng r t n ng ng trong vi c thông tin tr c ây, c bi t, các h c sinh tìm tòi, s d ng các ng d ng công ngh khuy t t và h c sinh dân t c thi u s .

Hình 2: ánh giá v nh ng tr i nghi m công ngh s tr ng



Nguồn: Khảo sát về Năng lực công nghệ số trong các hệ thống giáo dục ở châu Á (UNESCO, 2021)

Tại Việt Nam, thu hút học sinh cách trong giáo dục các nhóm yếu thế vẫn đang là ưu tiên trong các năm học tiếp theo vì tính phổ biến và tính liên tục của giáo dục, đặc biệt là giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Khi trường học phải đóng cửa do các yếu tố như thiên tai, dịch bệnh, học sinh cách này đang khiến việc kéo dài ra khi học sinh tiếp tục giáo dục trực tuyến của nhóm này còn vô cùng hạn chế. Nghiên cứu và nghiên cứu nhóm trẻ em, khi trường học đóng cửa là vì tính công bằng giáo dục hoàn toàn¹.

Khi tìm kiếm các công nghệ áp dụng học sinh trên diện rộng, vì học sinh tiếp cận với các công nghệ trực tuyến, tất cả rất khác nhau mà thời gian kết thúc năm học này cũng như chất lượng công nghệ của các nhóm nói trên cũng rất khác biệt.

Với trẻ em mầm non, gia đình không có hỗ trợ công nghệ tác động giáo viên, thêm nữa trong bối cảnh dịch bệnh, nhóm trẻ mầm non chưa coi là nhóm ưu tiên trong các năm học tiếp theo vì tính phổ biến của giáo dục. Các trường học chỉ ở nhà với anh chị em trong gia đình. Một số trường học cha mẹ học sinh chỉ nhận học sinh cách, thậm chí các trò chơi tại nhà².

Các sự vật chất và năng lực giáo viên. Khó khăn về cơ sở vật chất và năng lực giáo viên trong lĩnh vực công nghệ cũng là thách thức trong việc thực hiện giáo dục trực tuyến. Theo báo cáo tổng kết năm học

của V Giáo dục Tiểu học năm 2021, tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động giáo dục tin học chủ yếu tập trung các thành phố lớn, có tới 27,8% trường tiểu học và trường mầm non có phòng tin học, và các trường nông thôn có thì thậm chí không có máy móc, thiết bị và không gian.

Về nhân lực thì chỉ có 3.684 giáo viên mầm non thi tuyển 1 giáo viên tin học/trường, và chỉ có 69,1% giáo viên tin học hiện có đủ chuyên môn. Vì vậy giáo viên nói chung, thậm chí trong tiếp cận với máy móc, thiết bị công nghệ thì các hoạt động nâng cao năng lực là rào cản và thách thức trong việc áp dụng công nghệ trong hoạt động dạy và học. Số giáo viên có khả năng giảng dạy tin học cá nhân rất ít thì số giảng dạy tin học có khả năng sử dụng, vận dụng các kỹ năng máy tính, công nghệ, phần mềm hỗ trợ vào việc thiết kế và thực hiện bài giảng trực tuyến càng ít hơn. Việc giảng dạy trực tuyến khi giáo viên phải tự công sức xây dựng nội dung và tài liệu, đồng thời phải học thêm nhiều kiến thức và kỹ năng mới. Vì vậy giáo viên giảng dạy lâu năm thì sự thay đổi này thực sự là thách thức lớn trong việc thay đổi thói quen và phương pháp.

Sự tham gia của phụ huynh trong quá trình hợp tác, hỗ trợ tại gia đình và nhà trường: không chỉ các khu vực nông thôn, miền núi, mà ngay tại các thành phố lớn, rất nhiều gia đình vì điều kiện

1. Báo cáo "Những tác động của COVID 19 trong khu vực giáo dục Châu Á, nghiên cứu trường hợp Việt Nam" công bố tháng 10 năm 2021 cho thấy: 93% giáo viên ở vùng sâu, vùng xa chưa sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy trước COVID 19 nên họ chưa được chuẩn bị sẵn sàng cho việc giảng dạy trực tuyến, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giảng dạy khi cần ứng dụng công nghệ thông tin. Học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật và học sinh ở các gia đình nhập cư đối mặt với rất nhiều khó khăn do thiếu thiết bị, thiếu tiếp cận mạng internet.

2. Báo cáo kết quả đánh giá nhanh ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 đối với trẻ em của Nhóm công tác vì quyền trẻ em - 2020

- Ban hành hướng dẫn và tài liệu các kỹ năng thi thố sinh tốt nghiệp; thực hiện hỗ trợ tâm lý, giải thích kỹ năng cho học sinh trong bối cảnh dịch bệnh hay các tình huống khẩn cấp khác;

- Mở bồi dưỡng cho học sinh giáo dục đặc biệt trong việc thi thố khóa bài, bài giảng và thi thố học tập phù hợp, giám sát chi tiết quá trình học tập các kỹ năng tính hiệu quả trong học tập (tăng cường kỹ năng tập trung, kiên trì và duy trì năng lực tự học - tự nghiên cứu), đặc biệt với nhóm trẻ khuyết tật giúp giám sát các nguy cơ về sức khỏe do việc học qua màn hình, máy tính mang lại;

- Thực hiện khảo sát quy mô toàn quốc về việc tiếp cận giáo dục trực tuyến của trẻ em Việt Nam, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện giáo dục trực tuyến với nhiều giai đoạn và hình thức khác nhau, áp dụng các cách thức phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh địa phương.

b. V nâng cao năng lực:

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về kỹ năng sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong việc giảng dạy, thi thố và thực hiện giảng dạy trực tuyến hiệu quả, có nhu cầu tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, quan tâm đến tăng cường học tập mở theo học sinh, không áp dụng học tập và mở học sinh học tập phi tập thể.

- Tiếp tục cập nhật các nội dung cần thiết trong giáo dục tin học trong nhà trường; rà soát lại nội dung các tài liệu, các phương pháp, xác định các nội dung lỗi thời có

những nội dung thiếu, phù hợp khi triển khai dạy trực tuyến.

- Tiếp tục thí điểm và tiến tới triển khai rộng rãi các chương trình học tập xa, học trực tuyến nói chung cho các bậc học và các quy trình thực hiện, ban hành tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc triển khai thực hiện.

c. Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ giáo dục trực tuyến:

- Phát triển mạng lưới/phần mềm học tập trực tuyến (LMS) riêng cho các cấp, từng môn học để học tập.

- Ưu tiên nâng cao cơ sở hạ tầng, nhất là mở rộng phổ cập mạng Internet tới tất cả các vùng miền trên cả nước, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

2.2. Về nội dung, nội dung học tập:

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và quy định học tập cá nhân trong môi trường học tập, tạo điều kiện cho trẻ học tập, tổ chức công bố học tập trong việc tiếp cận giáo dục, không phân biệt giới tính hay tình trạng khuyết tật.

- Nâng cao năng lực cho cha mẹ và nội dung học tập mở mở học tập trực tiếp phi tập thể tại nhà, học tập trực tuyến hay tiếp cận thông tin về học tập trên Internet hoặc các nền tảng trực tuyến.

- Học tập và tăng cường theo dõi, giám sát con trẻ trong việc cài đặt và sử dụng các thiết bị internet, hướng dẫn các biện pháp nhằm bảo đảm an toàn và sức khỏe cho trẻ, lưu ý các yếu tố an toàn khi con học tập trực tuyến và nhà trường tránh tai nạn thực tế như ngã, mất điện, mất dữ liệu, mất thông tin, mất tài khoản, mất thông tin qua mạng xã hội.



T ch c C u tr Tr em t ch c t phu n Công ngh thông tin cho toàn b giáo viên và h c sinh tr ng TH B o Hà, Lào Cai tháng 2/2021. Nguồn: T ch c C u tr Tr em

Nguồn: Tổ chức Cứu trợ Trẻ em.

2.3. i v i các t ch c xã h i làm vi c trong l nh v c giáo d c và tr em:

- Huy ng ngu n l c và t ng c ng s h tr cho nhóm tr em đ b t n th ng trong c ng ng c m b o quy n c h c t p và ti p c n giáo d c tr c tuy n ch t l ng.

- Tham v n a ph ng và ngành giáo d c trong thi t k chi n l c và ch ng trình h tr c at ch c, nh m m b o áp ng úng nhu c u, theo sát và góp ph n hi n th c hóa các nh h ng, chi n l c c a ngành giáo d c.

- Th chi n th nghi m vi ch tr giáo d c tr c tuy n cho các nhóm tr em đ b t n th ng, t ó xu t các gi i pháp,

khuy n ngh phù h p cho vi c nhân r ng mô hình trên quy mô ln hn.

2.4. i v i khu v c t nhân, kh i doanh nghi p

- T ng c ng trách nhi m xã h i c a doanh nghi p i v i phát tri n b n v ng và ut phát tri n cho giáo d c.

- Phát tri n các n nt ng, các thi t b i n t ph c v vi c h c tr c tuy n thân thi n v i ng i s d ng, có giá thành phù h p v i ng i có thu nh p trung bình và th p.

- Th c hi n các gi i pháp c n thi t v b o v tr em m b o tr em c t ng tác lành m nh, an toàn trên môi tr ng m ng.

NĂNG LỰC CHUẨN BỊ VÀ ỨNG PHÓ VỚI ĐẠI DỊCH COVID - 19 CỦA HỆ THỐNG Y TẾ VIỆT NAM

TS. Trần Thị Mai Oanh¹



(Ảnh minh họa, nguồn: ehealth.gov.vn)

1. Các chính sách y tế ứng phó với đại dịch trong ba tháng đầu tiên

Chính phủ, Ban chấp hành quốc gia phòng chống Covid và Bộ Y tế đã xác định nhiệm vụ chiến lược quan trọng trong phòng, chống và kiểm soát Covid-19 và thực hiện các biện pháp ứng phó bằng cách xuyên suốt qua các giai đoạn, bao gồm: (i) ngăn chặn; (ii) phát hiện; (iii) cách ly; (iv) khoanh vùng; (v) điều trị. Việc áp dụng biện pháp 5K phòng lây lan các dịch bệnh là kịp thời và hiệu quả.

Ngay khi nhận được thông tin về dịch bệnh mới nổi ngoài vào Việt Nam, Việt Nam là một trong số ít quốc gia ưu tiên đóng cửa biên giới và ngừng các chuyến bay quốc tế trở về. Một tuần sau khi thông tin về bệnh SARS-Cov-2 đầu tiên được phát hiện, ngày 01/02/2020, Việt Nam đã ban bố tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng và tạm dừng tất cả các chuyến bay nhập và đi Trung Quốc. Đến cuối tháng 3/2020, Việt Nam đã dừng tất cả các chuyến bay quốc tế. Tuy nhiên, chỉ có công dân Việt Nam và

1. Viện trưởng Viện Chiến lược và chính sách y tế, Bộ Y tế

m ts chuyên gia, doanh nhân c ngoài c phép nh p c nh vào Vi t Nam nh ng v i các i u ki n kh t khe, bao g m ki m tra b t bu c xét nghi m Covid – 19 và cách ly 14 ngày t i các c s cách ly t p trung.

Phát hi n: Th c hi n vi c phát hi n các tr ng hp nghi ng , các it ng có nguy c cao thông qua các hình th c: (1) theo dõi, giám sát ch t ch t i khu v c biên gi i, giám sát toàn b ng i dân sau th i gian cách ly, giám sát nh ng ng i nghi ng trong c ng ng, ki m tra nhi t và phát hi n các tri u ch ng liên quan n Covid – 19 c a t t c b nh nhân n khám t i các c s y t ; (2) truy tìm nh ng ng i ti p xúc v i nh ng ng i b nhi m b nh; (3) xét nghi m trên di n r ng: xét nghi m nh ng ng i có nguy c cao và nh ng ng i nghi ng m c b nh. T t c nh ng ng i ti p xúc v i các tr ng hp nghi ng u c th c hi n các xét nghi m Covid – 19.

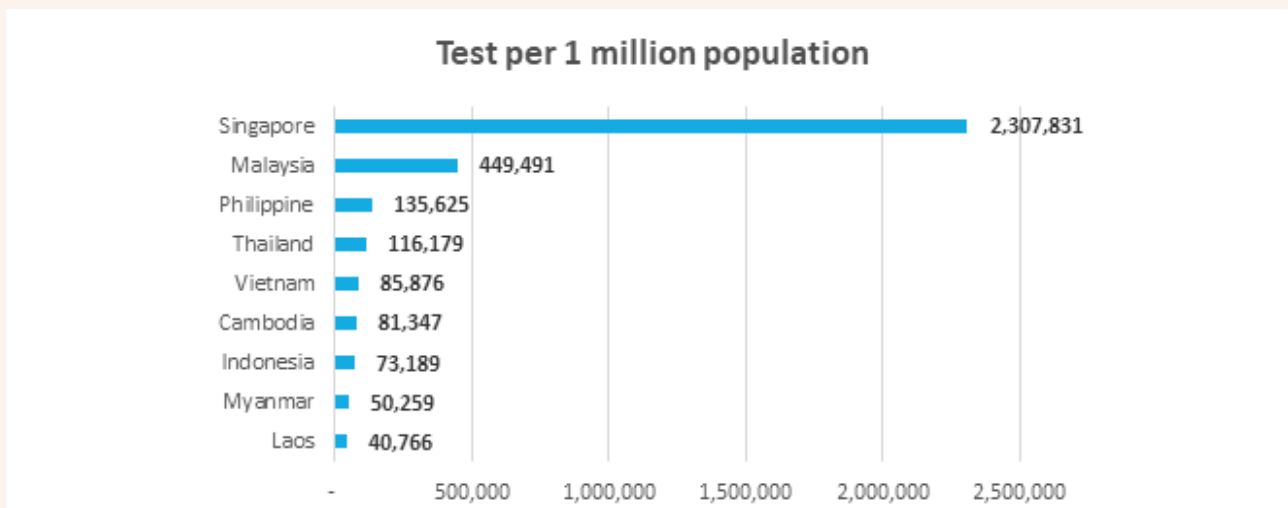
N ng l c xét nghi m c a Vi t Nam ã c c i thi n nhanh chóng, t vi c kh i uch có haic s xét nghi m có kh n ng xét nghi m phát hi n SARS-COV-2 b ng k

thu t RT-PCR vào cu i tháng 1/2020 nh ng n th i i m tháng 5/2020 ã có 120 c s xét nghi m. n tháng 9 n m 2021, c n c có 274 phòng xét nghi m có th th c hi n xét nghi m RT-PCR ch n oán xác nh COVID-19, trong ó có 249 là phòng xét nghi m thu c ngành y t .

Cách ly: Vi t Nam áp d ng ph ng pháp ti p c n b n c p truy tìm và cách ly ti p xúc. C th , b n c p bao g m: (i) F0, là nh ng tr ng hp c xác nh n d ng tính v i Covid – 19, ph i c cách ly và i u tr t i các c s y t ; (ii) F1, nh ng ng i b nghi ng ho c ã có ti p xúc g n g i v i F0, ph i cách ly t i c s t p trung; (iii) F2, nh ng ng i ã ti p xúc ch t ch v i F1, ph i t cách ly nhà; (iv) F3, nh ng ng i ã ti p xúc ch t ch v i F2, c ng ph i t cách ly nhà (Hình 2).

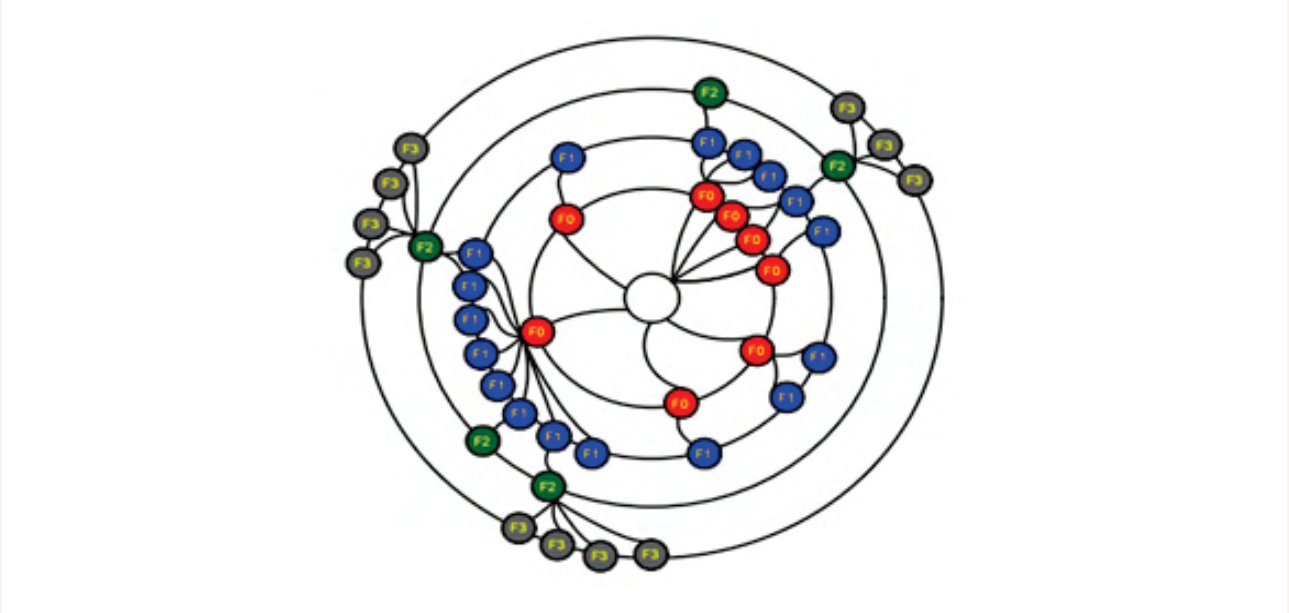
i u tr : T t c các tr ng hp nhi m Covid - 19 u c i u tr t i các b nh vi n theo phác i u tr c a B Y t . Có h tr k thu t t b nh vi n tuy n Trung ng n b nh vi n tuy n t nh trong i u tr n u c n. Không có s khác bi t trong

Hình 1. S xét nghi m COVID-19 trên 1 tri u dân trong s các n c ASEAN



Nguồn: Worldometer

Hình 2. Ví dụ truy vết tiếp xúc và phòng ngừa theo cách ly



việc ưu tiên cho bệnh nhân trong nước và nước ngoài.

Tính đến cuối tháng 3 (26/4/2021) thì Việt Nam là một trong những quốc gia thành công trên thế giới trong việc ngăn chặn dịch Covid-19. Mặc dù Việt Nam báo cáo trung hợp nhiễm SARS-CoV-2 đầu tiên từ ngày 15 tháng 1 vào ngày 23/01/2020, nhưng sau gần 16 tháng chỉ có tổng số 2.852 trường hợp mắc bệnh và 35 trường hợp tử vong. Với quy mô dân số đông trên 97 triệu người (mật độ dân số trên 300 người/km vuông), tình hình như vậy, Việt Nam nổi bật là quốc gia có số ca nhiễm trên đầu dân số thấp nhất trên thế giới (khoảng 29 trường hợp trên 1 triệu dân).

2. Các chính sách y tế quốc gia và địa phương để ngăn ngừa và kiểm soát dịch Covid-19

Trước diễn biến nghiêm trọng của virus SARS-CoV-2 và biến thể Delta của virus SARS-CoV-2 với tốc độ

lan truyền nhanh chóng và nguy cơ bùng phát sóng cao hơn, chính sách và chỉ đạo công tác phòng chống Covid-19 cần phải có những ưu tiên cho kế hoạch và phù hợp với diễn biến dịch bệnh. Chính sách và chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân giữa cách xã hội trên cơ sở phân vùng nguy cơ, xét nghiệm di truyền gen vi khu vực có lây nhiễm SARS-CoV-2 cao trong cộng đồng, áp dụng chiến lược “tháp 3 tầng” trong ưu tiên Covid-19 không làm quá tải các bệnh viện.

2.1. Chính sách và xét nghiệm

2.1.1. Hệ thống chính sách và xét nghiệm

Từ đầu tháng hai (tháng 9/2020), Bộ Y tế đã ban hành Kế hoạch xét nghiệm phát hiện nhiễm SARS-CoV-2 trong giai đoạn dịch Covid-19¹, trong đó nêu rõ các mục tiêu và chỉ đạo xét nghiệm Covid-19, bao gồm: (i) Phát hiện các trường hợp mắc

1. Quyết định 4042/QĐ-BYT ngày 21/09/2020 về phê duyệt Kế hoạch xét nghiệm phát hiện nhiễm SARS-CoV-2 trong giai đoạn dịch COVID-19 do Bộ Y tế ban hành

Covid – 19 d a trên nh ngh a ca b nh và theo phân lo i nhóm u tiên, ng n ch n s lan r ng c a d ch b nh; (ii) Nghiên c u, ánh giá theo dõi hi u qu c a các bi n pháp i u tr , theo dõi b nh nhân trong quá trình i u tr ; các bi n pháp phòng ch ng d ch ã th c hi n; ánh giá tình hình d ch t , mi n d ch trong c ng ng; và (iii) Gi m t i cho h th ng xét nghi m, gi m nhu c u sinh ph m, hóa ch t, v t t tiêu hao, gi m thi gian xét nghi m và t ng công su t xét nghi m, ng th i v n b o m ch t l ng xét nghi m.

Chi n l c xét nghi m c ng c xây d ng cho t ng k ch b n d ch t , bao g m: (i) Giai o n có ca b nh xâm nh p, ca b nh th phát trong c ng ng và các d ch khu trú, ch a lây lan r ng trong c ng ng; (ii) Giai o n b nh lây lan r ng trong c ng ng; và (iii) Giai o n ch phát hi n ca m c t n c ngoài v , không có ca m c trong c ng ng.

G n ây, B Y t ti p t c a ra h ng d n c th h n v chi n l c xét nghi m trong b i c nh b nh lây lan r ng trong c ng ng, d a trên ánh giá m c nguy c d ch^{1,2}. M c nguy c d ch c phân theo 4 m c “Nguy c r t cao”, “Nguy c

cao”, “Nguy c ”, “Bình th ng m i”³. Theo ó, i v i các a bàn nguy c r t cao, nguy c cao ph i xét nghi m toàn b ng i dân trên a bàn 3 l n trong 7 ngày, u tiên s d ng xét nghi m kháng nguyên nhanh bóc tách ngay các tr ng h p F0 nh m cách ly ngu n lây nhi m và i u tr k p th i; có th k t h p xét nghi m kháng nguyên nhanh và xét nghi m RT-PCR. i v i các a bàn còn l i, th ch i n xét nghi m t 5-7 ngày/l n.

Bên c nh chi n l c xét nghi m chung, B Y t c ng ban hành chi n l c xét nghi m cho các nhóm dân c thù, nh nhóm công nhân trong khu công nghi p, nhà máy, xí nghi p⁴; ho c cho nhóm ng i có nhu c u xu t c nh⁵.

V n ng l c xét nghi m: Ch s xét nghi m trên 1 tri u dân t i Vi t Nam vào kho ng 432.081 test/1 tri u dân, cao h n so v i Thái Lan (131.428 test/1 tri u dân, và n (395.530 test/1 tri u dân). Singapore g n 3.155.830 test trên 1 tri u dân (m t ng i trung bình xét nghi m h n 3 l n); Anh là 4.242.772 test/1 tri u dân (m t ng i trung bình xét nghi m h n 3 l n)⁶.

Trong t d ch th t t ngày 27/4 n 16/9/2021, t ng s m u xét nghi m ã

1. Công điện 1409/CĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 14/9/2021 về xét nghiệm và một số biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 khi thực hiện giãn cách xã hội và tăng cường giãn cách xã hội:

2. Công điện 1305/CĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 02/9/2021 về tăng cường công tác xét nghiệm phòng, chống dịch COVID-19, trong đó quy định chiến lược xét nghiệm cho các địa phương theo các mức nguy cơ dịch khác nhau.

3. Quyết định 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31/5/2021 ban hành “Quy định đánh giá mức độ nguy cơ và biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch COVID-19” do Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch COVID-19 ban hành

4. Công văn 4352/BYT-MT ngày 28/05/2021 hướng dẫn cách ly, xét nghiệm trong khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp do Bộ Y tế ban hành

5. Công văn 4974/BYT-DP ngày 17/09/2020 về xét nghiệm COVID-19 cho người có nhu cầu xuất cảnh do Bộ Y tế ban hành

6. <https://ourworldindata.org/grapher/full-list-cumulative-total-tests-per-thousand?country=VNM~IND~THA.19/9/2021>

c th c hi n là 15.959.983 m u RT-PCR cho 46.697.477 l t ng i; t ng 10 l n so v i t ng s m u RT-PCR c xét nghi m tính n 17/01/2020 (1.552.383 m u cho 1.748.868 l t ng i). S l ng phòng xét nghi m kh ng nh Covid – 19 b ng RT-PCR trên toàn qu c có s gia t ng rõ

r t, t 98 phòng xét nghi m t i th i i m 17/01/2020, t ng lên 204 phòng xét nghi m t i th i i m 2/9/2021¹. Tính t u tháng 8/2021, n nay, công su t xét nghi m RT-PCR toàn qu c t cao i m nh t vào kho ng 1,3 tri u l t ng i/ngày.

B ng 2. S l ng phòng xét nghi m và công su t xét nghi m t i a

| TT | Nội dung | Tháng 1/2021 | Tháng 9/2021 |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Số phòng xét nghiệm (XN) có khả năng phát hiện SARS-COV-2 bằng kỹ thuật RT-PCR | 148 Ngành y tế: 129 | 274 Ngành y tế: 249 |
| | Công suất XN tối đa | 51.825 mẫu đơn/ngày | 320.000 mẫu đơn/ngày (cao gấp 6 lần) Gộp 10: 3,2 triệu mẫu/ngày |
| 2 | Số phòng XN được phép XN kháng đnh | 94 Ngành y tế: 79 | 249 Ngành y tế: 227 |
| | Công suất XN tối đa | 42.460 mẫu đơn/ngày | 265.000 mẫu đơn/ngày (cao gấp 6,2 lần) Gộp 10: 2,65 triệu mẫu/ngày |
| 3 | Phòng XN lưu động | | 1.500 – 2.000 mẫu/phòng/ngày |

Nguồn: Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế

2.2. Chính sách v i u tr

2.2.1. H th ng chính sách v ch n oán và i u tr Covid – 19

H ng d n ch n oán và i u tr Covid – 19 m i nh t c ban hành vào tháng 7/2021², là phiên b n c p nh t l n th 6, tính t phiên b n h ng d n u tiên ban hành vào tháng 1/2020³. N i dung h ng d n c p n các n i dung chính sau: Ch n oán; Tri u ch ng; Phân lo i m c lâm sàng; Ch n oán phân bi t; Xét nghi m

ch n oán; Bi n pháp d phòng lây nhi m; i u tr; và Tiêu chu n xu t vi n. Bên c nh ó, B Y t c ng ban hành h ng d n i u tr riêng cho nhóm ph n mang thai và tr s sinh⁴.

Các v n b n liên quan n ph ng ti n phòng h và ki m soát lây nhi m c ng c B Y t c bi t quan tâm. B Y t ã ban hành danh m c ph ng ti n phòng h cá nhân thi t y u, h ng d n l a ch n và s d ng ph ng ti n phòng h cá nhân, và

1. WHO. Viet Nam COVID-19 Situation Report #58. 5 September 2021

2. Quyết định 3416/QĐ-BYT ngày 14/7/2021 về Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do chủng vi rút Corona mới (SARS-CoV-2) do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

3. Quyết định 125/QĐ-BYT ngày 16/01/2020 về hướng dẫn Chẩn đoán và điều trị bệnh viêm phổi cấp do chủng vi rút Corona mới (nCoV) do Bộ Y tế ban hành

4. Quyết định 3982/QĐ-BYT năm 2021 Hướng dẫn tạm thời Dự phòng và xử trí COVID-19 do chủng vi rút SARS-CoV-2 ở phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

h ng d n phòng và ki m soát lây nhi m trong khu v c i u tr Covid – 19. H ng d n phòng và ki m soát lây nhi m Covid – 19 t p trung vào các n i dung: Nguyên t c và bi n pháp ki m soát lây nhi m; Phân lu ng, ti p nh n, sàng l c, cách ly ng i nhi m ho c nghi nhi m; Thi t l p khu v c, bu ng cách ly và m ts n i dung khác. Bên c nh ó, v i m c ích h n ch lây nhi m chéo i v i nhân viên y t , nh m b o v l c l ng tuy n u ch ng d ch, B Y t ã ban hành riêng v n b n h ng d n phòng ng a và qu n lý nhân viên y t có nguy c lây nhi m Covid – 19 trong c s khám b nh, ch a b nh. Danh m c trang thi t b , v t t tiêu hao và thu c thi t y u cho i u tr Covid – 19 c ng ã c quy nh c th i v i t ng khu v c i u tr , d a theo m c n ng c a b nh nhân (không tri u ch ng và nh ; trung bình; n ng và nguy k ch). i v i ng i nhi m Covid – 19 i u tr t i nhà, danh m c thu c i u tr ngo i trú ã c ban hành. Bên c nh ó, v i c m b o n ng l c cung ng ôxy trên toàn qu c c ng c c bi t quan tâm.

Trong b i c nh d ch lây lan m nh, s ca nhi m và s ca di n t i n n ng t ng nhanh, h th ng y t ng tr c nguy c quá t i, nhi u nhóm chính sách nh m gi m t i cho toàn h th ng y t ã c ban hành. Trong ó, bao g m chính sách v xây d ng các b nh vi n dã chi n; xây d ng trung tâm h i s c tích c c, h i ch n t xa, tháp i u tr 3 t ng, tr m y t l u ng, t ch m sóc ng i nhi m COVID-19 t i nhà, và th c hi n qu n lý, ch m sóc ng i nhi m COVID-19 t i nhà.

3. M t s khó kh n, b t c p trong i u tr b nh nhân Covid – 19

Tình tr ng thi u trang thi t b y t và v t t y t . Trong giai o n d ch bùng phát, các

b nh vi n ph i i m t v i tình tr ng thi u máy th; thi u ph ki n v t t liên quan nh thi u ng th , thi u kh u trang; thi u thi t b theo dõi và h tr i u tr tích c c nh thi u máy monitor. M t s trang thi t b c thù c n cho theo dõi b nh nhân s n khoa nh monitor s n khoa, Doppler tim thai c ng ch a c áp ng. Nguyên nhân thi u thi t b y t và v t t là do ngu n cung c p khan hi m do t g y chu i cung ng ho c h ãng cung c p không giao hàng k p do giao thông i l i khó kh n vì giãn cách xã h i. Bên c nh ó c h mua s m v i các máy móc l n v n m t th i gian, quy trình th t c ph c t p c bi t là v i trang thi t b y t có tr giá h n 1 t ng. V i thi u trang thi t b y t và v t t y t là m t trong các nguyên nhân làm cho b nh vi n i u tr Covid – 19 các t ng không th ti p nh n b nh nhân Covid – 19 i u tr m c dù v n còn gi ng b nh tr ng.

H i n nay h u h t các b nh vi n c kh o sát u tình tr ng thi u thu c thu c nhóm thu c ch ng ông máu, thu c giãn c. M t s b nh vi n c ng g p khó kh n trong thanh toán b o hi m y t i v i các thu c x trí tác d ng ph c a thu c corticoid kèm theo do không có trong phác i u tr Covid – 19. Nguyên nhân thi u thu c là do t g y chu i cung ng ho c h ãng cung c p không giao hàng k p do giao thông i l i khó kh n. V i c d tr u th u mua s m b sung m t th i gian và quy trình ph c t p nên ch a mua s m k p.

Tình tr ng thi u nhân l c chuyên môn có kinh nghi m v h i s c tích c c bao g m c bác s và i u d ng di n ra ph bi n t t c các c s y t i u tr b nh nhân Covid – 19. Do thi u nhân l c nên không m b o c quy nh v quay vòng ca/

kíp c ng nh m b o c c c u ekip ch m sóc h i s c. Toàn b i ng nh n l cyt tr c ti p tham gia vào công tác i u tr u trong tình tr ng quá t i và áp l c do ph i làm vi c trong kho ng th i gian quá dài do thi u nhân l c thay th , c bi t i v i i ng nhân l c làm vi c trong khu v c h i s c tích c c¹.

N ng l c c a các c s i u tr t ng 1 v n còn h n ch (là các c s thu c tuy n y t c s , bao g m các b nh vi n thu c tuy n qu n/huy n, các tr m y t xã). Các c s y t này c ng trong tình tr ng thi u nhân l c tr m tr ng do khi hình thành c s cách ly i u tr b nh nhân Covid – 19 thì ch tính toán nhân l c theo dõi b nh nhân nh nh ng th ct nhi uc s th ng ph i ch m sóc m t s l ng nh t nh sóc b nh nhân th oxy, công su t ti p nh n b nh nhân c ng t ng kho ng t 50-100% so v i đ ki n ban u. Theo ánh giá c a bác s

b nh vi n t ng 2 và t ng 3 thì n ng l c theo dõi, ánh giá tình tr ng b nh nhân tiên l ng b nh và có ph ng án i u tr k p th i cho b nh nhân Covid – 19

a ra các quy t nh chuy n t ng c s cách ly i u tr t ng 1 còn h n ch nên không phát hi n và x lý k p th i các tr ng hp chuy n n ng đ n n khi phát hi n và chuy n b nh nhân lên tuy n trên b mu n và b nh ã tr n ng.

Vi c qu n lý và i u tr F0 t i nhà có m t s khó kh n b t c p: không theo dõi

ch ng c cho t t c F0, ch ti p nh n thông tin và x trí khi có yêu c u t h gia ình do m t s nhân l cyt c a tr m y t xã ã b i u ng lên c s cách ly nên l c l ng nhân l c c a tr m y t ph ng thi u, trong khi tr m y t l u ng ch y u là l c l ng t ng c ng nên n m a bàn không t t.

Ch chính sách v l ng, ph c p h tr cho nhân viên y t tham gia phòng ch ng d ch có nhi u b t c p. K t qu kh o sát t i m t s b nh vi n cho th y nhân viên y t ch a c nh n ch ph c p phòng ch ng d ch theo Ngh quy t 16/NQ-CP. Nguyên nhân là do b nh vi n không có ngu n thu v a chi tr l ng, ph c p ch ng d ch và chi tr cho mua s m thu c, v t t y t . c bi t i v i các b nh vi n th chi n t ch chi th ng xuyên l i càng khó kh n v v n kinh phí, các b nh vi n u u tiên dành kinh phí cho chi tr l ng và mua thu c, v t t y t . Do nh h ng c a d ch b nh, ngu n thu c a các b nh vi n u gi m m nh do s l ng b nh nhân gi m. C ng chính vì v y, nhân viên y t c a các b nh vi n thu dung, i u tr b nh nhân Covid – 19 không còn thu nh p t ng thêm. Tình tr ng quá t i công vi c do ph i i u tr và ch m sóc m t s l ng quá l n b nh nhân Covid – 19 trong b i c nh t vong cao, nh ng thu nh p t ng thêm b c t gi m, ph c p phòng ch ng d ch không c nh n k p th i ã mang l i nhi u khó kh n cho nhân viên y t c v tinh th n và v t ch t.

1. Tại một số bệnh viện được khảo sát, số bệnh nhân trung bình một bác sĩ phải chăm sóc trong một ca 8 tiếng là 50-60 bệnh nhân. Có những bệnh viện trong khu điều trị hồi sức tích cực có 16-20 bệnh nhân thở máy nhưng cả khoa chỉ có 1 bác sĩ và 2 điều dưỡng có kinh nghiệm về hồi sức cấp cứu; khu điều trị tích cực có 100 giường với 9 bác sĩ nhưng chỉ có 3 bác sĩ có kinh nghiệm điều trị hồi sức tích cực, với 15 điều dưỡng nhưng chỉ có 2-3 điều dưỡng có kinh nghiệm về hồi sức tích cực.

CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI VÀ TIÊM CHỦNG VẮC XIN NGỪA COVID TẠI LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ CỘNG HÒA LIÊN BANG (CHLB) ĐỨC: THỰC TRẠNG, THÁCH THỨC VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐƯỢC RÚT RA

Đại học Fribourg và tổ chức Hanns Seidel Foundation Việt Nam



(Ảnh minh họa, nguồn AFP)

1. Vắc xin ngừa COVID-19: Tình trạng và thách thức phân phối và tiêm chủng tại Liên minh châu Âu

Trong những ngày đầu tiên của năm 2020, vai trò của Liên minh châu Âu (EU) thể hiện rõ ràng khi dịch COVID-19 tiếp

tức lan rộng và nhiều quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu và các quốc gia thuộc EU, vai trò của tổ chức này trở nên quan trọng hơn. Tháng 5/2020, Ủy ban châu Âu, cơ quan hành pháp cao nhất của Liên minh châu Âu bao gồm 27 ủy viên (mỗi một thành viên trong Liên minh có một ủy viên tham gia), đã công bố các biện pháp hỗ trợ cho Chi n

lực vaccine chung EU.¹ Nó tập trung vào những công cụ và cơ chế để đảm bảo quy tắc của mình với cách là đi đến một thị trường tiêu thụ chung. Những gì, ký mts Thathunsb mua vaccine (APA) và các công ty sản xuất. Chỉ số của Hội đồng Châu Âu thông qua vào tháng 6/2020. Điều đó có nghĩa là các quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban về vaccine tiêm chủng cho người dân trong nước và Ủy ban Châu Âu, và đi danh nghĩa đi đến cho toàn bộ các quốc gia thành viên, sẽ tiếp hợp và tiếp hàng chung cho toàn khu vực. Cho tới nay, công việc này đã và vẫn đang tiếp diễn, nhưng điều đó không có nghĩa rằng 27 quốc gia thành viên không cho phép ký các thỏa thuận nhập khẩu vaccine các công ty nhằm mua thêm vaccine bổ sung. Thathunsb mua vaccine (APA) có lợi cho EU, vì mts EU sẽ chấp thuận mua vaccine của EU là một tác nhân kinh tế hàng đầu trên thị trường, đồng thời cho phép EU ký những hợp đồng vaccine các công ty sản xuất vaccine, do đó mở ra các lô hàng vaccine sẽ phân phối cho EU và các quốc gia thành viên tiếp nhận nhanh chóng. Tuy nhiên, Chỉ số của EU nhằm thúc đẩy mts Thathunsb mua vaccine (APA) và những công ty và hãng dược phẩm bị coi là có vấn đề trong giai đoạn ưu tiên khai thác vaccine, khi không phải nhà cung cấp nào

của Liên minh Châu Âu cũng có thể giao vaccine ứng dụng, hoặc thậm chí là các Cơ quan Dược phẩm Châu Âu (EMA), các quan quản lý chính của Liên minh Châu Âu về thuốc và sản phẩm dược, phê duyệt vaccine do họ sản xuất.

Cơ chế quản trị vaccine của Chính phủ CHLB Đức

Như vậy, các quốc gia thành viên EU khác, chính phủ CHLB cũng thực hiện các thỏa thuận mua vaccine của EU. Chính phủ CHLB cũng cho rằng, cách tiếp cận vaccine thông qua hợp đồng mua chung của Liên minh sẽ không chỉ cho phép tiếp cận vaccine nhanh hơn mà còn mở ra cơ hội phân phối công bằng hơn trên khắp các quốc gia thành viên EU, và do đó giảm chi phí “chiến đấu dân tộc vaccine”. Mặc dù vậy, điều này cũng không ngăn cản Chính phủ Đức và cung cấp gói hỗ trợ bổ sung cho một vài công ty của các hãng nghiên cứu sản xuất vaccine, trong đó có BioNTech và CureVac. Nghị viện CHLB cũng nên nhận thấy chỉ số của Chính phủ liên bang, như công ty của họ và những tiếp cận các nguồn vaccine bổ sung, như Sputnik V của Nga, Sinovac và Sinopharm của Trung Quốc. Tiếp ngày ban đầu, các tiểu bang trong số 16 tiểu bang của CHLB cũng theo dõi, và Tiểu bang Mecklenburg-Vorpommern công khai xuất Chính phủ

1. Bản đầy đủ của Chiến lược xem tại đây: https://ec.europa.eu/info/live-work-travel-eu/coronavirus-response/public-health/eu-vaccines-strategy_en

mua vài triệu nghìn liều Sputnik V ngay sau khi vaccine này được Cơ quan Dược phẩm châu Âu (EMA) chấp thuận. Tuy nhiên, khi vaccine Nga không được các nhà quản lý châu Âu phê duyệt, Chính phủ các tiểu bang đã bắt buộc mua vaccine riêng lẻ và tuân thủ theo Chiến lược của Chính phủ liên bang và của Liên minh Châu Âu.

2. Vaccine COVID-19: Phân ngành chính sách của Liên minh châu Âu

• Các trọng tâm cơ bản

Phân ngành chính sách của Liên minh châu Âu trong dịch Covid-19 tập trung vào ba trọng tâm chính:

Thứ nhất là EU đã đưa ra cam kết chiến lược vaccine hiệu quả, chính thức thông qua vào tháng 6/2020.

Tính đến tháng 10/2021, EU đã nhận được 4,6 tỷ liều vaccine từ các công ty và hãng dược phẩm. Do đó, Liên minh Châu Âu và các quốc gia thành viên đã ký tài trợ một tỷ lệ lớn vaccine cho COVAX, một sáng kiến của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) nhằm mở rộng phân phối vaccine COVID-19 một cách công bằng và nhanh chóng trên toàn cầu. Cuối tháng 8/2021, Ủy ban châu Âu ra thông cáo, tuyên bố đã hoàn thành mục tiêu Chiến lược là tiêm chủng vaccine cho 70% người trưởng thành trong toàn khu vực. Tính đến tháng 10/2021, EU đã

cung cấp 767,5 tỷ liều vaccine xin cho 74,6% tổng dân số trong 27 quốc gia thành viên của EU để tiêm chủng.

Mặc dù vậy, vẫn còn những sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu, khi các quốc gia như Malta, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha hay có tỷ lệ tiêm chủng vaccine cao, thì còn nhiều quốc gia Đông Âu (như Bulgaria, Croatia và Rumani) có tỷ lệ tiêm chủng vaccine thấp (nhất là từ phía sau).² Dù vaccine triển khai vaccine xin đăng ký ra đời sớm trên toàn EU vào thời điểm tháng 10/2021 và một số quốc gia đã bắt đầu cho phép tiêm liều thứ 3 một số loại vaccine cho các cá nhân có bệnh nền trong xã hội, quá trình này không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Cho dù EU đã đưa vào sử dụng vaccine xin nhận (từ Pfizer-BioNTech) vào cuối tháng 12/2020, vaccine triển khai trong khi khác chậm và khi nhiều quốc gia thành viên thất vọng. Các hãng dược như AstraZeneca chậm giao hàng cho EU vì họ đã có những cam kết trước với các quốc gia khác, vaccine là vaccine của Anh, quốc gia châu Âu đầu tiên vaccine, nên đã tiêm vaccine COVID-19 cho gần một nửa dân số vào thời điểm tháng 3/2021.

Đối với EU, cùng sự chậm trễ trong khâu sản xuất và nhu cầu gia tăng từ bên ngoài Hoa Kỳ sau khi tổng thống Joe Biden

2. Dữ liệu được chỉnh lý vào ngày 10/10/2021. Chi tiết xin xem tại: <https://www.statista.com/statistics/1196071/covid-19-vaccination-rate-in-europe-by-country/>

nhằm thúc đẩy và cam kết thúc đẩy chương trình tiêm chủng, Chi nhánh của các xin ban của EU là ký nghị ước hợp tác giữa nhà cung cấp (APA) và các nhà sản xuất. Khi EU không phải là khách hàng chính của nhà sản xuất, thì các hãng tập trung vào những thị trường khác, làm hạn chế trên thị trường và có những hạn chế, do đó khi cần vị trí khai thác xin EU bị chậm trễ đáng kể. EU phải chờ đợi rất nhiều tuần mới có được xin cho các phần dân chúng, tức là từ đầu tháng 3/2021, trước khi các chương trình tiêm chủng quy mô lớn bắt đầu triển khai cho các quốc gia thành viên. Từ tháng 7/2021 EU đã ưu tiên Anh và các quốc gia khác, và hầu hết người dân, nếu có nhu cầu, đều được tiêm từ đầu tháng 8 trong EU. Vị trí khai thác xin vẫn còn là thách thức từ các quốc gia thành viên EU, đặc biệt là khu vực Đông Âu. Vẫn không chỉ là hạn chế tiếp cận xin, mà còn chỉ không có sự hỗ trợ kịp thời cho việc phân phối xin trên quy mô lớn, sự thiếu hụt lòng tin của người dân vào Chính phủ và chính sách xin của Chính phủ.

Thứ hai là EU tập trung vào việc phê duyệt và kiểm tra an toàn của xin.

Các quan chức y tế châu Âu (EMA) đã trở thành các quan chức chịu trách nhiệm phê duyệt xin (cho tới nay đã phê

duyet 4 loại xin khác nhau là BioNTech-Pfizer, AstraZeneca, Johnson & Johnson và Moderna). Một ưu tiên đáng chú ý đây là, trong khi EMA đã trở thành lập pháp các quan quản lý từ đầu dịch COVID-19, thì các khuyến nghị của các quan này lại không có tính bắt buộc đối với các quốc gia thành viên EU. Trên thực tế, hầu hết các quốc gia thành viên vẫn duy trì hệ thống riêng quản lý an toàn dược phẩm và thực hiện các biện pháp. Tuy nhiên, trước sự bùng nổ của dịch Covid-19, tất cả các quốc gia thành viên EU đã chấp nhận sự chỉ đạo của EMA cũng như thẩm quyền phê duyệt và cấp giấy phép an toàn của xin của các quan này. EMA không chỉ cấp giấy phép an toàn của xin và thẩm định các thử nghiệm lâm sàng và dữ liệu sản phẩm, các quan này còn giám sát việc sản xuất xin quy mô lớn nhằm đảm bảo các lỗi xin của sản xuất ra an toàn, và quá trình vận chuyển và lưu trữ không làm hỏng sản phẩm. EMA chính là một ví dụ điển hình nêu bật tầm quan trọng của EU với cách là các quan quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn chung giữa các quốc gia thành viên. Tầm quan trọng của EMA trong cuộc khủng hoảng COVID-19 gây ngạc nhiên không ít vì bản thân EU không có nhiệm vụ gì trong chính sách y tế, vẫn là lãnh đạo của các quốc gia thành viên. Tuy thế, các quốc gia thành viên ngày càng tin tưởng vào EU trong lĩnh vực này qua các chương trình m

có tên là EU4Health,³ c thông qua vào tháng 3/2021, t p trung vào m t k ho ch y tham v ng nh m c i thi n và nâng cao s c kh e, b o v ng i dân kh i các m i e d a xuyên biên gi i, nâng cao kh n ng áp ng và ti p c n các s n ph m y t và cng c h th ng y t qu c gia. Ngoài ra, vào tháng 2/2021, y ban châu Âu xu t thành l p Liên minh Y t - có liên quan n vi c thành l p m t c quan m i có tên là C quan ng phó và chu n b kh n c p y t (HERA).⁴

Thứ ba là, EU ã a ra gói c u tr l n nh t t tr c n nay có tên "NextGenerationEU" (Th h ti p theo EU -NGEU)⁵ trong n l c ch ng l i i d ch COVID-19 hoành hành trên th gi i k t tháng 12/2019. Cùng v i ngu n ngân sách dài h n c a EU, gói c u tr t m th i này có k ho ch u t 806,9 t Euro vào vi c tái thi t châu Âu trên các m t kinh t , k thu t s và sinh thái. Ngân sách dài h n dành cho giai o n 2021-2027 h ng t i m c tiêu kích c u và t o i u ki n ph c h i sau i d ch, ng th i v n cho phép phân b u t vào các khu v c khác nhau trong EU, t i ng i dân, doanh nghi p, nông dân, nghiê n c u viên, sinh viên và các qu c gia láng gi ng c a EU. M uch t c a gói c u tr

NGEU là ph c h i và t o ra kh n ng ch ng ch u, là công c cung c p các kho n tài tr l n các kho n cho vay v i t ng tr giá 723,8 t Euro v i m c ích h tr c i cách, c i ti n và u t t t c các qu c gia thành viên Liên minh châu Âu. C ch này c phát tri n song song v i nh ng k ho ch ph c h i kinh t t ng qu c gia thành viên EU riêng l . i m c áo c a nó là t p trung vào các kho n vay và trái phi u, cho phép EU - v i t cách là m t kh i liên hi p th ng nh t - l n u tiên trong l ch s có th nh n n và vay ti n trên th tr ng tài chính qu c t .

• **Vắc xin thời hậu đại dịch**

Chứng nhận vắc xin

K t tháng 7/2021, Quy nh v Ch ng ch i n t COVID⁶ c a Liên minh châu Âu cho phép xác nh n i n t tình tr ng tiêm chng ng a COVID-19 cho các công dân ã tiêm chng.

Theo quy nh này, ch ng ch xác nh n m t cá nhân ã 1) tiêm ch ng v c xin ng a COVID-19; 2) có k t qu xét nghi m âm tính ho c 3) ã kh i b nh COVID-19. B n thân gi y ch ng nh n c c p m i n phí nh d ng i n t ho c b n in có mã QR có ch kýc a nhà ch c trách, có th hi n th b ng

3. Thông tin về chương trình xin xem thêm tại https://ec.europa.eu/health/funding/eu4health_en

4. Thông tin về chương trình HERA, xem thêm: file:///C:/Users/keils/Downloads/Factsheet_-_HERA_-_EN.pdf.pdf

5. xem: https://europa.eu/next-generation-eu/index_en

6. Thông tin xem thêm tại: https://ec.europa.eu/info/live-work-travel-eu/coronavirus-response/safe-covid-19-vaccines-europeans/eu-digital-covid-certificate_en

tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, và có giá trị trên tất cả các quốc gia thuộc EU. Công dân có thể tích lũy chi phí tại các cơ quan quản lý nhà nước các trung tâm xét nghiệm hay cơ sở thông tin sức khỏe internet. Vì cùng cấp và hiện tại tình trạng tiêm chủng của công dân là một nội dung khác trong nội dung của Liên minh châu Âu nhằm bảo vệ vùng lãnh thổ và tự do di chuyển. Khi một công dân di chuyển trong nội địa có Chứng chỉ tiêm chủng internet EU, cá nhân đó có thể di chuyển không hạn chế, các quốc gia thành viên sẽ không áp dụng các biện pháp phòng dịch và hạn chế đi lại như xét nghiệm hoặc cách ly đối với các công dân này vì họ không mang lại nguy hiểm cho sức khỏe cộng đồng.

Bên cạnh các quốc gia thành viên EU, nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác cũng tích cực tham gia hỗ trợ chứng chỉ tiêm chủng COVID-19 của EU như Albania, Andorra, Thổ Nhĩ Kỳ, Quần đảo Faroe, Israel, Iceland, Liechtenstein, Morocco, Bắc Macedonia, Na-uy, Panama, San Marino, Thái Lan, Ukraine, và Vatican. Chứng chỉ tiêm chủng ngừa COVID-19 của EU là một ví dụ tốt của EU về việc nâng cao quản lý các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh.

Ngoài việc thực hiện quy định do Liên minh châu Âu, Chứng chỉ tiêm chủng ngừa COVID-19 của

EU còn có sẵn sàng cho các mục đích khác trong nội địa vào nhà hàng, quán bar, các sự kiện và địa điểm khác. Hiện tại, chứng chỉ có giá trị trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 1/7/2021. Ngày càng nhiều quốc gia trong EU yêu cầu sử dụng Chứng chỉ tiêm chủng ngừa COVID-19 trong nội địa, khi gần đây các ca tử vong tính COVID-19 mới liên tục gia tăng cao tại Liên minh châu Âu.

• Cơ quan ứng phó và chuẩn bị khẩn cấp y tế (HERA) và số ca nhiễm tăng

Số ca nhiễm tăng cao dẫn đến việc Ủy ban châu Âu thành lập dự án “Viện nghiên cứu HERA” (HERA Incubator), một tổ chức hỗ trợ tài chính cho EU hợp tác với các nhà nghiên cứu, công ty công nghệ sinh học, nhà sản xuất và cơ quan công quyền Liên minh châu Âu (EU) và toàn cầu, nhằm phát hiện ra các chứng tử bệnh mới và tiếp tục phát triển vắc xin bảo vệ chống lại các chứng bệnh này. Trong khuôn khổ dự án này, EU xác định có ba lĩnh vực quản lý nghiêm ngặt liên quan lây lan và phát triển của các bệnh COVID-19. Thứ nhất, tổ chức nên bắt đầu quản lý các vắc xin phát hiện, phân tích và đánh giá các bệnh mới. Giai đoạn thứ hai của HERA kêu gọi tăng cường phê duyệt vắc xin và vắc xin các bệnh mới. Giai đoạn thứ ba và là giai đoạn cuối cùng của HERA chính là cho EU tăng cường sản xuất vắc xin

ng a COVID-19. EU ti p t c giám sát các ca nhi m COVID-19 t i các qu c gia thành viên cng nh t i các n c khác trên th gi i. Hi n t i, hành khách không ph i là công dân EU ã tiêm các li u v c xin do EMA phê duy t c phép nh p c nh EU v i b t k m c ích nào. Thêm vào ó, EU ã cho phép hành khách nh p c nh vào t các qu c gia ã ki m soát t t d ch b nh cng nh m b o i u ki n y t chung m c c i thi n áng k .

3. V c xin ng a COVID-19: Ph n ng chính sách c a CHLB c

Ca nhi m Covid-19 u tiên t i c c ghi nh n vào cu i tháng 01/2020. Ngày 13/03/2020, qu c gia này b c vào t giãn cách u tiên v i vi c óng c a nhà máy, c a hàng, tr ng h c và nhà tr trên toàn qu c. Th i k này, vi c i u hành và ch o do m t c quan liên chính ph g m Th t ng c Angela Merkel và Th hi n c a 16 ti u bang m trách, i u này cng ph n ánh tính ch t liên bang c a CHLB c trong vi c ng phó v i i d ch. Khuôn kh pháp lý qu n lý i d ch là o lu t phòng ch ng b nh truy n nhi m (Infektionsschutzgesetz, IfSG), c ban hành l n u vào n m 2000. D a trên lu t này, m t k ho ch qu c gia phòng ch ng d ch ã c xây d ng vào tháng 03/2020.⁷ Tính n ngày 13 tháng 10/2021, c ã có

h n 4,3 tri u ca nhi m và h n 94.000 ca t vong do Covid.

Là m t thành viên tích c c và là u tàu ca EU, c tuân th các quy nh v v c xin COVID-19 nh ã trình bày trong ph n v Liên minh châu Âu. Tuân th các khu y n ngh c a EU và EMA, CHLB c ch p nh n và phân ph i b n lo i v c xin chính c th y EU. Trong n l c cung c p các lo i v c xin an toàn và hi u qu nh t cho ng i dân ca mình, c c ng nh EU r t chú ý vi c mb o nh n và nh n s m các lo i v c xin m i nh t. Vi c phát tri n và phân ph i v c xin c a c ã c thi t k theo các giai o n nh sau:

1. Giai o n th m dò nh m xác nh các ng viên có m c u tiên cao nh t,
2. Giai o n ti n lâm sàng c phát tri n và s n xu t b i các h ãng d c có y quy n và có uy tín nh m xác nh các nhóm i t ng i u ki n tiêm ch ng an toàn,
3. Giai o n th nghi m lâm sàng 1 u tiên s dung n p thu c và an toàn làm m c tiêu chính,
4. Giai o n th nghi m lâm sàng 2 xác nh li u l ng nh m t i u hóa hi u qu ,
5. Giai o n th nghi m lâm sàng 3 chú tr ng nh t vào b ng ch ng th nghi m v hi u qu và tính an toàn ca v c xin

7. Xem tại: https://www.rki.de/DE/Content/InfAZ/N/Neuartiges_Coronavirus/Ergaenzung_Pandemieplan_Covid.pdf?__blob=publicationFile (tiếng Đức).

cho ng i dân. 16 ti u bang áp d ng nhi u chi n l c khác nhau nh m phân ph i v c xin hi u qu nh t, trong ó bang Bavaria đ n u thông qua vì c s d ng các trung tâm c ng ng và bác s gia ình.

Trong t ng lai, Chính ph CHLB c có k ho ch phân ph i v c xin COVID-19 theo l ch trình th ng quy t ng t nh các l ch tiêm ch ng thông th ng khác t i c. G n ây nh t, STIKO ã khuy n ngh ch ng ng a COVID-19 cho tr em t 12 tu i tr lên, và s c Chính ph liên bang và các ti u bang th c hi n t cu i hè 2021. Ngoài ra, vào cu i tháng 9/2021, STIKO ã khuy n ngh nh ng ng i có h mi n d ch y u, d g p nguy c b nh n ng khi m c COVID-19 nên tiêm thêm li u v c xin th ba.

4. Hợp tác: Liên minh châu Âu và CHLB Đức cùng chống lại đại dịch toàn cầu

Ph n ng chính sách c a CHLB c và Liên minh châu Âu i v i id ch COVID-19 và c bi t i v i vi c tri n khai v c xin có m i liên h ch t ch v i nhau. EU ã s d ng Th a thu n s b (APA) mua v c xin và sau ó phân ph i n các qu c gia thành viên, bao g m c CHLB c. CHLB c không nh ng ch trông i ngu n v c xin mà còn tuân theo các ch đ n c a EU nh Ch ng ch COVID i n t trong các chính sách qu c gia v qu n lý i d ch.

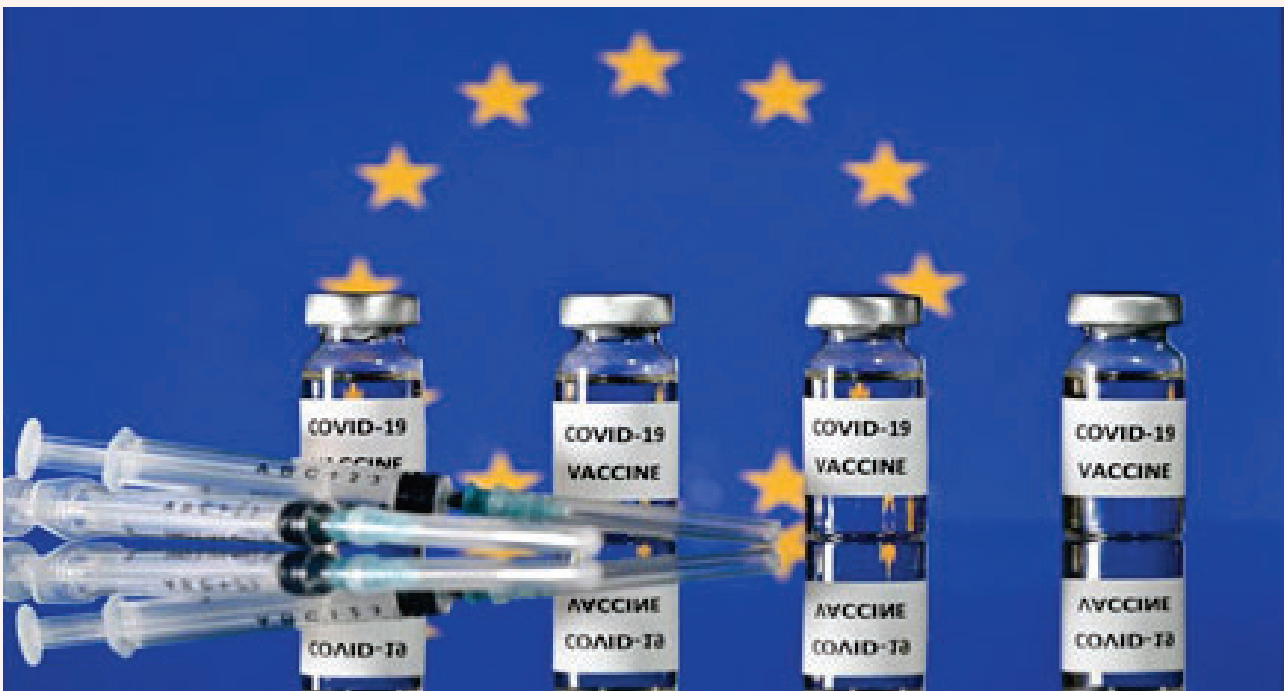
Hai bên hi n ang h p tác v i nhau m b or ng vi c tiêm ch ng v n c ti pt c tri n khai trên toàn EU và toàn c u. H p tác cng bao g m ánh giá v các lo i v c xin th h m i c a EMA, c ng nh tri n khai tiêm v c xin cho tr em và tiêm b sung li u th ba cho nhóm đ b t n th ng nh khuy n ngh c a EMA và sau ó c STIKO ca c áp d ng. Ngoài ra, Nhóm chuyên trách v s n xu t v c xin liên ngành c a Chính ph CHLB c h p tác v i Liên minh châu Âu trong khuôn kh đ án V n m HERA mua và phân ph i v c xin cho ng i dân c. CHLB c c ng tham gia Sáng ki n v c xin c a y ban châu Âu c nh n v c xin thông qua c ch mua s m chung c a EU là các th a thu n s b mua tr c v i các nhà s n xu t. Thông qua t ng ngân sách cho EU qu n lý i d ch và chính sách y t , CHLB c ã h tr EU có nh ng ph n ng m nh m h n i u v i cu c kh ng ho ng và ng th i nâng cao n ng l c cho EU trong l nh v c này, ng th i h tr cho k ho ch ph ch i kinh t c a EU. C EU i n CHLB c s ph i qu n lý d ch b nh và ti pt c theo dõi vì rút, các bi n ch ng m i và nh ng yêu c u i v i các lo i v c xin b sung trong t ng lai, mà còn ph i i phó v i s suy thoái kinh t do i d ch gây ra. Ch ng trình NGEU ca Liên minh châu Âu, c ng nh nhi u gói kích c u c a Chính ph c s m ng cho các kho n u t trong t ng lai vào

công nghệ y tế, nông nghiệp xanh và môi trường sống. Nhiều khía cạnh, Covid không sáng tỏ. Mặc dù cuộc sống đã trở lại bình thường trên khắp thị trường và EU, chúng ta còn là vấn đề chính sách, khi các quốc gia thực hiện các chính sách khác nhau trong những tháng tiếp theo. Nhìn về tương lai qua tình hình kinh tế và các tác động kinh tế của những thách thức này và quyết định về các quy trình ra quyết định trong những tuần tiếp theo.

Trong khuôn khổ nhiệm vụ, Ban Biên tập mong tiếp nhận biên bản ý kiến đóng góp (bao gồm tiếng Anh và tiếng Việt) xin trân trọng cảm ơn Quý vị. Quý vị có thể truy cập <https://thuvienso.quochoi.vn> hoặc liên hệ qua phòng Văn phòng Trung tâm qua địa chỉ <https://hht.quochoi.vn>

THE COVID VACCINATION AND DISTRIBUTION STRATEGY IN THE EU AND GERMANY: FACTS, CHALLENGES AND LESSONS LEARNT

University of Fribourg and Hanns Seidel Foundation Vietnam



(source AFP)

I. COVID-19 Vaccines: Overview of EU governance regarding vaccines

While the EU played a limited role in the initial response to the crisis, it became more important as the Covid-19 pandemic continued and evolved throughout Europe and the EU. The European Commission, which is the EU's executive governing body consisting of 27 Commissioners (one for each Member State), already announced in May 2020 plans for a common European

Vaccines Strategy¹. It focused on the ability of the Commission to use its international leverage as the representative of the largest common market in the world, in order to agree to several Advanced Purchasing Agreements (APAs) with companies working on vaccines. The Strategy was accepted by the European Council in June 2020. It meant that Member States would report to the Commission in terms of requirements for vaccines for their population and the Commission would order these jointly

1. The full Strategy is available at: https://ec.europa.eu/info/live-work-travel-eu/coronavirus-response/public-health/eu-vaccines-strategy_en

in the name of all EU countries. This did and does until today, however, not mean that the 27 Member States cannot also sign unilateral treaties with companies in order to purchase additional vaccines. The APAs are beneficial because they privilege the EU's purchasing power as a giant international economic actor on the one side, while allowing contracts to be agreed upon with several vaccine manufacturers, therefore ensuring that when vaccines become available, they will be distributed to the EU and its Member States relatively quickly. However, the EU's Strategy to push for several APAs with a variety of companies and drug manufacturers was seen as problematic at the beginning of the vaccine rollout, as not all providers the EU had contracts with were able to deliver their vaccines on time, or even get their vaccines approved by the European Medicines Agency (EMA), the EU's main regulator for drugs and pharmaceutical products.

Vaccine governance of the German government

In line with most other EU Member States, the German government supported the APAs of the EU. The Federal Government argued that a common purchasing approach through the EU would not only allow quicker access to vaccines when they became available, but it would ensure a fairer distribution of vaccines across the EU's Member States and thereby prevent vaccine nationalism. However, this has not

prevented the federal government from investing and providing additional support for several German companies working on vaccines, including BionTech and CureVac. Germany's federal parliament has mainly supported the federal government's strategy, but it has also discussed the possibility of accessing additional vaccines, including from Russia (Sputnik V) and from China (Sinovac and Sinopharm). This idea was also initially pursued by some of Germany's 16 federal L nder governments, with the Minister President of Mecklenburg-Pommern openly suggesting that her government would buy several hundred-thousand doses of Sputnik V as soon as it would be accepted by the EMA. However, without the Russian vaccines' approval by the European regulator, the L nder governments gave up on their pursuits of individual vaccines and followed in line with the federal government and the EU's Strategy.

II. COVID-19 Vaccines: the EU

• Main areas

The EU's response to the Covid-19 pandemic has focused on three main areas.

First, the EU has put in place an effective vaccine strategy, which was officially adopted in June 2020.

By October 2021, the EU had received 4.6 billion doses of vaccines from several companies. The European Union and the

Member States agreed consequently to donate a large amount of their vaccines to COVAX, a World Health Organization (WHO) initiative to ensure fair and speedy distribution of Covid-19 vaccines across the globe. By the end of August 2021, the European Commission announced that the EU's Vaccines Strategy's target of 70% vaccination of all adults across the EU had been achieved. As of October 2021, the EU has delivered 767.5 million vaccine doses with 74.6% of the EU adult population reporting full vaccinations. However, there remain substantial differences across European Member States, with vaccination rates particularly high in Malta, Portugal, Spain and Italy, while many Eastern European countries still lag behind (with Bulgaria, Croatia and Romania amongst the lowest rates of fully vaccinated citizens).² While the vaccine rollout is in full-swing across the EU as of October 2021, with some countries already starting the process of administering 3rd doses of specific vaccines for the particularly vulnerable members of their societies, the process has not always been so smooth. While the EU already received a first badge of vaccines in late December 2020 (from Pfizer-BioNTech), the rollout across the EU was slow and frustrated many Member States. Companies such as AstraZeneca delayed their deliveries to the EU because they had prior commitments to other countries, most notably the United Kingdom, which was an initial champion of vaccinations in

Europe, having vaccinated already half of its population by March 2021.

In the EU, production delays and increased demand particularly from the USA after the inauguration of Joe Biden and his commitment to a fast vaccination programme, meant that the EU's initial Strategy to have multiple contracts with a variety of suppliers (APAs) was problematic. As the EU was not a main recipient from one vaccine manufacturer, companies focused on bigger markets and earlier orders from other parts of the world, thereby delaying the vaccine rollout in the EU substantially. It took until March 2021 before wide-scale vaccination programmes were rolled out in most Member States, and several more weeks, before vaccines were available for the majority of the population. It was only in July 2021 that the EU had caught up with the UK, and that most people who wanted to be vaccinated had the chance to receive a vaccine across most of the EU. Yet, the vaccine rollout remains challenging in numerous European countries, particularly in Eastern Europe. The issue is not so much access to vaccines, but the lack of good infrastructure to distribute these vaccines on a large scale, and high amounts of distrust of the population in the government and its vaccine policy.

Second, the EU has focused on vaccine approval and safety checks.

The EMA has become the main body to approve vaccines (it has so far approved

2. Data correct as of 10 October 2021. For a full breakdown see: <https://www.statista.com/statistics/1196071/covid-19-vaccination-rate-in-europe-by-country/>

4 different vaccines, BionTech-P er, AstraZeneca, ohnson ohnson and the Moderna Vaccine). Interestingly, while the EMA has been established as a regulatory body before the Covid-19 pandemic, its recommendations are not binding to the EU Member States. In fact, most Member States still maintain their own regulatory bodies to ensure drug and pharmaceutical product safety. Yet, in the wake of the Covid-19 pandemic, all EU Member States accepted the lead of the EMA and its authority to approve vaccines and ensure their safety. The EMA does more than ust ensure that vaccines are safe and check all trials and data available. They also overseeing the large-scale production of vaccines to ensure that these are produced safely, and that delivery and storage do not harm their medical bene ts. The EMA is a good example to highlight the importance of the EU as a regulatory body that ensures common standards across its Member States. The importance of the EMA during the Covid-19 crisis comes as a surprise not least because the EU itself does not have a lot of competences in the area of health policy, as this remains a Member State domain. Yet, the EU s increased importance in this policy domain is also visible in the new programme EU4Health,³ which was adopted in March 2021, and focuses on an ambitious plan to improve and foster health, protect people from cross-border threats, enhance the availability and accessibility

of medical products and strengthen national health systems. In addition, in February 2021, the European Commission proposed the creation of a Health Union – which involves the establishment of a new agency: The European Health Emergency Preparedness and Response Authority (HERA).⁴

Third, in an effort to combat the COVID-19 pandemic that has plagued the world since December 2019, the EU has launched its largest stimulus package ever entitled NextGenerationEU (NGEU)⁵. In conjunction with the EU s long-term budget, the temporary NGEU plans to invest 806.9 billion euros into rebuilding Europe economically, digitally and ecologically. The long-term budget, which covers the years 2021-2027, aims to stimulate and facilitate recovery from the pandemic while still allowing funds to be allocated into investments in various EU regions, citiens, companies, farmers, researchers, students and the EU s neighbouring countries. The NGEU s main driving point is the Recovery and Resilience Facility, which is a tool that will supply both grants and loans totaling to EUR 723,8 billion with the aim of supporting reforms, improvements and investments in all of the EU Member States. This mechanism has been developed in addition to numerous economic recovery plans in individual EU Member States. What is unique about it is its focus on loans and

3. For more information about the programme, see: https://ec.europa.eu/health/funding/eu4health_en

4. For more information on HERA, see the factsheet at: file:///C:/Users/keils/Downloads/Factsheet_-_HERA_-_EN.pdf.pdf

5. See: https://europa.eu/next-generation-eu/index_en

bonds, which allow the EU, as a body, for the first time in its history to take on debt and borrow money on the international financial markets.

• Vaccines - Post-pandemic

Proof of vaccine certificates

Starting in July 2021, the EU Digital COVID Certificate Regulation⁶ allowed vaccinated citizens to have their vaccine status issued and available to show digitally.

Under the regulation, the Certificate proves that an individual has 1) been vaccinated against COVID-19; 2) received a negative test result or; 3) recovered from COVID-19. The certificate itself is free, comes in both digital and paper forms with QR codes containing authentic signatures, can be displayed both in English and the home country's language, and is valid across all EU countries. Citizens can obtain their digital certificates from national authorities such as testing centres or eHealth portals. The availability and display of a person's vaccine status is another part of the EU's effort to return to safe and free movement. When an EU Digital COVID Certificate holder travels, the certificate enables that individual to move without restrictions as Member States have been directed to refrain from enforcing travel restrictions, like travel-related testing or quarantine, on these holders, pending there is no danger to public health.

In addition to EU Member States, the following territories and countries have also joined the EU Digital COVID Certificate System: Albania, Andorra, Switzerland, Faroe Islands, Israel, Iceland, Liechtenstein, Morocco, Monaco, North Macedonia, Norway, Panama, San Marino, Turkey, Ukraine, and The Vatican. The EU Digital COVID Certificate is a good example for the increased management of post-pandemic recovery.

In addition to increased freedom of movement, the EU COVID Certificate passes are being used for domestic purposes such as entry into local restaurants, bars, venues and other events. Currently, the certificate is valid for 12 months starting from 1 July 2021. More and more countries across the EU are enforcing the use of the EU's Digital COVID Certificate in their domestic sphere, as we have recently witnessed an increase of Covid-19 cases again in numerous EU countries.

• HERA and an Increase in Cases

This increase in cases has also resulted in the European Commission commencing the HERA Incubator, a plan that directs EU cooperation with European and global biotech researchers, companies, manufacturers and public powers to discover new mutations and continue adapting vaccines to protect against them. Under the HERA Incubator, the EU has identified three crucial points in combating the spread and development of COVID-19 variants. First, the plan highlights the

6. For more information, see: https://ec.europa.eu/info/live-work-travel-eu/coronavirus-response/safe-covid-19-vaccines-europeans/eu-digital-covid-certificate_en

importance of the detection, analysis and assessment of variants. HERA's second stage calls to speed up regulatory approval of adapted vaccines. HERA's third and final stage has directed the EU to ramp up production of COVID-19 vaccines.

The EU continues to monitor COVID-19 cases in both its own Member States as well as the rest of the world. Currently, non-EU travelers with complete doses of EMA-authorized vaccines are permitted to travel to the EU for any purpose. Furthermore, the EU has allowed travel from countries in which pandemic and overall health conditions have seen notable improvement.

III. COVID-19 Vaccines: Germany

The first case of Covid-19 was reported in Germany by the end of January 2020. By 13 March 2020, the country entered its first lockdown with business, school and kindergarten closures across the country. The period was managed mainly by an intergovernmental body of the German federal Chancellor Angela Merkel and the 16 Minister Presidents of the German Länder, thereby reflecting Germany's federal nature also in the response to the pandemic. The main framework for the pandemic management used was the Infection Protection Act (Infektionsschutzgesetz, IfSG), which was initially enacted in 2000. Based on this law, a national pandemic plan was developed in March 2020.⁷ As of 13 October 2021, Germany has had more than

4.3 million confirmed cases of Covid-19, and more than 94,000 people have died as a result of the disease.

As a strong and active member of the EU, Germany abides by many of similar COVID-19 vaccine mandates as seen in the EU. Germany, following EU and EMA recommendations, likewise accepts and distributes the four main vaccine brands seen in the EU. In an effort to supply the safest and most effective vaccines to its citizens, Germany, like the EU has placed a great emphasis on securing the newest vaccines available as soon as they are able and in sufficient quantities. German vaccine development and distribution has been designed to occur in several phases:

1. The exploratory phase aims to identify the highest priority candidates.
2. The Pre-clinical phase identifies patients eligible for safe vaccines that have been developed and manufactured by authorized and reputable brands.
3. Clinical Phase 1 places tolerance and safety as its key goals.
4. Clinical Phase 2 carries out efficient dose optimisation.
5. In Clinical Phase 3 vaccination proof of efficacy and safety is of the highest importance.
6. And the final phase approved marketing authorisation.

As mentioned above, Germany followed

7. See: https://www.rki.de/DE/Content/InfAZ/N/Neuartiges_Coronavirus/Ergaenzung_Pandemieplan_Covid.pdf?__blob=publicationFile (in German).

the lead of the European Medicines Agency (EMA) in the approval of vaccines and their safety checks. However, the Permanent Vaccination Commission (STIKO) as well as the Robert Koch Institute's Commission on Vaccination played a key role in the development of an effective vaccine rollout. Both institutions are scientific bodies, which advise the government on pandemic management and control.

The schedule of German vaccination distribution is dependent on the recommendations from the Standing Committee on Vaccination, which not only makes decisions in how to best apply vaccines to the German population, but also determines populations of particularly high risk and determines how best to roll out vaccinations while keeping the numbers of both death and virus transmission low. Prioritisation of certain groups' eligibility to vaccines is determined using the "infectiological epidemiological and ethical criteria" as defined by STIKO. Upon these recommendations, vaccination distribution is split into three prioritisation groups. German vaccination in specially designated test centres began on 27 December 2020. While the initial goal aimed to vaccinate the entire population as soon as vaccines were available, vaccine supplies have initially been limited, as a result of some of the supply issues with vaccines to the EU described above. To prevent the greatest loss of human life as timely as possible the Standing Committee on Vaccination established the

Coronavirus Vaccination Ordinance which worked to distribute vaccines starting with patients of highest priority. As of 7 June 2021, this ordinance was amended to remove the prioritisation mandate. By then, both the federal government and the STIKO agreed that the most vulnerable had been vaccinated (if they wished to receive the vaccine), and that enough vaccines were available for all German adults.

As of 11 October 2021, 64% of the German population has been fully vaccinated. Germany initially set a goal of vaccinating its entire population by the end of summer 2021, following the country's authorisation in May 2021 for citizens of all levels of priority to begin scheduling vaccine appointments. June 2021 also saw the approval of other vaccination centres such as workplaces and private medical practices. Vaccine distribution in Germany is also organised in line with the country's federal system. While the federal government orders vaccines from the EU, and also discussed ordering additional vaccines separately, the German Länder can buy additional vaccines and are in charge of distribution and vaccination of the population. Across the 16 Länder, there have been different strategies on how to distribute vaccines most effectively, with Bavaria leading the way through its use of community centers and GP surgeries. Looking toward the future the German Federal government plans to distribute COVID-19 vaccinations in the same routine schedule as the normal German vaccination cycle. The STIKO has

most recently recommended that children from 12 years and older should also be vaccinated against Covid-19, and the federal government and the Länder have started doing this as of late summer 2021. Also, in late September 2021, the STIKO recommended that people with weak immune systems who are particularly at risk of severe illness when contracting Covid-19 should receive a third dose of the vaccine.

IV. Working Together: Cooperation between the EU and Germany to Fight a Global Pandemic

Germany's and the EU's response to Covid-19, and particularly the vaccine rollout are strongly interlinked. The EU used APAs to buy vaccines and then distribute it to its Member States, including Germany. Germany on the other side, relies not only on the vaccines from the EU, but also follows EU guidance in areas such as the EU Digital COVID Certificate in its own national policies of pandemic management. Both are currently working together in order to ensure that the vaccine rollout across the EU, and globally continues. This also includes an assessment of new – next generation vaccines by the EMA, as well as vaccine rollout for children and third doses for the most vulnerable, which was first recommended by the EMA and then adopted by Germany's STIKO. Moreover, the German federal government's interdepartmental Vaccine Production Task Force collaborates with the EU, under the EU's HERA Incubator Plan, to procure

vaccine doses and supplies to distribute to the people of Germany. Furthermore, Germany takes part in the Vaccine Initiative from the European Commission to obtain COVID-19 vaccines through the common European procurement mechanism of advance purchase agreements with manufacturers. Germany has supported a stronger European response to the crisis and more competences for the EU in pandemic management and health policy, not least through an increase in the EU's budget in this area and through its support for the EU's economic recovery plan. Both the EU and Germany will not only have to manage Covid-19 and continue to monitor the virus, its mutations and the required need for additional future vaccines, but they will also have to cope with the economic fallout of the pandemic. The EU's NGEU plan, as well as numerous stimulus packages by the German government will pave the way for future investment in health technology, greener energy and more innovation. However, as life returns to normal across Germany and the EU, it remains to be seen if the fallout from the pandemic will be overcome in the months to come – certainly its economic effects, as well as the loss of life, will take a long time to come to terms with. In many respects, Covid is not only a health and economic issue, but also a political one, with countries across Europe and the world struggling to overcome previous emergency statuses and returning to normal decision-making practices.

PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG (CHLB) ĐỨC TRƯỚC DỊCH BỆNH COVID-19 VÀ VAI TRÒ CỦA NGHỊ VIỆN TRONG QUẢN LÝ ĐẠI DỊCH

Đại học Fribourg và tổ chức Hanns Seidel Foundation Việt Nam

Chúng tôi nhìn nhận là một trong những quốc gia không chỉ Liên minh châu Âu (EU) mà còn trên phạm vi toàn cầu, CHLB Đức và hệ thống chính quyền các địa phương này đã cho thấy nhiều bài học kinh nghiệm quý giá về cách giải quyết hàng loạt vấn đề và nhiệm vụ phức tạp phức tạp trong trung tâm và trên trường quốc tế. Khi cuộc khủng hoảng do dịch COVID-19 gây ra đã bắt đầu sang năm thứ ba và hiện vẫn còn chi phí rất quan trọng cả thời gian và hiện nay của CHLB Đức, những quy tắc các vấn đề do dịch gây ra, những thói quen và ý thức dân chúng, em là cái nhìn sâu sắc về thành công lẫn thất bại của quốc gia này trong việc xử lý cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu. Bài viết này bắt đầu bằng việc quan sát hệ thống chính quyền liên bang của các quốc gia CHLB Đức, một hệ thống cho phép quốc gia này duy trì vị thế quốc gia trong bối cảnh các thách thức có liên quan kinh tế,

số khủng hoảng kinh tế nóng lên toàn cầu. Sau đó, bài viết sẽ phân tích, đánh giá tình hình dịch COVID-19 trên thế giới, và cuối cùng tập trung vào kinh nghiệm của các quốc gia trong hệ thống chính quyền Đức. Cuối bài sẽ trình bày đánh giá về những trình bày và lý giải những thành tựu của quốc gia này và của CHLB Đức và Nghị viện Đức trong công tác quản lý dịch COVID-19 nói chung và tiếp theo là các phân tích và xin nói riêng.

Nghị viện Cộng hòa Liên bang Đức

Bundestag – Quốc hội Liên bang của Cộng hòa Liên bang Đức

Bộ phận liên bang của CHLB Đức được thể hiện thông qua hệ thống nghị viện bao gồm hai viện: Quốc hội Liên bang và Hội đồng Liên bang. Quốc hội Liên bang Đức, tiếng Đức là "Bundestag" là cơ quan lập pháp cao nhất, có chức năng, nhiệm vụ quyết định những vấn đề quan trọng và thực thi pháp luật của liên bang. Trong khi đó, Hội đồng Liên bang có chức năng nhóm một phần của nghị viện hai viện và nhà lập pháp

cho Quốc hội Liên bang, i dĩ n cho m i sáu ti u bang (ti ng c là Bundesl nder) h p thành nhà n c CHLB c. H i ng Liên bang có i dĩ n c at ng bang, nh ng ng i này ch u trách nhi m b phi u thay m t chính quy n các bang. M c dù Qu c h i Liên bang theo mô hình qu c h i b t bi n và theo nhi m k , thì H i ng Liên bang ch h p khi c n thông qua các lu t nh, th ng liên quan n ngân sách ho c các m i long i có nh h ng n các bang. Qu c h i Liên bang là c quan i dĩ n c p liên bang duy nh t c c công dân c b u tr c ti p theo m t c ch b u c h n h p, v i m t n a s thành viên c b u thông qua t l i dĩ n (thành viên ca các ng) và m t n a còn l i c b u thông qua u phi u a s n (rst-past-the-post single ma ority) t i 299 khu v c b u c trên toàn n c c. Qu c h i Liên bang c thành l p vào n m 1949 khi B lu t c b n c a c (tên g i c a Hi n pháp c) c thông qua, và ti p qu n vai trò ca "Reichstag", m t Qu c h i Liên bang trong l p pháp tr c ây.

C ng hòa Liên bang c ho t ng tuân theo B lu t c b n (là Hi n pháp c a n c C ng hòa) và y quy n cho Qu c h i Liên bang c là c quan i dĩ n cao nh t c a m t n c c dân ch . Chính c ch Qu c h i Liên bang ã t o nên m t chính quy n th c thi các v n theo quy nh pháp lu t n u c a s ch p thu n. Chính ph do Qu c h i Liên bang b u ra và

phi c a s phi u thông qua, th ng c g i là "s tín nhi m" c a Qu c h i Liên bang. V i a s phi u trên, chính ph c thành l p và n m quy n l c trong su t nhi m k b u c . Do h th ng b u c h n h p c a Qu c h i Liên bang c, các chính ph th ng c n phi liên k t v i hai ho c nhi u ng phái chính tr , vì không ng nào có kh n ng giành c a s phi u trong các cu c b u c .

Ngoài ra, Qu c h i Liên bang còn có nhi m v giám sát và và cân i nh ng công vi c do chính ph và các c quan hành pháp th c hi n. Ngoài vai trò chính là quy t nh các v n l p pháp, Qu c h i Liên bang còn phê duy t ngân sách c p trung ng, b nhi m các th m phán cho Tòa án Hi n pháp, giám sát chính ph và b u ra T ng th ng Liên bang.

Đại dịch COVID-19

Đại dịch COVID-19 tại CHLB Đức

Ca nhi m COVID -19 u tiên t i c c ghi nh n vào cu i tháng 1/2020. Ngày 13 tháng 3 2020, qu c gia này b c vào t giãn cách u tiên v i vi c óng c a nhà máy, c a hàng, tr ng h c và nhà tr trên toàn qu c. Th i k này, vi c i u hành và ch o do m t c quan liên chính ph g m Th t ng c Angela Merkel và Th hi n c a 16 ti u bang m trách, i u này c ng ph n ánh tính ch t liên bang c a CHLB c trong vi c ng phó v i i d ch. Khuôn kh pháp lý qu n lý i d ch là o lu t phòng ch ng

b nh truy n nhi m (Infektionsschutzgesetz, IfSG), c ban hành l n u vào n m 2000. D a trên o lu t này, vào tháng 3/2020 c ã xây d ng xong k ho ch ch ng d ch qu c gia¹. Trung tu n tháng 4/2021, c ã ch ng ki n s ca t vong cao nh t trong n m 2020 c ghinh n là 510 ca m i ngày. So v i nh ng n i khác trên th gi i, c c ng không tránh kh i s lây nhi m các bi n th c a coronavirus và s bùng phát c a virus. Cu i tháng 1/2021, s ca t vong do COVID-19 t i c ã cao nh t k t u d ch n nay, ghi nh n v i t ng s 1.734 ca t vong. Tính n ngày 21/10/2021, c ã có h n 4,4 tri u ca nhi m và t l t vong là 2,5%, nâng t ng s ng i ã t vong do i d ch này lên h n 94.000 ng i.² Thêm vào ó, g n 4 tri u ng i nhi m COVID-19 t i c ã kh i b nh.³

Phản ứng của Nghị viện Đức trước đại dịch

Vi c bùng phát và tàn phá sau ó c a i d ch COVID-19 ã t toàn th gi i vào tình tr ng ho ng lo n ch a t ng có. Tuy CHLB c không tránh kh i thi t h i n ng n c v kinh t l n m t mát v con ng i, ph n ng chính sách c a qu c gia này c ca ng i là m t trong nh ng chi n thu t ch ng và kiên c ng gi a vô s ch ng trình qu c t c tri n khai ch ng d ch. Thành công c a n c c trong vi c n nh t n c tr c nh ng

tác ng tiêu c c mà t t c các n c khác u tr i qua, có th nói là nh vào tính ch t nhanh chóng, ch ng c a chính ph Liên bang và c b n là ho t ng c a Qu c h i Liên bang k t h p v i kh n ng thích ng m nh m t vi c u t dài h n vào c s h t ng y t ho t ng có hi u qu .

Khi i d ch ti p t c càn quét châu Âu, CHLB c b t u áp d ng phong t a và óng c a biên gi i. T gi a tháng 3/2020, vi c di chuy n qu c t b h n ch do biên gi i v i Áo, Pháp, an M ch, Th y S và Luxembourg b óng c a. Tr c ó m t th i gian ng n, t t c các tr ng h c và nhà tr c ng óng c a và vi c h c t p b ình hoãn cho n khi có thông báo m i.

b o v nh ng nhóm dân c d b t n th ng nh ng i già, các vi n d ng lão b t u c m ng i n th m, trong khi toàn b ng i dân c ph i tránh ti p xúc thân th v i t hai ng i tr lên khu v c bên ngoài không gian h gia ình c a cá nhân. H n n a, l nh gi i nghiêm áp t cho t t c m i ng i, h n ch di chuy n vào nh ng khung gi nh t nh trong ngày, thêm vào ó là khuy n cáo cách ly t p trung và t cách ly t i nhà trong tr ng h p nghi nhi m COVID-19. Vi c eo kh u trang tr thành b t bu c vào tháng 3/2020, tháng 12/2020 chính ph CHLB c b t bu c m i ng i ch c phép eo lo i kh u trang FFP2 ho c kh u trang y t trên các ph ng

1. Thông tin xem thêm tại: https://www.rki.de/DE/Content/InfAZ/N/Neuartiges_Coronavirus/Ergaenzung_Pandemieplan_Covid.pdf?__blob=publicationFile (tiếng Đức).

2. <https://news.google.com/covid19/map?hl=en-US&mid=%2Fm%2F0345h&gl=US&ceid=US%3Aen>

3. https://www.rki.de/DE/Content/InfAZ/N/Neuartiges_Coronavirus/Situationsberichte/Okt_2021/2021-10-21-en.pdf?__blob=publicationFile

ti n giao thông công c ng, trong siêu th và các c s bán l khác.

B tch p n i s h i và ho ngs do i d ch gây ra trên kh p th gi i, chính quy n CHLB c v n ti p t c ho t ng kh n tr ng và hi u qu , a ra các quy nh và h tr ng i dân và các qu c gia láng gi ng, trong khi ó v n áp d ng các bi n pháp an toàn phòng d ch COVID-19. Qu c h i Liên bang chuy n sang hình th c h p tr c tuy n hoàn toàn nh m m b o ti n trình s a i các quy nh m i có liên quan n i d ch không b ng t quăng, c ng nh phòng s phát tán c a vi-rút trong quá trình làm vi c. Nh m thích ng v i b i c nh i d ch và các yêu c u giãn cách xã h i, n i quy k h p Qu c h i Liên bang ã s a i i u 126a, ch o “Áp d ng b t th ng n i quy k h p nh m ng phó v i các h n ch chung do d ch COVID-19 gây ra”. i l i, trong khi n i quy k h p theo truy n th ng yêu c u m t s l ng t i thi u i bi u tham gia, thì i u 126a ã c s a i, xác nh s l ng i bi u t i thi u là khi có h n m t Ngh s Liên bang ang có m t t i phòng h p Qu c h i. T ng t , quy nh v s l ng i bi u t i thi u t i các phiên h p c a y banc ng c thay i nh m xác nh s i bi u t i thi u có m t n u có h n m t ph n t s thành viên y ban có kh n ng tham gia vào các cu c th o lu n, ho c tr c ti p ho c thông qua ph ng ti n i n t . Nh m t ng c ng hi u qu các phiên

h p c a y ban, c s y quy n c a Ch nhi m, các y ban t ch c kêu g i b phi u và ra quy t nh bên ngoài các phòng h p truy n th ng tr c kia, tuân th các quy nh v giãn cách xã h i. Nó i kèm v i vi c s d ng các ph ng ti n liên l c i n t b phi u và thông qua quy t nh. Tuân th cam k t c a Qu c h i Liên bang v vi c công khai t t c các phiên h p, công chúng và ng i dân c c p quy n truy c p, nh ng ch c phép truy c p vào các cu c th o lu n chính th c thông qua ph ng ti n truy n thông i n t .

Cùng v i vi c th c hi n các bi n pháp phong t a, ngày 25/3, chính quy n Liên bang cùng Qu c h i Liên bang ti p t c thông qua các ch ng trình gi i c u n n kinh t c ng nh thông qua quy nh m i nh m b o v ng i dân c trong phòng ch ng d ch b nh. Quy nh này m r ng quy n và th m quy n cho B Yt Liên bang.

Khi s ca nhi m COVID-19 t i c b t u có s i chi u, Nhà n c Liên bang và các ti u bang h p tác v i nhau trong m t chi n l c h u COVID, bao g m phê duy t và tri n khai ng d ng theo dõi k thu t s m i sàng l c, truy v t các ca nhi m COVID-19 t th n. Thêm vào ó, liên quan n vi n tr kinh t , Th t ng c ph i h p v i T ng th ng Pháp Emmanuel Macron cam k t tài tr 500 t euro cho k ho ch gi i c u, cho phép ph ch i n kinh t châu Âu.

Khi i d ch COVID-19 b c sang n m th ba và v n ti p t c thách th c nhân lo i v i các bi nth m i, chính ph Liên bang c ã xu t ngành công nghi p ch tr kinh t cho ngành d c trong vi c phân ph iv cxin hi u qu và an toàn. Các nv s nxu t công nghi p nh các nhà máy ã i u ch nh ho t ngs nxu t c a h m r ng danh m c s nxu tho ct p trung t c các ngu n l c vào s nxu t và phân ph i kh u trang, thi t b phòng thí nghi m và máy th .

ti pt c duy trì danh ti ng v h th ng ch m sóc s c kh e CHLB c có kh n ng thích ng m nh m và ut lâu dài, ngành d ch v ch m sóc s c kh e CHLB c ã ng phó v i cu c kh ng ho ng do i d ch gây ra b ng cách t ng s gi ng ch m sóc c bi t ICU c a các b nh vi n t 28.000 lên 40.000 v i 30.000 gi ng trong s ó c trang b m i hoàn toàn v i máy th . Ngành công nghi p y t CHLB c ã t ng c ng h p tác v i kh i công ngh k thu t phát tri n và cung c p m t n n t ng k thu t s có th i u ph i và thông báo cho ng i dùng v tình tr ng gi ng tr ng c a các b nh vi n trên toàn qu c. Cu i cùng, h th ng ch m sóc s c kh e c a CHLB c ã m r ngs h tr v tra kh i ph m vi lãnh th b ng cách ti p nh n b nh nhân c a các n c láng gi ng trong n l c gi m b t tình tr ng quát i b nh vi n.

Phản ứng đa tầng của CHLB Đức đối với đại dịch

Là m th th ng liên bang, chính quy n

c phân chia quy n l c gi a các c quan nhà n c c p liên bang và c p ti u bang. Trong khi Qu c h i Liên bang c (Bundestag) và H i ng Liên bang c (Bundesrat) ch u trách nhi m l p quát và ra quy t nh c p liên bang, các v n liên quan n qu n lý nhà n c s do các c quan thu c ti u bang (tên ti ng c L nder) m trách.

i d ch COVID-19 không ch gây ra nhi u v n trên ph ng di n kinh t hays c kh e mà nó còn kh i mào cho các cu c tranh lu n v th ch chính tr c a h th ng liên bang c. áng l vi c qu n lý phòng ch ng d ch b nh thu c nhi m v c a chính quy n ti u bang, thì chính quy n liên bang ph i v a h p tác v a ch p nh nh ng bi n pháp c a chính quy n ti u bang arav i mong mu n phòng ch ng d ch. Vi c vi-rút COVID-19 lây nhi m v it c nhanh òi h im ic p chính quy n không ch h p tác v i nhau, mà còn ph i nhanh, không ch m tr . Do v y, Qu c h i Liên bang c ã d th o và thông qua o lu t Phòng ch ng b nh truy n nhi m vào ngày 25/3/2021 cho phép B tr ng Y t Liên bang thêm nhi u quy n quy t nh h n trong i d ch. M c dù v y, v n có ng i cho r ng, s l n át c a các c quan hành pháp, ãylà s i u hành gi a Th t ng Merkel và 16 Th hi n bang trong su t 16 tháng uc a i d ch, khi n vai trò c a Qu c h i Liên bang v it cách là c quang iám sát, ki m tra b h n ch . Trong khi Qu c h i Liên bang thông qua m t lo t quy t nh c a Th t ng Merkel và

ng nghị p, chúng th ng c quy t nh v i hi u l ctr v tr c (h it), th ngr tít ho cg nnh không có tranh lu n, do ó, tác ng ángk n vai trò c a Qu ch iv ivai trò là c quan th m tra lu t, ch n l c và th o lu nv các quy t nh c xu t lên.

Vi c tiêm ch ng v c xin ng a COVID-19 t i CHLB c ct ch c phù h p v i h th ng liên bang c a t n c. Trong khi chính ph liên bang t mua v c xin t EU và th o lu nv vi c t hàng b sung v c xin riêng cho CHLB c, các ti u bang vn có th mua thêm v c xin và ch u trách nhi m phân ph i và tiêm ch ng cho ng i dân. 16 ti u bang áp d ng nhi u chi n l c khác nhau nh m phân ph i v c xin hi u qu nh t, trong ó bang Bavaria đ n u thông qua vi cs đ ng các trung tâm c ng ng và bác s gia ình. T i 16 ti u bang có s khác bi t ángk v t l tiêm v c xin, trong ó đ n u là Bremen và Saarland, trong khi các bang ông ct t l i phía sau. i u này có liên quan n s do đ v v c xin khu v c ông c và c s h t ng y t y u kém h n nh ng khu v c ch y u là nông thôn. Trong t ng lai, Chính ph CHLB c có k ho ch phân ph i v c xin COVID-19 theo l ch trình th ng quy t ng t nh các l ch tiêm ch ng thông th ng khác t i c. G n ây nh t, STIKO ã khuy n ngh ch ng ng a COVID-19 cho tr em t 12 tu i tr lên, và s c Chính ph liên bang và các ti u bang th c hi n

t cu i h e 2021. Ngoài ra, vào cu i tháng 9/2021, STIKO ã khuy n ngh nh ng ng i có h mi n d ch y u, đ g p nguy c b nh n ng khi m c COVID-19 nên tiêm thêm li u v c-xin th ba.

Việc phân phối vắc xin tại Đức

Trong khi th gi i ti p t c cu c chi n ch ng l i tác ng tiêu c c c a i d ch, vi c phân ph i v c xin ng a COVID-19 tr thành u tiên hàng u. B Y t CHLB c h p tác v i Vi n Robert Koch (m t vi n nghiên c u liên bang chuyên v d ch b nh truy n nhi m), Vi n Paul Ehrlich (m t vi n c p liên bang giám sát toàn b các ch ng trình tiêm chng ca CHLB c) và Trung tâm Giáo dc y t Liên bang xây đ ng m t ch ng trình tri n khai v c xin hi u qu . Nh m ánh giá các lo i v c xin ã c th nghi m, chính quy n c ch p nh n các lo i v c xin mà EU ã phê duy t, bao g m P er/BioNTech, Moderna, Oxford/AstraZeneca và anssen (ohnson ohnson).⁴ Thêm vào ó, chính quy n liên bang tr thành công c trong vi c mua s m và s nxu tv cxin r ngrãi. V i g n 68 tri u li u v c xin c phân ph i vào cu i h e n m 2021, CHLB c ã thành công trong vi c t c m c tiêu ban u là phân ph i hi u qu v c xin. Khi vi c tiêm ch ng ti p t c, Qu ch i CHLB c ã ti n hành so n th o quy nh v vi c tiêm nh c l i các mi v c xin ng a COVID-19 c n thi t.⁵

4. <https://covid19.trackvaccines.org/country/germany/>

5. https://www.bundesgesundheitsministerium.de/fileadmin/Dateien/3_Downloads/C/Coronavirus/Impfstoff/National_COVID-19_Vaccination_Strategy_June_2021.pdf

Nh h u h t các qu c gia thành viên EU khác, chính ph CHLB c ng h các th a thu n mua s m v c xin c a EU. Chính ph CHLB c cho r ng, cách ti p c n v c xin thông qua h p ng mua chung c a Liên minh s không ch cho phép ti p c n v i v c xin nhanh h n mà còn m b o vi c phân ph i công b ng h n trên kh p các qu c gia thành viên EU, và do ó ng n ch n “ch ng h a dân t c v c xin”. M c dù v y, i u này c ng không ng n c n Chính ph c u t và cung c p gói h tr b sung cho m t vài công ty c a c ang nghiên c u s n xu t v c xin, trong ó có BionTech và CureVac. Ngh vi n CHLB c v c n b n ng h chi n l c c a Chính ph liên bang, nh ng c ng th o l u n v kh n ng ti p c n các ngu n v c xin b sung, nh Sputnik V ca Nga, Sinovac và Sinopharm ca Trung Qu c. t ng này ban u cm tv à ti u bang trong s 16 ti u bang c a CHLB c theo u i, và Th hi n bang Mecklenburg-Vorpommern công khai xu t Chính ph mua vài tr m nghìn li u Sputnik V ngay sau khi v c xin này c C quan D c ph m châu Âu (EMA) ch p nh n. Tuy nhiên, khi v c xin Nga không c các nhà qu n lý châu Âu phê duy t, Chính ph các ti u bang ã t b ý nh mua v c xin riêng l và tuân th theo Chi n l c c a Chính ph liên bang và ca L iên minh Châu Âu.

Là m t thành viên tích c c và là u tàu ca EU, CHLB c tuân th các quy nh v v c xin COVID-19 nh ã trình bày trong

ph n v Liên minh châu Âu. Tuân th các khuy n ng h c a EU và EMA, CHLB c ch p nh n và phân ph i b n lo i v c xin chính c th y EU. Trong n l c cung c p các lo i v c xin an toàn và hi u qu nh t cho ng i dân c a mình, c c ng nh EU r t chú ý vi c m b o nh n và nh n s m các lo i v c xin m i nh t. Vi c phát tri n và phân ph i v c xin c a CHLB c ã c thi t k theo các giai o n nh sau:

1. Giai o n th m dò nh m xác nh các ng viên có m c u tiên cao nh t,
2. Giai o n ti n lâm sàng c phát tri n và s n xu t b i các h ãng d c có y quy n và có uy tín nh m xác nh các nhóm i t ng i u ki n tiêm ch ng an toàn,
3. Giai o n th nghi m lâm sàng 1 u tiên s dung n p thu c và an toàn làm m c tiêu chính,
4. Giai o n th nghi m lâm sàng 2 xác nh li u l ng nh m t i u hóa hi u qu ,
5. Giai o n th nghi m lâm sàng 3 chú tr ng nh tv ào b ng ch ng th nghi m v hi u qu và tính an toàn c a v c xin
6. Và giai o n cu i cùng phê duy t gi y phép ti p th .

Nh ã c p trên, CHLB c tuân th s ch d nc a C quan D c ph m Châu Âu (EMA) trong vi c phê duy t và ki m tra an toàn v c xin. Tuy nhiên, y ban Tiêm ch ng th ng tr c (STIKO) c ng nh y ban Tiêm chng ca Vi n Robert Koch óng vai trò

li u th ba cho nhóm d b t n th ng nh khuynh ngh c a EMA và sau ó c STIKO ca c áp d ng. Ngoài ra, Nhóm chuyên trách v s n xu t v c xin liên ngành c a Chính ph CHLB c h p tác v i Liên minh châu Âu trong khuôn kh d án V n m HERA mua và phân ph i v c xin cho ng i dân c. CHLB c c ng tham gia Sáng ki n v c xin c a y ban châu Âu c nh n v c xin thông qua c ch mua s m chung c a EU là các th a thu n s b mua tr c v i các nhà s n xu t. Thông qua t ng ngân sách cho EU qu n lý i d ch và chính sách y t , CHLB c ã h tr EU có nh ng ph n ng m nh m h n i u v i cu c kh ng ho ng và ng th i nâng cao n ng l c cho EU trong l nh v c này, ng th i h tr chok ho ch ph ch i kinh t c a EU. C EUI n CHLB c s ph i qu n lý d ch b nh và ti p t c theo dõi vi rút, các bi n ch ng m i và nh ng yêu c u i v i các lo i v c xin b sung trong t ng lai và i phó v i s suy thoái kinh t do i d ch gây ra. Ch ng trình NGEU c a Liên minh châu Âu, cng nh nhi u gói kích c u ca chính ph c s m ng cho các kho n ut trong t ng lai vào công ngh y t , n ng l ng xanh và i m i sáng t o. M c dù cu c s ng ã tr l i bình th ng trên kh p t n c c và EU, ch a ch c ã kh c ph c c ngay h u qu i d ch trong nh ng tháng t i - ch c ch n nh ng tác ng kinh t c ng nh thi th i v nhân m ng do i d ch s m t nhi u th i gian phc h i. T i CHLB c, cu c b u c vào

tháng 9/2021 s l p ra m t chính ph m i, và bà Angela Merkel không còn t i v sau 16 n m gi tr ng trách Th t ng Liên bang. nhi u khía c nh, Covid không ch là m t v n s c kh e hay kinh t mà còn là v n chính sách, khi các qu c gia trên kh p châu Âu và th gi i ang ph i v t l n v t qua tình tr ng kh n c p tr c ây và quay tr l i v i các quy trình ra quy t sách trong i u ki n bình th ng c .

Các chỉ trích về chính sách phân phối vắc xin của CHLB Đức và Liên minh châu Âu

M c dù CHLB c và châu Âu hi n nay có t l tiêm v c-xin cao nh t th gi i, v n còn nh ng l i ch trích liên t c i v i chi n l c c ac c l n EU. Ch trích bao g m vi c ký Th a thu n s b t mua v c xin v i nhi u công ty, có ngh a là khi v c xin c phát tri n thành công và xu t x ng, EU và các n c thành viên không ph i là i tác th ng m i u tiên, mà ph i i cho n khi s n xu t s l ng v c xin cho nh ng n hàng l n này. Thêm vào ó, vi c phân ph i v c xin ã ch ng minh EU và các qu c gia thành viên, trong ó có CHLB c ph thu c nh th nào vào n ng l c s n xu t bên ngoài lãnh th EU. Trong khi m t s lo i v c xin, c bi t là v c xin c a hãng AstraZeneca và BionTech-P er c s n xu t t i EU, nhi u lo i khác c s n xu t bên ngoài lãnh th EU, do v y trong giai o n u tri n khai ch ng trình v c xin, EU và c ph thu c vào vi c

cung cấp và xin từ các quốc gia khác. Đã thấy, một số quốc gia như Việt Nam, Anh hay Hoa Kỳ thì ngừng các nhà sản xuất xuất khẩu vaccine xin hay hạn chế đáng kể việc xuất khẩu, do đó góp phần làm quá trình này chậm trễ hơn.

Kết luận

Thật sự đã thay đổi đáng kể kể từ ngày phát hiện ra ca nhiễm COVID-19 đầu tiên tại Trung Quốc. Và mặc dù CHLB Đức cũng phải hứng chịu thiệt hại lớn về nhân mạng, các khoản tiền, hoạt động thương mại bị đình trệ hoàn toàn, nhưng nhờ có hợp tác liên bang chặt chẽ và mạnh mẽ đã cho phép quốc gia này triển khai các k

hoạch phục hồi kinh tế và tiêm chủng ngừa vi-rút Corona. Điều này cũng khi CHLB Đức trở thành một ví dụ tốt trong quản lý khủng hoảng. Dưới sự lãnh đạo của Quốc hội Liên bang, các cấp chính quyền từ liên bang tới địa phương đã ban bố và áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giám sát nghiêm, giãn cách xã hội cùng các biện pháp khác nhằm ngăn chặn sự lây lan ban đầu của COVID-19. Trong khi dịch bệnh vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt, Quốc hội Liên bang và các cấp chính quyền cùng với EU, đã nhanh chóng hành động thông qua và thực thi pháp luật nhằm ngăn chặn việc tiêm chủng và phục hồi kinh tế.

GERMANY'S RESPONSE TO COVID-19 AND THE ROLE OF GERMAN PARLIAMENT(S) IN THE PANDEMIC MANAGEMENT

University of Fribourg and Hanns Seidel Foundation Office Vietnam

Regarded as one of the stronger governments not only in the European Union (EU) but also throughout the world, Germany and its governmental structure poses potentially advantageous examples of how to deal with a myriad of issues and affairs on local, national and international levels. As the COVID-19 crisis enters its third year dominating world affairs, Germany's initial and ongoing responses to handle and combat the pandemic while protecting its citizens can offer insight into both the successes and failures in the handling of a global crisis. This paper begins with an overview of Germany's uniquely federal system that has allowed it to maintain its status as a world power in the midst of disasters that deal with subjects like economics, public health or global warming. The paper then reviews the global COVID-19 pandemic, eventually

focusing on Germany's unique experience with the pandemic itself. Finally, these overviews merge together to explain and outline both the accomplishments and failures of Germany's and the German Parliament's overall management of the COVID-19 pandemic and subsequent vaccination distribution.

German Parliament

The Bundestag - the National Parliament of the Federal Republic of Germany

Germany's federal nature is carried out through a parliamentary system made up of two bodies: the Bundestag and the Bundesrat. The German Federal Parliament or "Bundestag" is the primary legislative body, designating its responsibilities to affairs dealing with federal decision making and law implementation. Meanwhile, the Bundesrat functions as a second chamber and co-legislator to the Bundestag,

speaking for Germany's sixteen constituent states known as Bundesländer. Each Land sends representatives to the Bundesrat, who are responsible for voting on behalf of the Länder government. While the Bundestag is a permanent and perpetual parliament, the Bundesrat only sits when it needs to approve legislation, generally comprising issues of budgetary affairs or concerns that affect the Länder. The Bundestag is the only federal institution in the country that is directly elected by German citizens in a mixed system vote, with half the members elected through proportional representation (party lists) and half the members elected through first-past-the-post single majority voting in 299 electoral districts across Germany. It was established in 1949 when Germany's Basic Law (the name for the German Constitution) was adopted, taking over the role of the previous lower house of legislature known as the "Reichstag".

The Federal Republic of Germany operates under the Basic Law, the Republic's Constitution, which authorises the German Bundestag as Germany's representative democracy's central body. The very makeup of the Bundestag forms a governmental body that enables matters undergoing legislation to gain approval through a majority authority of this body. The government is elected by the Bundestag and requires an internal

majority often referred to as "confidence" of the Bundestag. This majority permits the government to assume office and retain authority for an entire electoral term. As a result of the German Bundestag's mixed electoral system, governments usually require coalitions of two or more political parties, as no individual party is likely to gain an overall majority in the elections.

The Bundestag's role further extends into providing the checks and balances of work performed by both the government and other executive bodies. In addition to its primary role of legislative decision-making, the Bundestag also approves the national budget, appoints judges to the Constitutional Court, controls the government and is involved in the election of the Federal President.

The COVID-19 Pandemic

COVID-19 in Germany

Germany's first case of COVID-19 was reported in Germany by the end of January 2020. By 13 March 2020, the country entered its first lockdown with business, school and kindergarten closures across the country. The period was managed mainly by an intergovernmental body of the German federal Chancellor Angela Merkel and the 16 Minister Presidents of the German Länder, thereby reflecting Germany's federal nature also in the response to the pandemic. The main

framework for the pandemic management used was the Infection Protection Act (Infektionsschutzgesetz, IfSG), which was initially enacted in 2000. Based on this law, a national pandemic plan was developed in March 2020.¹ By mid-April 2020, Germany had seen its greatest number of deaths per day in 2020 with 510 new deaths reported. Comparable to the rest of the world, Germany was not immune to the coronavirus mutant variants and virus resurgences. By the end of January 2021, Germany saw its greatest number of reported deaths from COVID-19 thus far in the pandemic with a total number 1,734 deaths recorded. As of 21 October 2021, Germany has had more than 4.4 million confirmed cases of Covid-19, and a case fatality rate of 2.5% bringing the total number people who have died as a result of the disease to more than 94,000.² Additionally, Germany has seen almost 4 million recoveries.³

German Parliament's Response to Pandemic

The onset and ensuing devastation from the COVID-19 pandemic imposed unprecedented times across the world. And while Germany was not immune to the devastation, both economically and as a result of loss of life, its response has

been lauded as one of the more resilient and proactive tactics among the countless international plans implemented to combat the pandemic. Germany's success in stabilising its country against negative effects that other countries experienced can be credited to the quick, proactive nature of its Federal government and primarily the work of the Bundestag in conjunction with its strong capability of adapting of a long-term investment in sufficient health infrastructure.

As the pandemic continued to sweep throughout Europe, Germany began to lockdown restrictions and border closures. Starting in the middle of March 2020, international travel became restricted with borders to Austria, France, Denmark, Switzerland and Luxembourg closed. Shortly before that, all schools and kindergartens were shut down with academic terms postponed until further notice.

To protect vulnerable populations like the elderly, nursing homes began prohibiting visitors while across the country citizens were banned from having physical contact with more than one person outside that individual's household. Furthermore, curfews were enforced upon everyone,

1. See: https://www.rki.de/DE/Content/InfAZ/N/Neuartiges_Coronavirus/Ergaenzung_Pandemieplan_Covid.pdf?__blob=publicationFile (in German).

2. <https://news.google.com/covid19/map?hl=en-US&mid=%2Fm%2F0345h&gl=US&ceid=US%3Aen>

3. https://www.rki.de/DE/Content/InfAZ/N/Neuartiges_Coronavirus/Situationsberichte/Okt_2021/2021-10-21-en.pdf?__blob=publicationFile

restricting movement to only certain times during the day in addition to the call for quarantine and self-isolation in the event of suspected exposure to COVID-19. Mask-wearing became compulsory in March 2020, with the German government in December 2020 enforcing everyone to wear only FFP2 masks or other clinical, medical masks on public transport, in supermarkets and in other retail institutions.

Despite the pandemic-induced fear and panic that spread across the world, the German Federal Government continued to work quickly and efficiently, while employing COVID-19 safety measures, to deliver legislation and aid to its citizens and neighbours. The Bundestag shifted operations to a completely virtual platform to ensure the continual adoption of new legislation related to the pandemic while working to prevent the spread of the disease. In response to the pandemic and the need for social distancing measures, the Bundestag Rules of Procedure was amended under Rule 126a, which directs the “Extraordinary application of the Rules of Procedure in response to the general restrictions arising from Covid-19”. In contrast to original rules of procedure regarding quorum, Rule 126a was amended to identify a quorum when more than one of the Bundestag members are present in the Chamber. Likewise, changes regarding quorum requirements

in committee were also amended to determine a present quorum when more than a quarter of the committee members were capable of taking part in deliberations, either in person or through electronic communication media. To increase efficiency within committee meetings, committees were granted authorization of the chairperson to call for votes and make decisions outside of a traditional meeting in settings adhering to social distancing regulations. These circumstances also included the use of electronic communication media for voting and decision adoptions. Keeping in line with the Bundestag’s pledge to keep all meetings public, members of the public were granted access to formal deliberations through electronic transmission media only.

With the implementation of lockdown measures, the Federal Government continued to work with the Bundestag approving an economic rescue plan on 25 March as well as adopting new legislation that safeguarded against the German population in observance of an epidemic. This legislation allowed for greater power and authority for the Federal Ministry of Health.

As Germany began to see a shift in its number of COVID-19 cases, the Federal State and the Länder collaborated to work on a post-lockdown strategy that included

the approval and implementation of a new digital tracing application to allow for better COVID-19 screening. Furthermore, in regards to economic aid, the German Chancellor, in collaboration with French President Emmanuel Macron, pledged 500 billion euros to fund a rescue plan that would allow the European economy to recover.

As the COVID-19 pandemic enters its third year of existence and continues to impose challenges such as mutating variants, the German Federal government has activated the German industrial sector to economically support the pharmaceutical industry in pursuance of efficient and safe vaccine distribution. Further industrial institutions such as factories have adjusted their production to either include or focus all their resources on the creation and distribution of masks, lab equipment and artificial respirators.

In continuing the German healthcare system's reputation of strong capabilities in adaptation and durable investment, the German hospital trade sector responded to the pandemic crisis by increasing hospital intensive care beds from 28,000 to 40,000 with 30,000 of those being newly equipped with ventilators. The German health industry further collaborated with Industrial technology sectors to develop and distribute a digital platform

that coordinated and informed users of hospital space availability throughout the entire country. Finally, the German healthcare system extended its aid beyond its own country by taking in neighbouring countries patients in an effort to relieve hospital overcrowding.

Germany's Multilevel Response to Pandemic

As a federal system, the German government divides power between federal and state institutions. While federal legislation and decisions defer to the Bundestag and Bundesrat, state affairs are addressed via state bodies known as L nder.

The COVID-19 pandemic not only caused economic and health issues, but it also elicited debates regarding the political setup of Germany's federal system. Because the disease itself existed within the L nder competences, the federal government had to both cooperate and agree with the state governments in the types of protective measures they wished to enforce. COVID-19's rapid infection further required the different levels of government not only to work together but also to work very quickly. The Bundestag, therefore, drafted and adopted the Infection Protection Act on 25 March which empowered the Federal Health Minister to assert greater authority during epidemics. However, some say that

the dominance of the executive, i.e. the coordination between Chancellor Merkel and the 16 Minister Presidents of the Länder during the first 16 months of the pandemic, claiming the Bundestag's role as an overseeing and control body was limited by the federal dominance. While the Bundestag had to approve many decisions taken by Merkel and her colleagues, these were approved retrospectively, often with little or no debate, therefore, substantially impacting Parliament's role as a scrutiner of legislation and a body for the refinement and debate of proposed decisions.

Vaccine distribution in Germany is also organized in line with the country's federal system. While the federal government orders vaccines from the EU, and also discussed ordering additional vaccines separately, the German Länder can buy additional vaccines and are in charge of distribution and vaccination of the population. Across the 16 Länder, there have been different strategies on how to distribute vaccines most effectively, with Bavaria leading the way through its use of community centers and GP surgeries. Across the 16 Länder, there are substantial variations in terms of vaccine rates, with Bremen and the Saarland leading, while the East German Länder lag behind. This has to do with greater vaccine hesitancy in Eastern Germany, as well as a poorer health infrastructure in what are mainly

rural territories. Looking toward the future the German Federal government plans to distribute COVID-19 vaccinations in the same routine schedule as the normal German vaccination cycle. The STIKO has most recently recommended that children from 12 years and older should also be vaccinated against Covid-19, and the federal government and the Länder have started doing this as of late summer 2021. Also, in late September 2021, the Standing Committee on Vaccinations (STIKO) recommended that people with weak immune systems who are particularly at risk of severe illness when contracting Covid-19 should receive a third dose of the vaccine.

German Vaccine Distribution

As the world continues to fight against the effects of the pandemic, COVID-19 vaccination distribution has become a priority. The German Federal Ministry of Health has collaborated with the Robert Koch Institute (a federal Institute specialized in infectious diseases), the Paul Ehrlich Institute (a federal Institution overseeing all German vaccination programs) and the Federal Centre for Health Education to develop an efficient plan in the rollout of vaccine distribution. In review of the developed vaccines, the German government has accepted the same brands as those approved by the EU: Pfizer/BioNTech, Moderna, Oxford/AstraZeneca

and Anssen (Johnson Johnson).⁴ Furthermore, the federal government has been instrumental in widespread vaccine procurement and production. With almost 68 million vaccinations distributed by the end of summer 2021, Germany has succeeded in its initial goals of efficient distribution of vaccinations. As the vaccinations continue, the Bundestag has begun drafting legislation for distribution of the inevitable COVID-19 booster shots.⁵

In line with most other EU Member States, the German government supported the APAs of the EU. The Federal Government, led by Chancellor Angela Merkel argued that a common purchasing approach through the EU would not only allow quicker access to vaccines when they became available, but it would ensure a fairer distribution of vaccines across the EU's Member States and thereby prevent vaccine nationalism. However, this has not prevented the federal government from investing and providing additional support for several German companies working on vaccines, including BionTech and CureVac. Germany's federal parliament has mainly supported the federal government's strategy, but it has also discussed the possibility of accessing additional vaccines, including from Russia (Sputnik V) and from China (Sinovac and

Sinopharm). This idea was also initially pursued by some of Germany's 16 federal L nder governments, with the Minister President of Mecklenburg-Pommern openly suggesting that her government would buy several hundred-thousand doses of Sputnik V as soon as it would be accepted by the EMA. However, without the Russian vaccines approval by the European regulator, the L nder governments gave up on their pursuits of individual vaccines and followed in line with the federal government and the EU's Strategy.

As a strong and active member of the EU, Germany abides by many of similar COVID-19 vaccine mandates as seen in the EU. Germany, following EU and EMA recommendations, likewise accepts and distributes the four main vaccine brands seen in the EU. In an effort to supply the safest and most effective vaccines to its citizens, Germany, like the EU, has placed a great emphasis on securing the newest vaccines available as soon as they are able and in sufficient quantities. German vaccine development and distribution has been designed to occur in several phases:

1. The exploratory phase aims to identify the highest priority candidates.

2. The Pre-clinical phase identifies patients eligible for safe vaccines that have

4. <https://covid19.trackvaccines.org/country/germany/>

5. https://www.bundesgesundheitsministerium.de/fileadmin/Dateien/3_Downloads/C/Coronavirus/Impfstoff/National_COVID-19_Vaccination_Strategy_June_2021.pdf

been developed and manufactured by authorised and reputable brands.

3. Clinical Phase 1 places tolerance and safety as its key goals.

4. Clinical Phase 2 carries out efficient dose optimisation.

5. In Clinical Phase 3 vaccination proof of efficacy and safety is of the highest importance.

6. And the final phase approved marketing authorisation.

As mentioned above, Germany followed the lead of the European Medicines Agency (EMA) in the approval of vaccines and their safety checks. However, the Standing Committee on Vaccinations (STIKO) as well as the Robert Koch Institute's Commission on Vaccination played a key role in the development of an effective vaccine rollout. Both institutions are scientific bodies, which advise the government on pandemic management and control.

The schedule of German vaccination distribution is dependent on the recommendations from the Standing Committee on Vaccinations, which not only makes decisions in how to best apply vaccines to the German population, but also determines populations of particularly high risk and determines how best to roll out vaccinations while keeping the numbers of both death and virus

transmission low. Prioritisation of certain groups eligibility to vaccines is determined using the "infectiological epidemiological and ethical criteria" as defined by STIKO. Upon these recommendations, vaccination distribution is split into three prioritisation groups. German vaccination in specially designated test centres began on 27 December 2020. While the initial goal aimed to vaccinate the entire population as soon as vaccines were available, vaccine supplies have initially been limited, as a result of some of the supply issues with vaccines to the EU described above. To prevent the greatest loss of human life as timely as possible the Standing Committee on Vaccinations established the Coronavirus Vaccination Ordinance which worked to distribute vaccines starting with patients of highest priority. As of 7 June 2021, this ordinance was amended to remove the prioritisation mandate. By then, both the federal government and the STIKO agreed that the most vulnerable had been vaccinated (if they wished to receive the vaccine), and that enough vaccines were available for all German adults. Germany initially set a goal of vaccinating its entire population by the end of summer 2021, following the country's authorisation in May 2021 for citizens of all levels of priority to begin scheduling vaccine appointments. June 2021 also saw the approval of other vaccination centres such as workplaces and private medical practices. As of 11 October

2021, 64% of the German population has been fully vaccinated.

Moving Forward: Future Pandemic Management in Germany

Working Together: Cooperation between the EU and Germany to Fight a Global Pandemic

Germany's response to the global pandemic is strongly interlinked with the EU and its response to Covid-19, particularly in matters regarding the vaccine rollout. The EU used APAs to buy vaccines and then distribute it to its Member States, including Germany. Germany, on the other side, relies not only on the vaccines from the EU, but also follows EU guidance in areas such as the EU Digital COVID Certificate in its own national policies of pandemic management. Both are currently working together in order to ensure that the vaccine rollout across the EU, and globally continues. This also includes an assessment of new – next generation vaccines by the EMA, as well as vaccine rollout for children and third doses for the most vulnerable, which was first recommended by the EMA and then adopted by Germany's STIKO. Moreover, the German federal government's interdepartmental Vaccine Production Task Force collaborates with the EU, under the EU's HERA Incubator Plan, to procure vaccine doses and supplies to distribute to the people of Germany. Furthermore, Germany takes part in the Vaccine Initiative

from the European Commission to obtain COVID-19 vaccines through the common European procurement mechanism of advance purchase agreements with manufacturers. Germany has supported a stronger European response to the crisis and more competences for the EU in pandemic management and health policy, not least through an increase in the EU's budget in this area and through its support for the EU's economic recovery plan. Both the EU and Germany will not only have to manage Covid-19 and continue to monitor the virus, its mutations and the required need for additional future vaccines, but they will also have to cope with the economic fallout of the pandemic. The EU's NGEU plan, as well as numerous stimulus packages by the German government will pave the way for future investment in health technology, greener energy and more innovation. However, as life returns to normal across Germany and the EU, it remains to be seen if the fallout from the pandemic will be overcome in the months to come – certainly its economic effects, as well as the loss of life, will take a long time to come to terms with. In Germany, elections in September 2021 will bring to power a new government, as Angela Merkel did not stand anymore after 16 years as Federal Chancellor. In many respects, COVID-19 is not only a health and economic issue, but also a political one, with countries across Europe and the world struggling to

overcome previous emergency statuses and returning to normal decision-making practices.

Criticisms of Germany and the EU in vaccine distribution

While both Germany and Europe today have some of the highest vaccine rates across the globe, ongoing criticisms of both bodies' strategies remain. These include the use of APAs with multiple companies, which means that when vaccines first became available, the EU and its Member States were not a priority trading partner but had to wait until larger quantities of vaccines were produced. Moreover, the vaccine distribution in the EU has demonstrated how reliant the EU and its Member States including Germany are on production capacities outside of its borders. While some vaccines, especially the AstraZeneca and BionTech-Pfizer brands which are produced in the EU, many more are produced outside the Union, so in the early stages of the vaccine rollout, the EU and therefore Germany was dependent on vaccine delivery from other countries. However, countries such as the United Kingdom or the USA either prevented

vaccine manufacturers from any exports, or limited these exports substantially, thereby further contributing to the delay of the vaccine rollout in the EU and its Member States.

Conclusion

The world has dramatically changed since the first case of COVID-19 first emerged in China. And while Germany too suffered from loss of human life, economic debts and a complete cessation of everyday activities, the country's unique and strong federal system has allowed it to enforce plans for economic recovery and coronavirus vaccination that allows it to be a potential example in managing a crisis. Under the leadership of the Bundestag, federal and local levels of governments carried out and enforced lockdowns, curfews, social distancing among other measures to help stop the spread initially of COVID-19. While the disease continues to show no signs of slowing down, the Bundestag and federal and local governments, in cooperation with the EU, have quickly worked to adopt and enforce legislation to speed up vaccine distribution and economic recovery.

PH N NG CH NH SÁCH C AM TS N C CHÂU ÂU IV I ID CH COVID-19

Nguyễn Quốc Hải¹



(Ảnh minh họa, nguồn abcmundial.com)

Id ch Covid-19 ã có nh ng tác ng to l n i v i các n c châu Âu. ây là m t trong nh ng khu v c b nh h ng s m, có s ca m c và t vong nhi u nh t th gi i. Chính ph các n c này ã ph i áp d ng nh ng bi n pháp giãn cách xã h i nghiêm ng t khi n cho n n kinh t nhi u n c r i vào tình tr ng suy thoái n ng n khi h u h t ngành kinh t ph i óng c a, lao ng m t vi c làm. ng phó v i tình tr ng này, cùng v i chi n l c vaccine ã c y m nh t s m, Chính ph các n c châu Âu ã áp d ng ng th i nhi u bi n pháp v m t kinh t , xã h i nh m gi m thi u thi t h i. K t qu là, bao ph vaccine c a các n c châu Âu hi n nay vào lo i cao nh t th gi i. Nhi u n n kinh t ã có t ng tr ng khá trong các tháng u n m 2021. M ts n c ã m c a tr l i các ngành ã b óng c a trong n m 2020 và d n chuy n v tr ng thái bình th ng m i. Chính sách c a các Chính ph châu Âu t p trung vào 3 l nh v c chính: lao ng, an sinh xã h i, tài chính và chi n l c vaccine.

1. Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế, Đại học Liverpool, Vương quốc Anh

1. Chính sách về lao động-việc làm

Phản ứng của các nước châu Âu đã áp dụng chính sách trợ cấp cho các doanh nghiệp trong việc trả lương cho nhân viên bị nghỉ việc cho công việc làm do họ được hoãn cách xã hội. Mục đích chính của chính sách này nhằm hỗ trợ các công ty trong việc giải quyết việc làm trong ngành không cảm thấy ảnh hưởng trong ngành nông nghiệp như nhu cầu sử dụng trong trung và dài hạn, giúp giảm đáng kể số lượng nghỉ việc. Các nước Đức, Pháp, Tây Ban Nha và Italia đã có sẵn chính sách trợ cấp này và đã điều chỉnh mức trợ cấp nhằm phù hợp với bối cảnh của dịch Covid-19. Trong khi đó, Anh đã ban hành chính sách hỗ trợ nghỉ việc hoàn toàn miễn phí.

Tại Pháp, Chính phủ cho phép các doanh nghiệp coi Covid-19 như một sự kiện bất khả kháng để nhận được trợ cấp của Chính phủ. Doanh nghiệp có thể nộp đơn trong vòng 30 ngày kể từ khi phải ngừng làm việc. Đơn xin trợ cấp sẽ được coi là chính thức nếu người nộp đơn không có ý kiến của chính quyền trong vòng 2 ngày (quy định là 15 ngày). Thời gian áp dụng trợ cấp tăng thêm 6 tháng lên 12 tháng. Tổng cộng các lao động có hợp đồng ngắn hạn được 70% trợ cấp, tương đương 6340 Euro. Lao động hợp đồng ngắn hạn có thể được hưởng 100% lương. Tổng cộng các khoản trợ cấp do việc ngừng làm việc do ngân sách Chính phủ chi trả.

Tại Đức, Chính phủ đã có điều chỉnh về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do

giảm việc làm (Kurzarbeit). Từ tháng 3/2020, chính sách trợ cấp nghỉ việc của doanh nghiệp phải giảm việc làm (chính sách là 30% số lao động), doanh nghiệp có thể gửi đơn xin Chính phủ hỗ trợ. Chính phủ cũng tăng mức trợ cấp từ 60% lên 80% trợ cấp lương cho người lao động bị ngừng việc (87% chi phí nuôi con). Mục tiêu của trợ cấp là 6700 Euro.

Chính phủ Italia mở rộng phạm vi của chính sách trợ cấp cho doanh nghiệp trong tất cả các lĩnh vực. Công ty có thể tuyên bố về việc chuyển hướng của mình để đối phó Covid-19 mà không cần trả lương cho nhân viên. Chính phủ sẽ trợ cấp 80% trợ cấp lương, tối đa 998 Euro chi phí lương không quá 2159 Euro và tối đa 1199 Euro chi phí lương trên 2159 Euro. Tuy nhiên, chính phủ Tây Ban Nha cũng mở rộng phạm vi các doanh nghiệp được hưởng chính sách trợ cấp lương cho người lao động tạm thời nghỉ việc. Người lao động bị ngừng việc sẽ được hưởng 70% lương, tối đa 1412 Euro.

Vào tháng 3/2020, Chính phủ Anh đã ban hành Chính sách trợ cấp việc làm do họ bị ảnh hưởng bởi Corona virus. Theo đó, Chính phủ sẽ trợ cấp 80% lương (tối đa 2500 Bảng Anh) của người lao động bị tạm ngừng việc. Tính đến tháng 6/2021, hơn 11,3 triệu người lao động đã được trợ cấp của chính sách. Tổng cộng trợ cấp của Chính phủ Anh là 65,9 tỷ Bảng Anh.

Chính sách hỗ trợ lương cho người lao động của các Chính phủ châu Âu giúp hỗ trợ

th t nghi p các n c này gi m c n nh trong n m 2020 và 2021. Tuy nhiên, nh c i mc a chính sách này là làm t ng thâm ht ca ngân sách các n c do chi phí r t l n. Anh, t ng chi c a Chính ph cho chính sách này tính n tháng 7 n m 2021 ã lên t i 67.4 t B ng Anh. T i c là 35 t Euro, t i Pháp là 30.8 t Euro.

Ngoài ra, các n c châu Âu c ng ban hành nhi u chính sách khác v m t lao ng và an sinh xã h i h n ch nh h ng c a d ch Covid.

Chính ph Italia ban hành l nh c m sa th i ng i lao ng i v i các ngành c Chính ph tr c p do nh h ng c a Covid-19, gi m b t i u ki n c h ng tr c p th t nghi p, tr c p cho doanh nghi p ph n óng góp vào qu b o hi m xã h i i v i ng i lao ng d i 36 tu i, ph n d i 50 tu i ã b th t nghi p ít nh t 12 tháng. Các gia ình ho c cá nhân có thu nh p d i 15000 Euro/n m có th nh n c t i n tr c p t 400 Euro n 800 Euro/tháng. M t s i t ng khác c ng c Chính ph h tr tr c t i p b ng ti n m t nh lao ng th i v , kinh doanh cá th , ng i giúp vi c.

Chính ph Tây Ban Nha tr c p cho các cá nhân kinh doanh cá th 661 Euro/tháng trong tr ng h p ph i nghi vi c ho c thu nh p b gi m trên 75% so v i bình quân quý tr c ó, gia h n th i gian óng b o hi m xã h i, c m sa th i ng i lao ng vì d ch Covid-19, tr c p 430 Euro/tháng cho lao ng th i v b m t vi c.

Chính ph c tr c p 5000 Euro l l n cho cá nhân kinh doanh cá th , tr c p 300 Euro/tháng cho ng i ang nuôi con, h tr ph n óng góp vào qu b o hi m xã h i cho các doanh nghi p g p khó kh n do Covid-19.

Chính ph Anh cho phép ng i lao ng c h ng ti n ngh m t ngày ngh u tiên (tr c ó là ngày th t) và t ng thêm 20 b ng vào t ng s tr c p hàng tháng.

2. Chính sách tài chính - tiền tệ

T i Pháp, các công ty và h kinh doanh cá th c phép trì hoãn vi c thanh toán các kho n phí an sinh xã h i và tài chính. Vào tháng 5/2020, k ho ch h tr trung h n th hai ã c thông qua v i m c tiêu duy trì n ng l c s n xu t. Các kho n vay do Nhà n c b o lãnh c ban hành h tr các ngành kinh t chi n l c c bi t ch u nh h ng c a giãn cách xã h i nh hàng không, ch t o ph ng ti n, nhà máy r u, du l ch, v n hóa, v i m c tiêu t m c t ng tr ng d ng vào cu i n m 2022. Vào tháng 9/2020, m t k ho ch chi n l c dài h n h n ph c h i kinh t (France Relance) ã c công b v i gói tài chính tr giá 100 t Euro, nh m h tr các d án i m i chuy n i sinh thái, công ngh xanh, c i thi n n ng su t.

Chính ph Italia mi n, gi m nhi u kho n thu cho các doanh nghi p, v i t ng giá tr kho ng 2 t Euro: mi n thu b t ng s n n m 2020 cho các doanh nghi p du l ch, gi i trí, i n nh. Chính ph

c ng gia h n óng thu n n m 2022 i v i các doanh nghi p v a và nh (t ng doanh thu d i 50 tri u Euro) có doanh thu gi m t 33% so v i cùng kì n m 2019. Doanh nghi p có t ng doanh thu trên 50 tri u Euro s c gia h n óng thu n u doanh thu gi m trên 50%. i v i h kinh doanh cá th có doanh thu d i 400,000 Euro/n m c ng s c giã h n óng thu . Ngoài ra, Italia c ng tr c p b ng tỉ n tr c ti p cho các doanh nghi p b gi m doanh thu do COVID-19 nh : tr c p t 20% n 60% doanh thu b gi m i v i doanh nghi p có doanh thu t 100,000 Euro n 10 tri u Euro. Các doanh nghi p ph i thay i môi tr ng làm vi c phù h p v i các quy nh m i v phòng b nh COVID-19 c ng c tr c p t i a 80,000 Euro. Chính ph c ng có kho n h tr tr c ti p cho các doanh nghi p b nh h ng n ng nh t nh các ngành v n hóa và du l ch. M c h tr t i a 1000 Euro cho cá nhân và 2000 Euro cho doanh nghi p. kích thích các ngành này, Chính ph c ng t ng voucher tr giá 500 Euro cho các h gia ình có thu nh p d i 40,000 Euro/ n m s d ng các d ch v khách s n, du l ch.

Chính ph Tây Ban Nha có chính sách giã n p thu trong 6 tháng i v i t c các doanh nghi p, ng th i ban hành gói h tr tr giá 400 tri u Euro cho các doanh nghi p b nh h ng n ng b i d ch COVID-19 trong các ngành du l ch, v n t i, nhà hàng, khách s n. Thu thu nh p cá nhân c gi m 20% (i v i l nh v c du

l ch c gi m 35%).

Chính ph c tr c p cho các doanh nghi p kho n doanh thu b gi m khi th c hi n giã cách xã h i. Doanh nghi p ít h n 50 nhân viên s c tr c p 75% doanh thu (so v i tháng 11/2019). Doanh nghi p nhi u nhân viên h n s c tr c p 70% doanh thu. Doanh nghi p có ít h n 10 nhân viên s c ti p c n các kho n vay do ngân hàng Nhà n c gi i ngân. Ngoài ra, các doanh nghi p c hoãn ho c gi m ph i tr các kho n thu nh thu VAT i v i doanh nghi p kinh doanh trong l nh v c nhà hàng (gi m t 19% xu ng 7%). Các doanh nghi p trong l nh v c v n hóa c ng nh n c gói h tr tr giá 1 t Euro.

Chính ph Anh cung c p m t s kho n vay kh n c p cho các doanh nghi p. Doanh nghi p nh c h ng kho n vay t i a 50,000 B ng (ho c 25 t ng doanh thu). Doanh nghi p có doanh thu d i 45 tri u B ng c vay t i a 5 tri u B ng. T ng s kho n vay ã c gi i ngân tính n tháng 7/2021 là kho ng 80.4 t B ng. Chính ph c ng có kho n h tr ngành nhà hàng b ng vi c tr c p 50% tỉ n th c n và u ng không có c n t i các nhà hàng (t i a 10 b ng/ng i). Thu VAT ph i tr trong Quý 2/2020 c ng c hoãn ph i tr cho n cu i n m 2020. T ng s tỉ n thu VAT c hoãn kho ng 33.5 t B ng.

3. Chiến lược vaccine

Anh: Ngay t khi i d ch bùng phát, Anh ã xác nh vaccine là bi n pháp quan tr ng nh t d p d ch. Anh thành l p

Nhóm công tác v vaccine ngay t tháng 4/2020 i u ph i vi c nghiên c u, s n xu t và ti p c n vaccine. Nhóm này c t v n chuyên môn b i các chuyên gia c l p c a y ban v vaccine và mi n d ch. Nhóm công tác v vaccine ã giúp Anh ti p c n ch n 337 tri u li u vaccine ngay t tháng 1/2021. Anh là n c u tiên trên th gi i phê duy t vaccine c a P er/BioNTech và sau ó là ca Oxford/AstraZeneca. Anh cng là n c u tiên kh i ng chi n d ch vaccine vào tháng 12/2020 và tính n tháng 8/2021, h n 75% s ng i trên 18 tu i Anh ã c tiêm y 2 m i vaccine.

V i t ng u tiên, Anh chia chi n d ch vaccine làm hai giai o n. Giai o n 1 t p trung tiêm ch ng cho các it ng d ph i nh p vi n ho c t vong vì Covid - 19 và b o v nhân viên y t . Các it ng d b t n th ng c phân chia theo tu i (t 50 tu i tr lên) và các it ng có b nh lí n n t nh n n ng. Giai o n 2 dành cho các it ng còn l i, c ng u tiên theo tu i. Anh không u tiên các it ng theo ngh nghi p nh các n c khác nh mt ng t c tiêm ch ng. M t trong nh ng chi n l c quan tr ng c a Anh là t p trung tiêm mi 1 t ng baoph c a vaccine nhanh nh t. ng th i, các chi n d ch truy n thông th ng xuyên c th c hi n nh m gi i thích cho ng i dân v th t u tiên khi tiêm vaccine, ng th i giúp ng i dân h n ch vi c t ch i tiêm vaccine. V vi c phân ph i vaccine, Anh s d ng H th ng y t qu c gia (NHS) s n có, giúp ng i dân d dàng ng kí và c tiêm ch ng. Vi c tiêm

chng c th c hi n t i nhi u a i m khác nhau nh các sân v n ng, nhà thi u, b nh vi n, trung tâm y t a ph ng, nhà thu c. Ngoài ra, ph c v các a ph ng vùng sâu, vùng xa, các tr m tiêm di ng ã c tri n khai.

T i các n c châu Âu khác, vi c ti p c n ngu n cung vaccine do EU i u ph i, sau ó phân b cho các qu c gia thành viên. Chi n l c tiêm ch ng c a các qu c gia có nh ng i m khác nhau, tuy nhiên u có chung m c tiêu m r ng bao ph vaccine và gi m b t s ng i t vong và ph i nh p vi n m t cách s m nh t.

Trong giai o n u tiên, các n c u th c hi n chi n l c tiêm ch ng theo th t u tiên, b t u t các vi n d ng lão, sau ó tri n khai t i các nhân viên y t , các it ng d chuy n bi n n ng n u m c Covid và các nhóm tu i t cao xu ng th p. M t s n c nh c, Áo, C ech, Latvia, Malta, Ba Lan ã cho phép tiêm cho ng i t 12 n 18 tu i, th m chí có k ho c tiêm cho tr em d i 12 tu i (Áo, C ech).

Bỉ: Giai o n 1A b t u vào ngày 05/01/2021, bao g m ng i dân và nhân viên trong các vi n d ng lão. Giai o n 1B: b t u vào tháng 3 tiêm cho nh ng ng i t 65 tu i tr lên, nh ng ng i t 45 tu i tr lên có nguy c và nh ng ng i ho t ng trong l nh v c kinh t thi t y u. Giai o n 2 di n ra vào tháng 5 ho c tháng 6 và bao g m nh ng ng i tr ng thành t 18 tu i tr lên.

Croatia: Giai o n 1 ng i cao tu i và

nhân viên trong các vị n d ãng lão, nhân viên y t , ch y u là nh ng ng ì làm vi c v i b nh nhân Covid-19 .Giai o n 2: ng ì trên 65 tu i và ng ì m c b nh m n tính. Giai o n 3: nh ng ng ì khác.

Cộng hòa Síp: Giai o n 1: k t ngày 27/12/2020, ng ì thân và nhân viên y t . Giai o n 2: k t ngày 26/01/2021, ng ì trên 80 tu i (u tiên nhóm d b t n th ng); gi i h n tu i c h xu ng u n. Giai o n 3: k t ngày 16/02/2021, ng ì trên 75 tu i (u tiên nhóm d b t n th ng). Giai o n 4: k t cu i tháng 02/2021, ng ì t 16 tu i tr lên có nguy c cao m c b nh n ng. Giai o n 5: k t cu i tháng 02/2021, nh ng ng ì làm vi c trong các trung tâm ch m sóc s c kh e ban u, tỉ p theo là các chuyên gia /nhân viên y t khác và ng ì ho t ng trong các a i m khép kín nh nhà tù và tr i t n n. Giai o n 6: dành cho toàn dân.

Estonia: Giai o n 1 (k t ngày 27/12 /2020): nhân viên y t và nh ng ng ì làm vi c trong các c s y t ; Giai o n 2 (k t tháng 01/2021): ng ì cao tu i và nhân viên làm vi c trong các tr i d ãng lão. Giai o n 3 (k t cu i tháng 01/2021): ng ì cao tu i và nhóm nguy c ; Giai o n 4 (b t u vào gi a tháng 02/2021): ng ì cung c p d ch v thi t y u; Giai o n 5 (k t tháng 5/2021): ph n còn l i c a dân s theo nhóm tu i.

Đức: Chia làm b n giai o n. Ba giai o n u phân chia theo các nhóm u tiên (r t cao, cao, trung bình), tỉ p theo là dân s

còn l i (không c li t kê trong nhóm 1-3).

Italia: Giai o n 1, nhân viên y t và nhân viên ch m sóc s c kh e xã h i, ng ì dân và nhân viên ca các c s dài h n cho ng ì cao tu i; ng ì trên 80 tu i. Giai o n 2 (v i sáu lo i u tiên): nh ng ng ì c c k d b t n th ng; ng ì t 75 tu i n 79 tu i; ng ì t 70 n 74 tu i; nh ng ng ì t ng nguy c lâm sàng n u nhi m SARS-CoV-2 t 16-69 tu i; ng ì t 55-69 tu i; ng ì t 18-54 tu i.

Tây Ban Nha: Giai o n 1: ng ì cao tu i và nhân viên trong các c s ch m sóc dài h n, nhân viên ch m sóc s c kh e và ch m sóc xã h i, ch y u là nh ng ng ì làm vi c v i b nh nhân COVID-19 (tuy n u). Giai o n 2: ng ì trên 60 tu i và ng ì l n m c b nh m n tính, lao ng thi t y u quan tr ng i v i c s h t ng xã h i. Giai o n 3: ng ì d i 60 tu i (50-59 tu i; 40-49 tu i).

Thụy Điển: B n giai o n: Ba giai o n v i các nhóm u tiên, tỉ p theo là dân s còn l i (không c li t kê trong nhóm 1-3) b t u v i ng ì l n tu i nh t trong m i nhóm.

Ph n l n các n c châu Âu (16 n c) u quy t nh kéo dài th i gian tiêm gi a mi th nh t và m i th hai t ng nhanh bao ph c a vaccine. Ch có 6 n c (Iceland, Latvia, Lithuania, Malta, Ba Lan, Slovakia, Slovenia và Tây Ban Nha) không kéo dài th i gian gi a hai m i tiêm. i v i ng ì ã t ng m c Covid, m t s n c cho phép ch c n tiêm 1 li u nh m ti t ki m

l ng vaccine. t p trung i phó v i các bi n ch ng m i, m t s n c ã t p trung vaccine cho các khu v c có nhi u ca m c.

Trong quá trình tri n khai chi n d ch vaccine t tháng 1/2021 n nay, các n c châu Âu ã có r t nhi u bài h c kinh nghi m trong vi c tri n khai vaccine. Trung tâm ki m soát b nh t t châu Âu ã a ra m t s bài h c nh sau:

M t s n c tránh lãng phí vaccine, nh Pháp, Lithuania, Slovenia ã t ch c tiêm cho các i t ng ngoài nhóm u tiên. C ng v i m c ích nh v y, Latvia, Áo, B t ch c tiêm c vào ngày ngh và chu n b danh sách ch i v i các i t ng u tiên.

t ng l ng ng i tiêm vaccine, các n c có nhi u bi n pháp truy n thông khác nhau. Latvia th c hi n chi n d ch “2 tri u lí do tiêm vaccine” và tiêm ch ng cho ng i trên 60 tu i t i các trung tâm tiêm t^{9h} n 10^h sáng mà không c n t h n tr c. Chính ph ch ng m i ng i l n tu i c ng c n tiêm b ng cách s dng danh sách t i các trung tâm y t mà không c nph i t l ch h n. T i nhi u n c khác, nhi u bi n pháp truy n thông nh s dng m ng xã h i và các kênh truy n thông trên m ng internet ã c th c hi n, t p trung v n ng ng i t ch i tiêm vaccine, nh t là thanh niên.

Các i t ng khó ti p c n v i vaccine nh nhóm ng i y u th c ng c các

n c châu Âu s d ng nhi u bi n pháp ti p c n. T i Estonia, Latvia và Tây Ban Nha vaccine anssen ch dùng 1 m i c u tiên tiêm cho ng i g p khó kh n ti p c n các c s y t. Latvia, Nauy, Croatia, Slovenia tri n khai các n v tiêm ch ng đi ng giúp d dàng ti p c n v i nhi u i t ng vùng sâu, vùng xa và tiêm t i nhà.

4. Bài học cho Việt Nam

M c dù c i m kinh t , xã h i c a Vi t Nam và các n c châu Âu có nhi u i m khác nhau, nh ng qua kinh nghi m ng phó v i d ch Covid-19 các n c châu Âu, có th rút ra m t s kinh nghi m Vi t Nam có th áp dng nh sau:

Về mặt kinh tế - xã hội, các n c châu Âu ch y u t p trung vào chính sách tr c p ng i b gi m gi làm do giãn cách xã h i. Hi n t i, Vi t Nam ch a có chính sách này mà ch y u h tr ng i lao ng b ng kho n t i n tr c p 1 l n. S t i n này th ng r t ít và ít có ý ngh a h tr trên th c t. Trong khi ó, vi c h tr này có ý ngh a h t s c quan tr ng c hai m t: duy trì ho t ng c a doanh nghi p và h tr ng i lao ng. ng th i, chính sách này giúp duy trì nhu c u c a n n kinh t , giúp s m kích thích tiêu dùng và s n xu t khi n n kinh t tr l i tr ng thái bình th ng. T t nhiên, m t nh c i m l n c a chính sách này là gây thâm ht ngân sách r t l n. Nh ng n u tính n hi u qu lâu dài c a chính sách, ãy là i m mà Vi t Nam có th cân nh c. Tr c

m t, có th h tr cho các doanh nghi p và ng i lao ng ang ch u nh h ngl n và lâu dài trong các l nh v c nh v n t i hàng không, du l ch. ây là nh ng ngành kinh t s d ng nhi u lao ng. N u các doanh nghi p nh n c s h tr c a Chính ph tr l ng cho ng i lao ng, các doanh nghi p v n có th duy trì c ho t ng và s nhanh chóng ph c h i s n xu t kinh doanh v il cl ng lao ng s n có khi các bi n pháp ch ng d ch c b i b .

Ngoài ra, nh kinh nghi m các n c châu Âu, Vi t Nam c ng nên n gi n hóa các th tc hành chính doanh nghi p và ng i dân d dàng ti p c n các gói h tr ca Chính ph. Các doanh nghi p có th v i n d n d ch b nh nh i u ki n b t kh kháng nh n c s h tr mà không c n trình bày các lí do khác. ây c ng là cách th c d x lí và không t n nhi u ngân

sách mà Vi t Nam có th d dàng áp d ng.

Về chính sách vaccine, kinh nghi m ca các n c châu Âu cho th y c n thi t ph i nhanh chóng bao ph tiêm ch ng vaccine cho ng i dân m t cách nhanh nh t. Do ó, Vi t Nam nên t p trung tiêm mi vaccine mi 1 cho ng i dân nhanh nh t tr c khi chuy n sang tiêm mi 2. V i t ng u tiên, t ng nhanh t c tiêm, Vi t Nam nên n gi n các i t ng trong b i c nh ngu n cung vaccine còn h n ch . Ch y u nên chia i t ng u tiên theo các nhóm tu i d dàng phân lo i trong tiêm ch ng, h n ch phân lo i theo ngành ngh , tình tr ng b nh lí... i v i m t s i t ng khó ti p c n vaccine nh ng i già, ng i khu y tt t, c n nghiên c u nh p kh u và tiêm các lo i vaccine ch c n dùng 1 m i gi m th i gian i n i m tiêm vaccine ca các i t ng này.

TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ KINH TẾ VÀ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021

Nguyễn Thị Thu Trang¹



(Ảnh minh họa, nguồn hatinh.gov.vn)

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM 9 THÁNG NĂM 2021

1. GDP quý III tăng trưởng âm 6,17%, GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42%

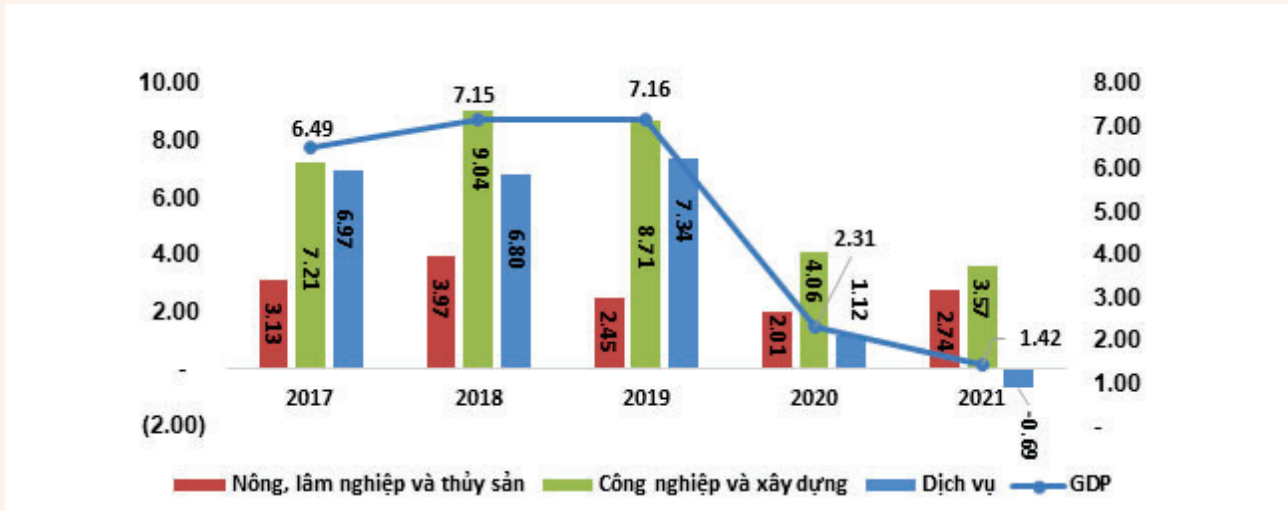
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2021 chỉ tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi

Việt Nam tính và công bố GDP theo quý này. Do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19 nên mức giảm của sản phẩm và nhu cầu tiêu dùng kinh tế trở nên phi thực tiễn gián cách xã hội kéo dài nên GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước².

1. Thư viện Quốc hội

2. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2021 của Tổng Cục Thống kê.

Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2017 - 2021 (%)

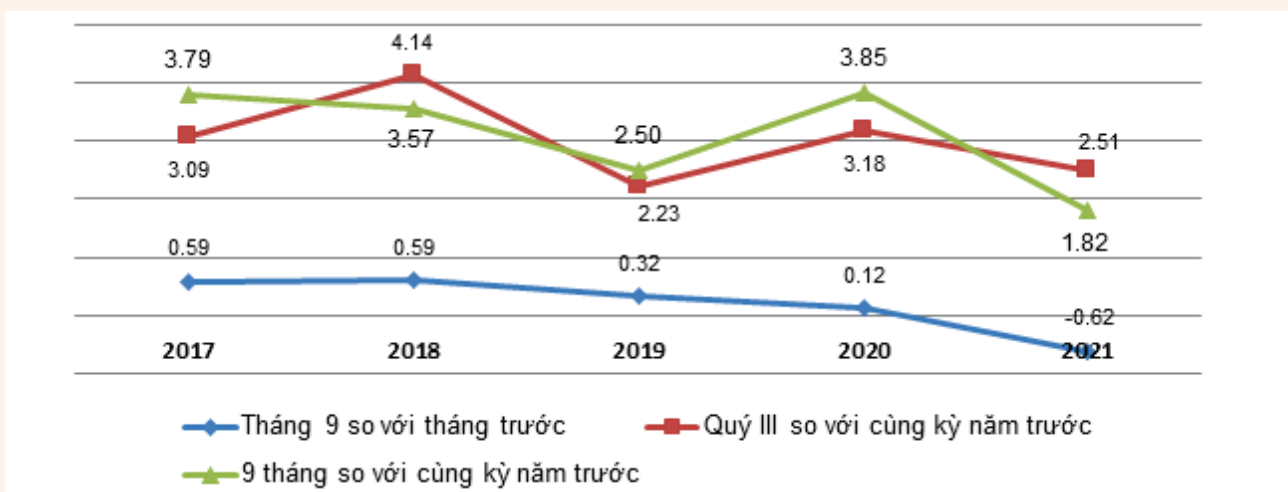


2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,82%

Giá thuê nhà giảm trong thời gian thời kỳ giãn cách xã hội; học phí năm học 2021-2022 giảm, giảm tiền mua sắm hàng; giá thực phẩm giảm do nguồn cung dồi dào; thực hiện Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/7/2021 của Chính phủ phê duyệt ảnh hưởng giảm giá điện, giảm tiền điện tử 4 cho khách hàng bình thường

biểu hiện Covid-19 là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2021 giảm 0,62% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 9/2021 tăng 2,06%; CPI bình quân quý III/2021 tăng 2,51%. Tính chung 9 tháng năm 2021, CPI tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức thấp nhất kể từ năm 2016¹. Lạm phát tích lũy 9 tháng tăng 0,88%².

Tốc độ tăng/giảm CPI của tháng 9, quý III và 9 tháng (%)



1. Tốc độ tăng CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 2,07%; tăng 3,79%; tăng 3,57%; tăng 2,5%; tăng 3,85%; tăng 1,82%.

2. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2021 của Tổng Cục Thống kê

3. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 4,45%

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2021 ước tính tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 6,29%; quý II tăng 11,18%; quý III giảm 3,5%).

Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,05% (quý I tăng 8,9%; quý II tăng 13,35%; quý III giảm 3,24%); ngành khai khoáng giảm 7,17% do sản lượng khai thác dầu thô giảm 6% và khí đốt tự nhiên giảm 17,6%.

Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 9 tháng các năm 2017 - 2021 của một số ngành công nghiệp trọng điểm (%)

| Ngành công nghiệp | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|---------------------------------------------------------------|-------|------|------|-------|-------|
| Sản xuất kim loại | 19,1 | 19,7 | 36,7 | 4,6 | 28,4 |
| Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học | 30,0 | 14,2 | 6,3 | 9,1 | 7,7 |
| Sản xuất trang phục | 8,8 | 10,9 | 8,4 | -5,5 | 4,8 |
| Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan | 7,8 | 10,5 | 8,9 | -4,1 | 4,5 |
| Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) | 8,5 | 13,8 | 6,5 | 3,7 | 3,4 |
| Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác | 5,2 | 11,4 | 7,9 | 1,3 | 2,0 |
| Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất | 6,6 | 6,0 | 6,4 | 7,6 | -1,1 |
| Sản xuất phương tiện vận tải khác | 9,4 | 5,7 | -5,8 | -9,3 | -1,9 |
| In, sao chép bản ghi các loại | 8,8 | 7,6 | 11,8 | -2,1 | -2,2 |
| Sản xuất đồ uống | 4,6 | 8,2 | 11,0 | -6,2 | -4,2 |
| Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên | -10,9 | -4,9 | -2,4 | -11,2 | -12,4 |

4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 7,1%

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9/2021 ước tính

308,8 nghìn tỷ đồng; quý III ước tính 915,7 nghìn tỷ đồng. Tính chung 9 tháng năm 2021 ước tính 3.367,7 nghìn tỷ đồng, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước, ngược lại tỷ lệ tăng giá giảm 8,7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,1%)¹.

1. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2021 của Tổng Cục Thống kê

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2021 (Nghìn tỷ đồng)

| | Ước tính tháng 9 | Ước tính quý III | Ước tính 9 tháng năm 2021 | Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%) | | |
|--------------------------|------------------|------------------|---------------------------|-----------------------------------------------|--------------|------------------|
| | | | | Tháng 9 | Quý III | 9 tháng năm 2021 |
| Tổng số | 308,8 | 915,7 | 3.367,7 | -28,4 | -28,3 | -7,1 |
| Bán lẻ hàng hóa | 270,8 | 801,7 | 2.779,7 | -21,0 | -20,4 | -3,4 |
| Dịch vụ lưu trú, ăn uống | 19,4 | 57,0 | 279,4 | -53,6 | -55,7 | -22,1 |
| Du lịch lữ hành | 0,1 | 0,2 | 4,6 | -92,4 | -94,0 | -64,0 |
| Dịch vụ khác | 18,5 | 56,8 | 304,0 | -59,6 | -58,7 | -19,4 |

5. Vận tải hành khách giảm 23,8%, vận tải hàng hóa giảm 5,6%

Tính chung 9 tháng n m 2021, v n t i hành khách t 2.018,8 tri u l t khách v n chuy n, gi m 23,8% so v i cùng k n m tr c (cùng k n m 2020 gi m 29,6%) và luân chuy n 82,7 t l t khách.km, gi m 30,9% (cùng k n m tr c gi m 35,2%). V n t i hàng hóa t 1.195 tri u t n hàng hóa v n chuy n, gi m 5,6% so v i cùng k n m tr c (cùng k n m 2020 gi m 7,3%)

và luân chuy n 242,8 t t n.km, gi m 0,3% (cùng k n m tr c gi m 8,2%).

6. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 0,4%

V n u t th c hi n toàn xã h i quý III/2021 theo giá hi n hành c tính t 697,2 nghìn t ng, gi m 9,5% so v i cùng k n m tr c. c tính 9 tháng n m 2021, v n u t th c hi n toàn xã h i theo giá hi n hành t 1.868,5 nghìn t ng, t ng 0,4% so v i cùng k n m tr c.

Tốc độ phát triển và cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 9 tháng giai đoạn 2017 –2021, theo giá hiện hành (%)

| | Tổng số | Khu vực Nhà nước | Khu vực ngoài Nhà nước | Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài |
|--------------------------|---------|------------------|------------------------|--------------------------------------------|
| Tốc độ phát triển | | | | |
| N m 2017 | 113,2 | 104,7 | 118,2 | 113,5 |
| N m 2018 | 110,4 | 101,8 | 115,4 | 109,1 |
| N m 2019 | 109,9 | 102,2 | 114,0 | 108,4 |
| N m 2020 | 104,0 | 111,9 | 102,7 | 97,5 |
| N m 2021 | 100,4 | 95,3 | 103,9 | 96,6 |

| | Tổng số | Khu vực Nhà nước | Khu vực ngoài Nhà nước | Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài |
|----------|---------|------------------|------------------------|--------------------------------------------|
| C c u | | | | |
| N m 2017 | 100,0 | 28,1 | 53,2 | 18,7 |
| N m 2018 | 100,0 | 25,9 | 55,6 | 18,5 |
| N m 2019 | 100,0 | 24,1 | 57,6 | 18,3 |
| N m 2020 | 100,0 | 26,0 | 56,9 | 17,1 |
| N m 2021 | 100,0 | 24,6 | 58,9 | 16,5 |

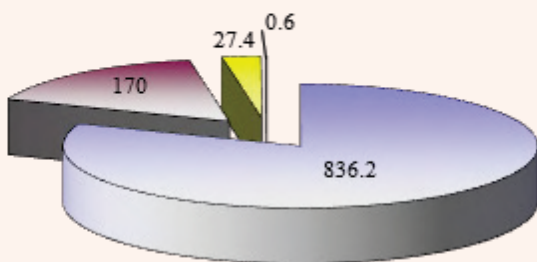
7. Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 1.034,2 nghìn tỷ đồng, tổng chi ngân sách Nhà nước đạt 975,6 nghìn tỷ đồng

L y k t u n m n th i i m 15/9/2021, t ng thu ngân sách Nhà n c t 1.034,2 nghìn t ng, b ng 77% d toán n m (thu ngân sách Trung ng b ng

73,6%; thu ngân sách a ph ng b ng 81,1%); t ng chi ngân sách Nhà n c t 975,6 nghìn t ng, b ng 57,8% d toán n m, trong ó: Chi th ng xuyên t 689,3 nghìn t ng, b ng 66,5%; chi ut phát tri n 202,2 nghìn t ng, b ng 42,4%; chi tr n lãi 77,7 nghìn t ng, b ng 70,6%¹.

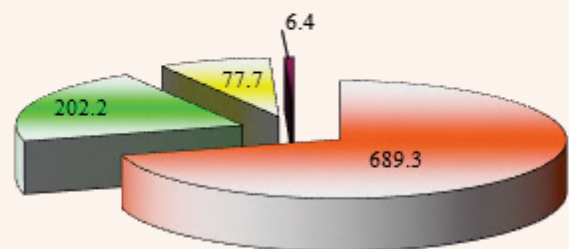
Tổng thu ngân sách nhà nước tính đến 15/9/2021 (nghìn tỷ đồng)

Thu nội địa Thu cân đối NS từ XNK
 Thu từ đầu thô Thu khác



Tổng chi ngân sách nhà nước tính đến 15/9/2021 (nghìn tỷ đồng)

Chi thường xuyên Chi đầu tư phát triển
 Chi trả nợ lãi Chi khác



8. Tổng số doanh nghiệp thành lập mới giảm 13,6% so với cùng kỳ

Theo H th ng thông tin ng ký doanh nghi p qu c gia, C c Qu n lý ng ký kinh doanh, B K ho ch và ut , tính chung 9 tháng, t ng s doanh nghi p thành l p m i

t 85,5 nghìn doanh nghi p, gi m 13,6% so v i cùng k n m tr c; quy mô v n ng ký bình quân m t doanh nghi p thành l p m i t 14 t ng, gi m 3,1%; s doanh nghi p rút lui kh i th tr ng là 90,3 nghìn doanh nghi p, t ng 15,3%².

1. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2021 của Tổng Cục Thống kê

2. Số liệu này có thể chưa phản ánh số doanh nghiệp thực tế rút lui khỏi thị trường, bởi trong điều kiện nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội, các doanh nghiệp không thể làm thủ tục liên quan đến việc rút lui khỏi thị trường.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH (9 tháng so với cùng kỳ năm trước)



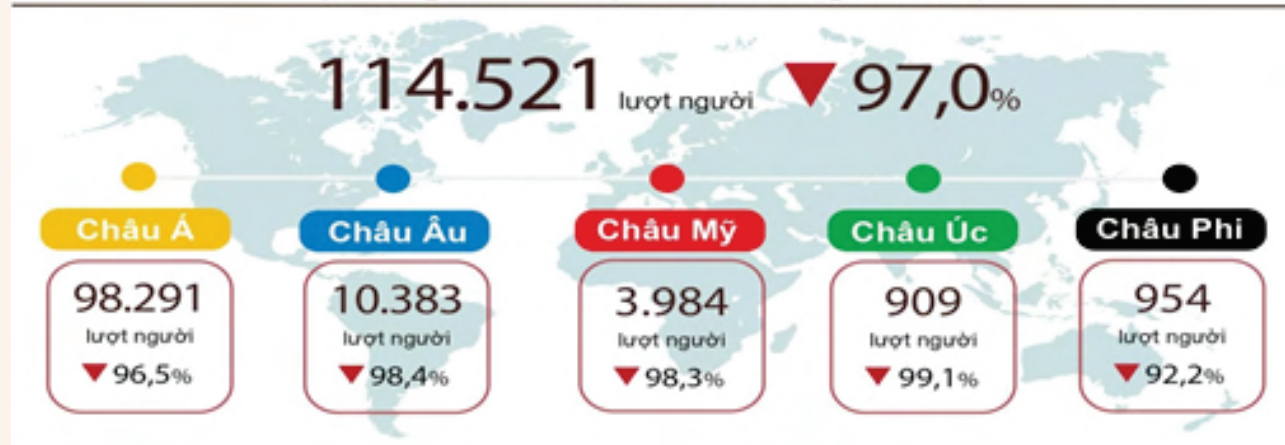
(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

9. Khách quốc tế đến Việt Nam giảm 97% so với cùng kỳ năm trước

Khách quốc tế đến nước ta trong quý III/2021 đạt 26,3 nghìn lượt người, giảm 40,3% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp

phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế nên lượng khách đến chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp Việt Nam. Tính chung 9 tháng năm 2021, khách quốc tế đến nước ta đạt 114,5 nghìn lượt người, giảm 97% so với cùng kỳ năm trước¹.

KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM (9 tháng năm 2021 phân theo vùng lãnh thổ)



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

1. Theo báo cáo của Cục cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Quốc phòng và Cục Xuất nhập cảnh, Bộ Công an, kỳ báo cáo từ ngày 21/8-20/9/2021

10. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng 24,4% so với cùng kỳ

Do nh h ng c a d ch Covid-19, nên ho t ng xu t nh p kh u trong tháng 9/2021 gi m 2% so v i tháng 8/2021. T ng kim ng ch xu t, nh p kh u hàng hóatháng

9/2021 c tính t 53,5 t USD, t ng 4,2% so v i cùng k n m tr c. Tính chung 9 tháng n m nay, t ng kim ng ch xu t, nh p kh u hàng hóa v n duy trì t c t ng cao, t 483,17 t USD, t ng 24,4% so v i cùng k n m tr c, trong ó xu t kh u t ng 18,8%; nh p kh u t ng 30,5%¹.

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA (9 tháng năm 2021)



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

II. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021

Do d ch Covid-19 bùng phát t i m t s a ph ng trên c n ct cu i tháng 4/2021, m ts t ch c trong n c và qu ct ti pt c i uch nh m cd báo t ng tr ng n n kinh t Vi t Nam trong n m 2021 theo h nggi m so v id báo ban u.

1. World Bank (WB) dự báo kinh tế Việt Nam năm 2021 tăng trưởng khoảng 4,8%

D báo trên c a ra trong n b n m i nh t c a Báo cáo " i m l i c p nh t tình hình kinh t Vi t Nam n b n tháng 8/2021" ca WB. Theo ó, World Bank d

báo kinh t Vi t Nam n m 2021 t ng tr ng kho ng 4,8%, th p h n 2% so v id báo ã a ra vào tháng 12/2020. World Bank c ng gi nh r ng n u t bùng phát d ch hi n nay d n c ki m soát, t o i u ki n n n kinh t ph ch i trong quý IV, Vi t Nam s h ng d n v t c t ng tr ng tr c id ch m ct 6,5 - 7,0% t n m 2022 tr i².

2. Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) hạ dự báo tăng trưởng Việt Nam năm 2021 còn 3,8%

Theo Báo cáo c p nh t Tri n v ng Phát tri n Châu Á (ADO) 2021, Ngân hàng Phát

1. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2020 đạt 388,42 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 202,54 tỷ USD, tăng 4,1%; nhập khẩu đạt 185,88 tỷ USD, giảm 0,8%.

2. Theo báo cáo Điểm lại cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam ấn bản tháng 8/2021, WB.

tri n Châu Á (ADB) a ra d báo kinh t Vi t Nam d ki n t m ct ng tr ng 3,8% trong n m nay và 6,5% vào n m 2022. Tr c ó, h i tháng 4, ADB ã a ra m c d báo là 6,7%, sau ó n tháng 7, i u ch nh d báo t ng tr ng gi m còn 5,8%¹.

3. Standard Chartered hạ dự báo tăng trưởng kinh tế từ 6,5% xuống 4,7%

Ngân hàng qu c t Standard Chartered ã h d báo t ng tr ng kinh t c a Vi t Nam n m 2021 t 6,5% xu ng 4,7%, n m 2022 cng t 7,3% xu ng 7%. Do ch s kinh t suy y u, d ch b nh tr m tr ng và tiêm chng vaccine ch m, nên ây là l n th 3 Standard Chartered h d báo t ng tr ng kinh t Vi t Nam trong n m nay, t m c 7,8% arah i un m, l n l t xu ng còn 6,7%; 6,5% và hi n là 4,7%².

4. HSBC điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP xuống 5,1%

Ngân hàng HSBC tra 2 vi nc nh cho n n kinh t Vi t Nam cho n cu i n m:

Viễn cảnh 1, t ng tr ng GDP n m trong ng ng 5% - 5,5%, ph thu c vào ti n và m c hi u qu c a ch ng trình tiêm vaccine, vi c m c a l i n n kinh t cùng v i kh n ng ph c h i và kh i ng l i các th tr ng xu t kh u l n trong b i c nh nhi u thách th c do bi n chng D elta.

Viễn cảnh 2, n u ch ng trình tiêm vaccine tri n khai không nhanh trong khi giãn cách còn kéo dài, n n kinh t s ch u thêm nhi u tác ng n ng n và thêm áp l c lên chu i cung ng, GDP s có kh n ng t ng tr ng m c 3,5% - 4%.

T 2 vi nc nh trên, HSBC ã i u ch nh m c d báo t ng tr ng GDP c a Vi t Nam n m 2021 t 6,1% xu ng 5,1%. HSBC c ng d báo t ng tr ng GDP s t 6,8% trong n m 2022 v i m t tri n v ng áng tin c y tr c m t c ng nh v lâu v dài³.

5. Quỹ Dragon Capital dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 có thể ở mức 3,7%

Quỹ Dragon Capital d báo Vi t Nam có th ghi nh n m c t ng tr ng th p nh t trong nhi u n m, d báo t ng tr ng GDP n m 2021 c a Vi t Nam có th m c 3,7%. T i báo cáo phát hành gi a tháng 7/2021, Dragon Capital t ng h d báo t ng tr ng GDP c a Vi t Nam n m 2021 t 6% xu ng 5%. Nh v y, ch trong th i gian ng n, Dragon Capital ã 2 l n h d báo t ng tr ng GDP c a Vi t Nam⁴.

6. CIEM công bố 02 kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021

Vi n Nghiên c u qu n lý kinh t Trung ng (CIEM) ph i h p v i Ch ng trình Australia h tr c i cách kinh t Vi t Nam

1. Dương Ngọc, 'ADB hạ dự báo tăng trưởng Việt Nam năm 2021 còn 3,8%', Báo Người lao động điện tử, cập nhật ngày 22/9/2021

2. Hà Trần, 'Một tổ chức quốc tế 3 lần hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Từ 7,8% xuống 6,7%; 6,5% và hiện là 4,7%', Doanh nghiệp và Tiếp thị, cập nhật ngày 01/9/2021

3. Thùy Linh, 'HSBC dự báo về 2 viễn cảnh của kinh tế Việt Nam trong năm 2021', Vietnamplus, cập nhật ngày 13/9/2021

4. Bảo Vy, 'Dragon Capital tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam, kinh tế phục hồi khi 70% dân số tiêm vaccine', Nhịp sống doanh nghiệp (BIZLIVE), cập nhật ngày 10/8/2021

(Aus4Reform) công bố 02 kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021. Theo đó, kịch bản lạc quan nhất, Việt Nam có thể kiểm soát dịch bệnh vào tháng 8/2021, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn thuộc phạm vi mục tiêu của Chính phủ là 6,5%. Tuy nhiên, nếu tăng trưởng 6,2%, GDP Việt Nam sẽ vượt tiêu Qu chi giao 0,2 điểm phần trăm. Kịch bản dịch bệnh được kiểm soát vào tháng 10/2021, chỉ mất 2 tháng so với kịch bản lạc quan, tăng trưởng của Việt Nam dự báo mức 5,9%, thuộc phạm vi 0,1 điểm phần trăm so với chỉ tiêu Qu chi giao¹.

7. VNDIRECT dự báo 02 kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2021

Theo Công ty Chứng khoán VNDIRECT, kịch bản tiêu cực GDP năm 2021 của Việt Nam có thể chỉ tăng trưởng 5% dựa trên giả định lây nhiễm mới sẽ kéo dài hơn; kịch bản lạc quan, VNDIRECT dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam xuống còn 5,5% so với dự báo trước là 6,5%.

VNDIRECT cũng cho biết, vì Chính phủ đã thông báo giảm giá, phí các dịch vụ thị trường như điện, nước sạch, vì thông tin cho người dân và doanh nghiệp bình ổn hàng hóa và dịch vụ này sẽ giúp kiểm soát lạm phát trong những tháng còn lại của năm 2021. Do đó, VNDIRECT hướng dẫn báo

CPI bình quân năm 2021 xuống 2,4% (-0,2 điểm) so với dự báo trước là 2,9%².

8. VDSC hạ dự báo tăng trưởng GDP 2021 xuống còn 4%

Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) cũng giảm dự phòng tăng trưởng GDP năm 2021 xuống còn 4,0%, phản ánh những tác động tiêu cực của đợt bùng phát lần thứ hai về các hoạt động trong các ngành như hàng không dài hạn các biện pháp phòng Covid-19 lên hoạt động kinh tế. VDSC cũng dự đoán lạm phát sẽ cao hơn trong nửa cuối năm 2021, khoảng 3,5%³.

9. ICAEW hạ dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng xuống 5,4% trong năm 2021 và bứt phá lên 7,5% vào năm 2022

Theo báo cáo Dự báo kinh tế toàn cầu của Viện Kiểm toán công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW) và Oxford Economics dự báo: về việc các nền kinh tế như hàng xuất khẩu mạnh mẽ như Việt Nam, tăng trưởng vẫn phụ thuộc vào sự phục hồi của khu vực sản xuất. Tuy nhiên, GDP của Việt Nam dự đoán vẫn sẽ là 5,4% trong năm 2021 (đã điều chỉnh giảm từ 7,6% trong báo cáo gần đây nhất của ICAEW) và sẽ tăng lên 7,5% vào năm 2022. Sự khởi sắc trong tăng trưởng kinh tế sẽ thúc đẩy khi Việt Nam nới lỏng các biện pháp hạn chế, đồng thời, lĩnh vực công nghiệp dịch vụ sẽ phục hồi tốt hơn trong năm 2022⁴.

1. Thúy Hiền, 'Dự báo 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021', Thông tấn xã Việt Nam, cập nhật ngày 15/7/2021

2. Bảo Vy, 'Thêm tổ chức hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam xuống còn 5%', Nhịp sống doanh nghiệp (BIZLIVE) truy cập ngày 18/8/2021

3. Báo cáo vĩ mô những tháng cuối năm 2021, Công ty Chứng khoán Rồng Việt (VDSC)

4. Thùy Lê, 'ICAEW: Kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng 5,4% trong năm 2021 và bứt phá lên 7,5% vào năm 2022', Báo Điện tử Kiểm toán Nhà nước, cập nhật 24/09/2021 23:40:00

10. DBS Group Research hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam xuống 1,8%

DBS Group Research (Công ty Dịch vụ Tài chính DBS có trụ sở tại Singapore) cho rằng, số liệu sơ bộ sâu trong quý 3 khi nền tảng tăng trưởng GDP của Việt Nam khó lấy lại mức 2,9% của năm ngoái, ít hơn nhiều so với mức tiêu GDP của Chính phủ là 6-6,5%. DBS Group Research hạ dự báo tăng trưởng năm 2021 của Việt Nam xuống 1,8% từ mức 5,0%. Tuy nhiên, năm 2022 có vẻ tích sáng hơn rất nhiều vì Việt Nam, DBS Group Research đã nâng dự báo GDP năm 2022 của Việt Nam lên 8,0%, so với 6,8% trước đó¹.

11. Ngân hàng UOB hạ dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam xuống 3%

Ngân hàng UOB của Singapore và các công bố báo cáo kinh tế quý 3, UOB giảm ví dụ về các اثر liên kinh tế đi ra thu nhập cho phép các doanh nghiệp và nhà máy bắt kịp sản lượng bình thường và tái tiêm chủng theo kế hoạch, GDP của Việt Nam có thể phục hồi lên 7% trong quý 4, từ mức -6,17% trong quý 3. Điều này sẽ giúp Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP năm là 3%. Cũng theo UOB, Ngân hàng Nhà

nh của Việt Nam nhiều khả năng sẽ giữ nền chính sách trong thời kỳ hiện tại và không thay đổi lãi suất tái cấp vốn năm 4% và lãi suất tái chiết khấu năm 2,5%, mức thấp kỷ lục².

12. AMRO hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam ở mức 2,6% trong năm 2021

Tại báo cáo AREO 2021 của công bố hồi tháng 3/2021, Viện Nghiên cứu kinh tế và mô ASEAN 3 (AMRO) dự báo, tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến sẽ đạt mức 7% vào năm 2021 và 6,8% vào năm 2022. Tuy nhiên, tại bản cập nhật AREO 2021 lần này, do tác động tiêu cực của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4, dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2021 đã được AMRO điều chỉnh giảm xuống còn 2,6%. Mặc dù vậy, theo AMRO, triển vọng của kinh tế Việt Nam trong năm 2022 vẫn rất tích cực. Theo đó, AMRO đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2022 lên mức 7,5%, cao hơn con số dự báo 6,8% hồi tháng 3/2021. Tuy nhiên, phát triển kinh tế Việt Nam vẫn được AMRO giữ nguyên dự báo mức 3,2% cho năm 2021. Mặc dù phát triển dự kiến duy trì nền kinh tế cho năm 2022³.

1. Song Minh, 'DBS: Điều tồi tệ nhất với kinh tế Việt Nam đã qua', Báo điện tử Lao động, cập nhật 05/10/2021 / 12:16

2. A. Hồng, 'UOB hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam xuống 3%', Báo Tuổi trẻ Online, cập nhật ngày 01/10/2021

3. Theo Diệu Thiện, 'AMRO dự báo tăng trưởng của Việt Nam sẽ ở mức 2,6% trong năm 2021', Báo Điện tử Kiểm toán, cập nhật ngày 08/10/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ THỰC CHẤT TÌNH HÌNH CÁC NGUỒN LỰC CỦA NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Mạc Thùy Dương¹

Trởc xu hướng phát triển mạnh mẽ và hình p ngày càng sâu rộng của các qu c gia trên thế giới, c bi t là s phát triển ca công ngh thông tin ang đi n r r t nhanh và tác ng n m i m t ca i s ng chính tr , kinh t , xã h i các qu c gia, ch ng n m b t th i c và l ích c a xu h ng này, Vi t Nam c n thúc y th c hi n nh ng gi i pháp quy t li t, khai thông và s d ng hi u qu các ngu n l c v tài nguyên thiên nhiên, tài chính và ngu n l c con ng i; xác nh b c tranh toàn c nh ngu n l c hi n t i c a t n c có chính sách, gi i pháp huy ng, phát huy t i a các ngu n l c, a t n c phát tri n nhanh, b n v ng.

Tuy nhiên, th i gian qua, chúng ta còn nhi u h n ch , b t c p trong vi c qu n lý, khai thác, s d ng, phát huy các ngu n l c. Ch a th c s chú tr ng ti t ki m c v s c lao ng, ngu n l c tài chính và tài nguyên thiên nhiên, gây lãng phí và làm c n ki t ngu n l c c a t n c; ch t l ng các ngu n l c ch a cao; phân b và s d ng ngu n l c ch a h p lý. Nhi m v c t



(Ảnh minh họa, nguồn Thư viện Quốc hội)

ra là kh c ph c các t n t i, h n ch , y u kém, ng th i huy ng và s d ng hi u qu các ngu n l c hi n có, phát tri n các ngu n l c t ng tr ng m i cho n n kinh t t n c trong trung và dài h n. Vì v y, vi c ki m kê, ánh giá th c ch t huy ng, khai

1. Phó Giám đốc Thư viện Quân đội

thác, quản lý, sử dụng các nguồn lực con người kinh tế nhằm xác định ứng dụng quan trọng nguồn lực con người, tác động có chính sách, giải pháp huy động và phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Nhằm cung cấp bối cảnh toàn diện về nguồn lực con người, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã xuất bản cuốn sách Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực trạng tình hình các nguồn lực con người giai đoạn 2011–2015 do Ban Cán sự Đảng Chính phủ mà trực tiếp là Bộ Kế hoạch và Đầu tư biên soạn. Báo cáo phân tích kỹ lưỡng, chi tiết về thực trạng, tình hình huy động, quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực bao gồm nguồn nhân lực, nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực văn hóa, thể thao kinh tế - xã hội và nguồn tài chính công nhân kinh tế giai đoạn 2011–2015, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực cho phát triển kinh tế bền vững năm 2020, hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Báo cáo gồm 3 phần chính:

Phần I, đánh giá tình hình kinh tế xã hội Việt Nam giai đoạn 2011–2015, Báo cáo cho thấy tỷ lệ tăng trưởng kinh tế duy trì mức hợp lý, thể hiện rõ xu thế phục hồi. Bình quân giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 5,91%, mức dù thấp hơn so với giai đoạn 2006–2010, nhưng tăng trong bối cảnh nền kinh tế phải chịu tác động của khủng hoảng, thách thức và kinh tế thế giới đang xuyên suốt bị ảnh hưởng nặng nề từ khủng hoảng tài chính và tài nguyên thiên nhiên, xã hội phức tạp. Lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng nghề nghiệp không thể đáp ứng quá trình tái sản xuất giản đơn, cần chú trọng

đào tạo. Bên cạnh đó, GDP bình quân đầu người tăng trưởng hàng năm 40%, trong bối cảnh lạm phát được duy trì mức thấp đã góp phần nâng cao mức sống vật chất của người dân, an sinh xã hội cơ bản.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu vẫn còn tồn tại và bộc lộ những nhược điểm: Chất lượng tăng trưởng thấp, nền công nghiệp chậm phát triển; năng suất và an toàn hàng hóa ngân hàng đáng lo ngại. Chỉ số tăng trưởng phân dân cư vẫn còn khó khăn, thiếu thốn. Phát huy những thành tựu tốt đẹp, khắc phục hạn chế, cần phải có đánh giá kỹ lưỡng thực trạng và tình hình quản lý khai thác, sử dụng các nguồn lực con người kinh tế, bao gồm: nguồn nhân lực, nguồn văn hóa và nguồn tài chính.

Phần II, về nguồn nhân lực, về các số liệu thống kê một cách khoa học, Báo cáo đã phân tích, đánh giá những thành tựu đạt được của ngành nhân sự các nguồn lực lao động nòng cốt, như: công nhân, công chức, viên chức; nguồn lực khoa học và công nghệ; nguồn nhân lực giáo dục và đào tạo, y tế, công nghệ thông tin và các biệt là nguồn nhân lực là người Việt Nam sống và làm việc ở nước ngoài.

Nguồn lực con người sẽ không thể phát huy được hiệu quả tốt nhất, thậm chí không trở thành nguồn lực, khi không được chăm sóc trong môi trường thu nhập và tài chính và tài nguyên thiên nhiên, xã hội phức tạp. Lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng nghề nghiệp không thể đáp ứng quá trình tái sản xuất giản đơn, cần chú trọng

n vì c t o ra c giá tr t ng thêm, n u ch ng riêng r v i các ngu n l c khác, k c lao ng c ang i qu n lý, ng i ch s h u hay lao ng c anh ng ng i công nhân, nông dân, th ch công....

Ngu n l c tài nguyên thiên nhiên c a chúng ta v i v trí a chính tr , tài nguyên khí h u, t, r ng, khoáng s n, n c, bi n và tài nguyên a d ng sinh h c t ng i phong phú và có ti m n ng khai thác s dng. Vi t Nam là qu c gia có di n tích t nhiên ng th 59 trong s h n 200 qu c gia và vùng lãnh th v i a hình a d ng, trong ó ng b ng chi m di n tích t t nhiên, v i di n tích t s d ng vào các mc ích nông nghi p chi m 82,4%, phi nông nghi p chi m 11,2%, các lo i t ch a s d ng chi m 6,4%. Tài nguyên r ng, khoáng s n a d ng và phong phú v i h n 5.000 m , qu ng ch a 60 lo i khoáng s n khác nhau....

Tuy nhiên, các ngu n tài nguyên này ang b khai thác quá m c, tình tr ng s dng t t ng m nh, tài nguyên n c ngày càng b l m d ng, r ng t nhiên b khai thác l y g , khoáng s n ngày càng b khai thác nhi u h n, kém hi u qu ... Môi tr ng t nhiên b phá h y d n n ô nhi m môi tr ng, n c bi n dâng, thiên tai... có th s xóa sách t t c nh ng giá tr do con ng i cùng các ngu n tài nguyên khác t o thành.

Tài nguyên thiên nhiên s v n ch là i u ki n, ti m n ng n u nh không có ngu n l c tài chính và ngu n l c con ng i t ng ng, thích h p h p th và phát huy các tính n ng ti m tàng.

Ngu n tài l c ã và ang óng vai trò quan tr ng i v i s phát tri n c a n n kinh t . Vì c phát huy ngu n l c tài chính ti n t ã phát tri n m nh m c chi u r ng và chi u sâu, c bi t là các ngu n l c v ngân sách nhà n c, d tr qu c gia, tài s n công, th tr ng ch ng khoán, b o hi m, t ch c tín d ng.

Huy ng các ngu n l c cho u t phát tri n có ý ngh a c c k quan tr ng trong t ng tr ng kinh t , tuy nhiên, vì c s d ng chúng có hi u qu m i có vai trò quy t nh. phát huy t t nh t ngu n l c tài chính trong giai o n t i, Báo cáo ã ch ra nh ng h n ch , b t c p trong vi c ban hành và t ch c th c hi n m t s c ch , chính sách; quy mô th tr ng v n trong n c còn nh ; s lãng phí trong u t công; th tr ng ch ng khoán ch u s tác ng m nh b i y u t t giá, giá d u,... làm quy mô th tr ng m c dù có s t ng tr ng nh ng v n ch a t ng x ng v i ti m n ng; M t s doanh nghi p Nhà n c, t p oàn, t ng công ty Nhà n c cho t ng y u kém; quy mô và n ng l c tài chính c a t ch c tín dng Vi t Nam còn nh so v i các n c trong khu v c và nh u c u c a n n kinh t

ây chính là nh ng vi c c n kh c ph c Vi t Nam phát huy c n i l c, huy ng các ngu n l c trong n c cho u t và phát tri n. Phát huy n i l c s góp ph n gi m áng k nh ng nh h ng tiêu c t nh ng qu c gia, các n n kinh t bên ngoài.

V i quan i m, nhi m v chính tr quan tr ng t ra i v i các c p, các ngành và c n c là ph i kh c ph c các t n tài, h n

ch, y u kém, v a huy ng, phân b và s d ng hi u qu h n các ngu n l c hi n có, v a tái t o và phát tri n các ngu n l c m i, góp ph n t o ra nh ng ng l c t ng tr ng m i cho n n kinh t c tr c m t v a trong trung, dài h n, n l c ph n u th c hi n thành công các m c tiêu, nhi m v phát tri n kinh t - xã h i mà ng và Nhà n c ra. Ph n III c a Báo cáo t p trung c p nh ng gi i pháp nâng cao hi u qu qu n lý, khai thác, s d ng ngu n l c cho phát tri n kinh t - xã h i n n m 2020, nh h ng gi i pháp n n m 2035 và t m nhìn n n m 2045

T các phân tích, ánh giá v th c tr ng các ngu n l c con ng i, tài nguyên thiên nhiên và tài chính nêu trên có th i n k t lu nr ng, các ngu n l c cho ut phát tri n n c ta hi n nay th c s quan tr ng. Vì c nh n th c úng n có nh ng gi i pháp huy ng và s d ng hi u qu các ngu n l c có ý nghĩa s ng còn i v i m t n n kinh t t ng tr ng n ng ng và b n v ng.

b o m c nh ng m c tiêu phát tri n kinh t - xã h i t n c m t cách kh quan trong giai o n t i, vì c ánh giá úng m c và phát huy t t nh t các ngu n l c trong m i quan h kh ng khít gi a chúng nh m khai thác t t nh t s c m nh t ng h p các ngu n l c. Nh ng m c tiêu và gi i pháp c Báo cáo c p m t cách h t s c chi ti t. ó là các gi i pháp chung bao g m: S a i, b sung và hoàn thi n lu t

pháp, c ch , chính sách kh i thông, nâng cao hi u qu s d ng các ngu n l c; i m i mô hình t ng tr ng chuy n t ch y u d a vào khai thác tài nguyên, v n ut và lao ng sang s d ng t ng h p, có hi u qu các ngu n l c, nh t là ngu n l c ch t l ng cao; C c u l i n n kinh t , ngành, vùng và s n ph m theo h ng hi n i, tham gia sâu vào chu i giá tr toàn c u; Nâng cao n ng l c ki n t o, qu n tr qu c gia và n ng l c t ch , i m i sáng t o ca các doanh nghi p; Ch ng n m b t c h i, t n d ng t i a thành t u c a Cách m ng công nghi p l n th t ; y m nh ng d ng công ngh thông tin, chia s thông tin v các ngu n l c.

Cùng v i gi i pháp chung, Báo cáo c ng a ra các m c tiêu và gi i pháp trong qu n lý, khai thác, s d ng t ng ngu n l c nói riêng, cho t ng giai o n, v i các ch tiêu c th i v i ngu n nhân l c, v t l c và tài l c cng c Báo cáo phân tích, a ra m c tiêu n n m 2020, 2025 và nh h ng n n m 2035 và t m nhìn n n m 2045.

Bên c nh v i c phân tích, ánh giá và a ra m c tiêu, gi i pháp, cu n sách còn gi i thi u Ngh quy t s 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 n m 2019 c a B chính tr v nâng cao hi u qu qu n lý, khai thác, s d ng và phát huy các ngu n l c c a n n kinh t ; và Ph lc b ng bi u g m 131 b ng s li u t ng h p v các ngu n l c c a n n kinh t Vi t Nam.

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID - 19 ĐẾN TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM TỪ BỘ SƯU TẬP SỐ KINH TẾ, VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA THƯ VIỆN QUỐC HỘI

Ths. Đinh Thị Hạnh Mai¹

Thực hiện chính sách bổ sung nguồn tài liệu cho Bộ sưu tập số về kinh tế và văn xã hội đã có 140 tài liệu liên quan nghiên cứu dịch Covid-19 của Thư viện Quốc hội số hóa và đưa vào phần văn học. Đây là các báo cáo, chuyên luận, bài nghiên cứu, bài viết phân tích, đánh giá tác động và những vấn đề liên quan đến dịch Covid-19 ở Việt Nam nói riêng. Tài liệu của Bộ sưu tập số nói trên bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tác động của dịch Covid-19 đến tình hình kinh tế-xã hội Việt Nam:

1.1. Về tình hình kinh tế năm 2020:

a) Vấn đề lao động, việc làm và thu nhập:

Việc làm, việc làm:

Cộng có 32,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị nhiễm vi rút Covid-19 bao gồm người bị mất việc làm, người nghỉ việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập... Trong đó, 69,2% người bị giảm thu nhập, 39,9% người nghỉ việc/nghỉ luân phiên và khoảng 14,0% bị mất việc làm hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khu vực dịch vụ chủ yếu bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch COVID-19 với 71,6% lao động bị ảnh hưởng, tiếp theo là khu vực công nghiệp và xây dựng với 64,7% lao động bị ảnh hưởng; tiếp theo là lao động bị ảnh hưởng trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 26,4%.

Mức giảm lao động có việc làm trong năm 2020 là 1 triệu người xảy ra trong suốt một thập kỷ qua. Trong số 1,3 triệu

ng i b y vào tình tr ng không có vi c làm, có 51,6% ng i là ph n và a ph nh ang trong tu i lao ng (76,2%).

V lao ng vi c làm phi chính th c: N m 2020, s lao ng có vi c làm phi chính th c là 20,3 tri u ng i, t ng 119,1 nghìn ng i, s lao ng có vi c làm chính th c là 15,8 tri u ng i gi m 21,1 nghìn ng i so v i n m 2019. T i lao ng có vi c làm phi chính th c n m 2020 là 56,2%, cao h n 0,2 i m % so v i n m 2019. i d ch COVID-19 ã t c i c h i có vi c làm chính th c c a ng i lao ng, khi n m t ph n trong s h không tìm c vi c làm m i, m t s khác ph i chuy n sang làm các công vi c phi chính th c không n nh, thi u b n v ng.

V thu nh p:

So v i n m 2019, thu nh p bình quân tháng ca ng i lao ng n m 2020 gi m c ba khu v c kinh t . Trong n m 2020, thu nh p bình quân c a ng i lao ng là 5,5 tri u ng, gi m 2,3% so v i n m 2019 (t ng ng gi m 128 nghìn ng). Thu nh p c a lao ng ngành d ch v b gi m sâu nh t, gi m 215 nghìn ng; ti p n là ngành nông, lâm nghi p và th y s n, gi m 156 nghìn ng. M c gi m thu nh p c a lao ng trong ngành công nghi p và xây d ng là th p nh t, gi m 100 nghìn ng/ ng i/tháng.

b) Vấn đề xã hội:

B nh d ch và kh ng ho ng kinh t có th mang l i nh ng tác ng nghiêm tr ng h n t i m t s v n xã h i nh t nh nh b t bình ng xã h i hay n n b o l c gia ình.

Các nhóm b tác ng trong i d ch Covid-19 c xác nh là nh ng ng i có b nh lý n n và ng i cao tu i là ng i có nguy c g p ph i các v n s c kh e cao nh t; thanh niên - nh ng ng i v n ã luôn ph i i m t v i t l th t nghi p và thi u vi c làm cao h n gi ây tr nên d b t n th ng h n v i s s t gi m c u lao ng; nh ng ng i lao ng cao tu i c ng d b nh h ng khi n n kinh t r i vào tình tr ng d b t n th ng. Ph n chi m s l ng cao h n trong các l nh v c b nh h ng nhi u (nh d ch v) ho c trong các ngành ngh ang tuy n u i phó v i i d ch. Ph n c ng ít có kh n ng ti p c n v i các d ch v an sinh xã h i và s ch un h i u gán n ng nhi u h n i v i các vi c liên quan n ch m sóc s c kh e ph i óng c a. Nh ng ng i lao ng không c b o v , bao g m lao ng t làm, lao ng làm vi c không th ng xuyên và làm các công vi c không t m th i, có kh n ng ph i ch u thi t thòi n ng n t lo i vi-rút ang hoành hành, vì h không c ti p c n v i các c ch ngh phép ho c ngh m, và ít c b o v b i các c ch an sinh xã h i thông th ng.

Trong th i gian giãn cách xã h i do d ch Covid-19, s cu c g ic a ph n b b ol c n ng d y nóng c a H i Liên hi p ph n Vi t Nam ã t ng 50%. S l ng n n nhân ch tr gi ic u và ti p nh n vào ngôi nhà bình yên n i h tr ph n b b o l c gia ình và mua bán tr v , thu c H i Liên hi p ph n Vi t Nam t ng 80% so v i cùng k n m tr c.

c) Các lĩnh vực kinh tế

i d ch Covid-19 tác ng lên m i m t ca i s ng kinh t xã h i, nh h ng tiêu c c n t ng tr ng kinh t , ho t ng th ng m i, lao ng, vi c làm và thu nh p ca ng i lao ng trong n m 2020; qua m t s ngành l nh v c: L nh v c nông - lâm nghi p và th y s n; L nh v c công nghi p và xây d ng; L nh v c công nghi p ch bi n-ch t o; L nh v c d ch v ; Ngành v n t i, kho bãi; và L nh v c bán l ; i v i ngành ngân hàng, ch ng khoán, b o hi m; L nh v c kinh doanh b t ngs n; L nh v c d ch v yt ; L nh v c giáo d c và ào t o...

1.2. Về tình hình kinh tế năm 2021:

Theo báo cáo tình hình kinh t xã h i 8 tháng u n m 2021 c a T ng c c Th ng kê, trong tình hình làn sóng i d ch di n ra l n th ba, th t Vi t Nam, kinh t n c ta v n t c nh ng k t qu :

S n xu t nông, lâm nghi p và th y s n: S n xu t nông, lâm nghi p và th y s n 8 tháng u n m di n ra trong i u ki n th i ti t t ng i thu n l i cho cây tr ng, v t nuôi sinh tr ng và phát tri n. Tuy nhiên, do i d ch Covid-19 di n bi n ph c t p, nhi u a ph ng th c hi n giãn cách xã h i làm nh h ng t i chu i cung ng s n xu t - ch bi n - tiêu th các s n ph m nông, lâm nghi p và th y s n.

Nông nghi p: Tính n ngày 15/8, c n c gieo c y c 1.409,1 nghìn ha lúa mùa, b ng 98% cùng k n m tr c, trong ó các a ph ng phía B c t 1.037,3 nghìn ha, b ng 99,4%; các a ph ng phía Nam t 371,8 nghìn ha, b ng 94,4%. C n c thu ho ch c 999,4 nghìn ha lúa hè thu, chi m 51,1% di n tích gieo c y và b ng 97,9% cùng k n m tr c, t p trung ch y u vùng ng b ng sông C u Long v i 861,3 nghìn ha, chi m 57,1% và b ng 98,4%. Các a ph ng trên c n c gieo tr ng c 817,5 nghìn ha ngô, b ng 99% cùng k n m tr c; 85,3 nghìn ha khoai lang, b ng 93,6%; 155,2 nghìn ha l c, b ng 97,7%; 35,8 nghìn ha u t ng, b ng 92,6%; 958,6 nghìn ha rau u, b ng 100,5%.

Lâm nghi p: Tính chung 8 tháng n m 2021, di n tích r ng tr ng m i t p trung c tính t 143,4 nghìn ha, t ng 3,0% so

v i cùng k n m tr c; s cây lâm nghi p tr ng phân tán t 56,2 tri u cây, t ng 1,7%; s n l ng g khai thác t 11.085,2 nghìn m³, t ng 5,1%; s n l ng c i khai thác t 12,9 tri u ste, gi m 0,5%.

Th y s n: 8 tháng n m 2021, s n l ng th y s n c tính t 5.692,5 nghìn t n, t ng 1,4% so v i cùng k n m tr c, bao g m: S n l ng th y s n nuôi tr ng t 2.987,7 nghìn t n, t ng 1,8%; s n l ng th y s n khai thác t 2.704,8 nghìn t n, t ng 0,8% (s n l ng th y s n khai thác bi n t 2.581,0 nghìn t n, t ng 0,9%).

- S n xu t công nghi p: Tính chung 8 tháng n m 2021, ch s s n xu t công nghi p t ng 5,6% so v i 8 tháng n m 2020. Ngành khai khoáng gi m 2,4%; ngành ch bi n, ch t o gi m 9,2%; s n xu t và phân ph i i n t ng 1,5%; cung c p n c, ho t ng qu n lý và x lý rác th i, n c th i t ng 0,2%. IIP c tính t ng 5,6% so v i cùng k n m tr c, m c dù cao h n t c t ng 2,2% c a cùng k n m 2020 nh ng th p h n nhi u so v i t c t ng 9,5% c a cùng k n m 2019. Trong ó, ngành ch bi n, ch t o t ng 7% (cùng k n m 2020 t ng 3,7%), óng góp 5,9 i m % vào m c t ng chung; ngành s n xu t và phân ph i i n t ng 6,6%, óng góp 0,6 i m %; ngành cung c p n c, ho t ng qu n lý và x lý rác th i,

n c th i t ng 4,4%, óng góp 0,1 i m %; riêng ngành khai khoáng gi m 6,2%, làm gi m 1 i m % trong m c t ng chung.

- Tình hình ng ký doanh nghi p: S bùng phát m nh c a làn sóng Covid-19 l n th t cùng v i các t giãn cách liên ti p ã khi nh o t ng s n xu t kinh doanh c a doanh nghi p b nh h ng n ng n , c bi t là các a ph ng phía Nam. S doanh nghi p rút lui kh i th tr ng trong 8 tháng n m 2021 là 85,5 nghìn doanh nghi p, t ng 24,2% so v i cùng k n m 2020, trong ó Thành ph H Chí Minh có 24 nghìn doanh nghi p (chi m 28,1% t ng s doanh nghi p rút lui kh i th tr ng), t ng 6,6%. S doanh nghi p t m ng ng kinh doanh có th i h n là 43,2 nghìn doanh nghi p, chi m 50,5% t ng s doanh nghi p rút lui kh i th tr ng.

Tính chung 8 tháng n m 2021, c n c có 81,6 nghìn doanh nghi p ng ký thành l p m i v i t ng s v n ng ký là g n 1.133,4 nghìn t ng và t ng s lao ng ng ký là 598,9 nghìn lao ng; gi m 8% v s doanh nghi p, gi m 7,5% v v n ng ký và gi m 13,8% v s lao ng so v i cùng k n m tr c. V n ng ký bình quân m t doanh nghi p thành l p m i trong 8 tháng t 13,9 t ng, t ng 0,5% so v i cùng k n m tr c. N u tính c 1.539,4 nghìn t ng v n ng ký t ng thêm c a g n 30,1

ngành doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tăng số vốn đăng ký bổ sung vào vốn kinh doanh trong 8 tháng năm 2021 là gần 2.672,8 nghìn tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có 32,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 8 tháng năm 2021 là 114 nghìn doanh nghiệp, trung bình mỗi tháng có gần 14,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. 85,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trung bình mỗi tháng có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

- **Ưu điểm:** Nhóm kiểm soát và khống chế lây lan của dịch Covid-19, nhiều địa phương áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội làm giảm nguy cơ lây nhiễm các dịch bệnh mới.

Tính chung 8 tháng năm 2021, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngân sách Nhà nước đạt 244,9 nghìn tỷ đồng, bằng 51,1% kế hoạch năm và giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 bằng 48% và tăng 28%).

Tổng số dự án đầu tư nước ngoài tính đến 20/8/2021 đăng ký cấp mới giảm 36,8% so với cùng kỳ năm 2020 như số vốn đăng ký tăng 16,3%. Vốn đăng ký cấp mới bình quân 1 dự án trong 8 tháng năm 2021 đạt 10 triệu USD/dự án (cùng kỳ năm 2020 đạt 5,4 triệu USD/dự án).

Ưu điểm của Việt Nam ra nước ngoài trong 8 tháng năm 2021 có 40 dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 150,1 triệu USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm trước; có 13 dự án đầu tư chuyển vốn và tái đầu tư thêm 424,9 triệu USD, gấp 3,8 lần so với cùng kỳ năm trước. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tái đầu tư thêm) đạt 575 triệu USD, tăng 74,1% so với cùng kỳ năm trước.

- **Hoạt động thương mại, văn hóa và du lịch:** Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn cầu, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, văn hóa và du lịch. Trong 8 tháng năm 2021 có 30 mặt hàng kim loại xuất khẩu trên 1 triệu USD, chiếm 91,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 triệu USD, chiếm 63,1%).

Vốn các nhóm hàng xuất khẩu 8 tháng, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chiếm

tính t 2,29 t USD, t ng 3,6% so v i cùng k n m tr c. Nhóm hàng công nghi p ch bi n c tính t 189,28 t USD, t ng 22,5%. Nhóm hàng nông s n, lâm s n t 15,4 t USD, t ng 14,9%. Nhóm hàng th y s n t 5,58 t USD, t ng 7,1%. V th tr ng xu t kh u hàng hóa 8 tháng n m 2021, Hoa K là th tr ng xu t kh u l n nh t c a Vi t Nam v i kim ng ch t 62,2 t USD, t ng 32,5% so v i cùng k n m tr c. Ti p n là Trung Qu c t 32,7 t USD, t ng 19,8%. Th tr ng EU t 26,1 t USD, t ng 14,5%. Th tr ng ASEAN t 18,4 t USD, t ng 23,3%. Hàn Qu c t 13,9 t USD, t ng 9,9%. Nh t B n t 13,5 t USD, t ng 8,6%.

V c c u nhóm hàng nh p kh u 8 tháng n m 2021, nhóm hàng t li u s n xu t c tính t 204,16 t USD, t ng 34,4% so v i cùng k n m tr c, trong ó: Nhóm hàng máy móc thi t b , d ng c ph t ng t 96,6 t USD, t ng 27,2%; Nhóm hàng nguyên, nhiên, v t li u t 107,56 t USD, t ng 41,6%. Nhóm hàng tiêu dùng c tính t 12,1 t USD, t ng 24%.

V th tr ng nh p kh u hàng hóa 8 tháng n m 2021, Trung Qu c là th tr ng nh p kh u l n nh t c a Vi t Nam v i kim ng ch t 72,5 t USD, t ng 47,1% so v i cùng k n m tr c. Ti p theo là th tr ng Hàn Qu c t 34,6 t USD, t ng 20,5%. Th

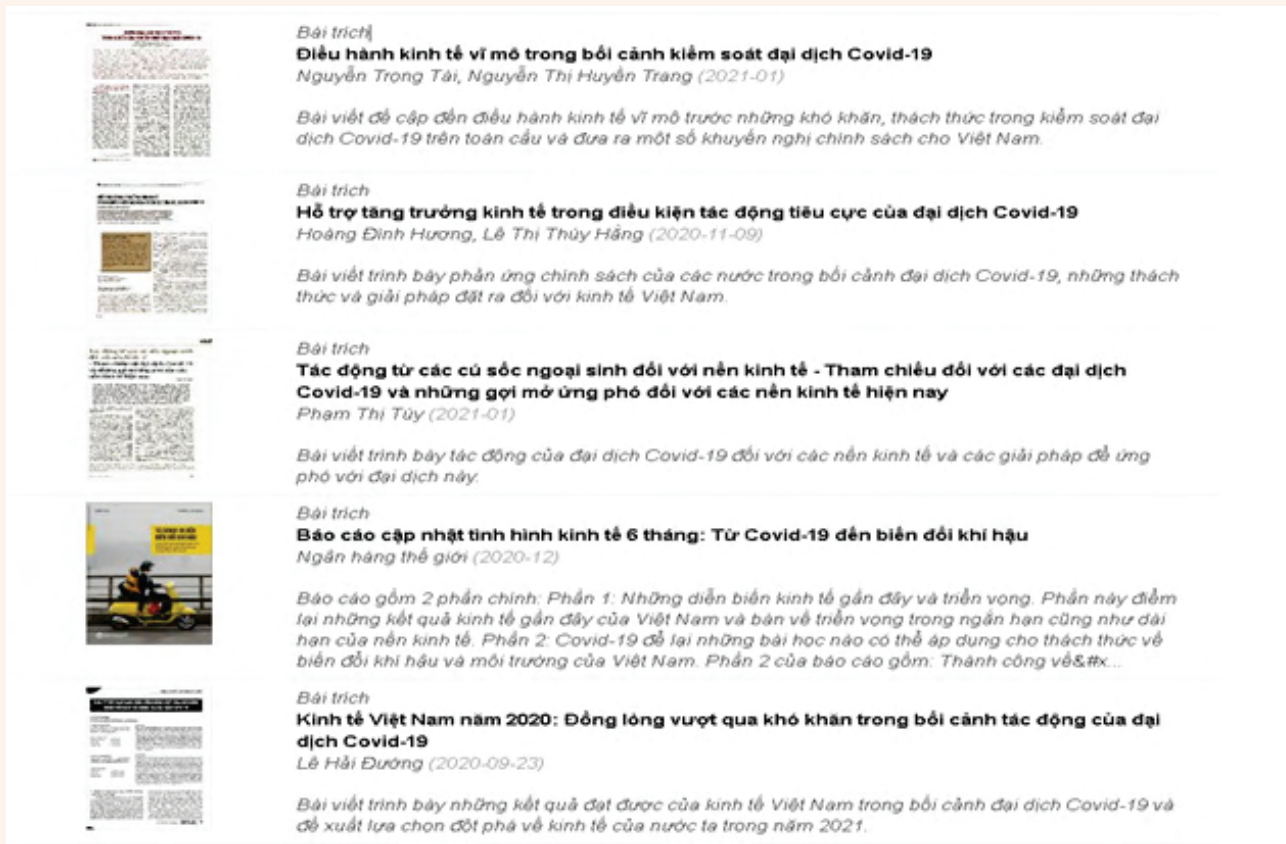
tr ng ASEAN t 28,2 t USD, t ng 47,4%. Nh t B n t 14,5 t USD, t ng 13,7%. Th tr ng EU t 11 t USD, t ng 17,1%. Hoa K t 10,4 t USD, t ng 12,3%.

Cán cân th ng m i hàng hóa nh p siêu 3,71 t USD (cùng k n m tr c xu t siêu 13,69 t USD), trong ó khu v c kinh t trong n c nh p siêu 20,36 t USD; khu v c có v n u t n c ngoài (k c d u thô) xu t siêu 16,65 t USD.

V n t i hàng hóa t 1.069,3 tri u t n hàng hóa v n chuy n, gi m 3,5% so v i cùng k n m tr c (cùng k n m 2020 gi m 6,7%) và luân chuy n 216,5 t t n, t ng 0,9% (cùng k n m tr c gi m 7,9%).

Khách qu c t n n c ta c tính t 105 nghìn l t ng i, gi m 97,2% so v i cùng k n m tr c.

- Ch s giá tiêu dùng, ch s giá vàng và ô la M : Tính chung 8 tháng n m 2021, CPI t ng 1,79% so v i cùng k n m tr c, m c t ng th p nh t k t n m 2016; l m phát c b n 8 tháng t ng 0,9%. CPI bình quân 8 tháng n m 2021 t ng 1,79% so v i bình quân cùng k n m 2020. L m phát c b n bình quân 8 tháng n m nay t ng 0,9% so v i cùng k n m 2020. Giá vàng trong n c bi n ng cùng chi u v i giá vàng th gi i.



(Ảnh minh họa, nguồn Thư viện Quốc hội)

2. Một số giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19:

Vì sự bùng phát dịch bệnh Covid-19 liên tục, liên tục và ngày càng phức tạp trên thế giới và Việt Nam; Chính phủ cần có những biện pháp kịp thời và có sự ưu tiên rõ ràng ứng phó với dịch bệnh, cần có những giải pháp thích hợp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, các hoạt động kinh tế xã hội ngay sau khi dịch bệnh được kiểm soát tại Việt Nam. Các nhóm giải pháp đó là:

Thứ nhất, Nhà nước cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc phòng, chống dịch Covid-19

hiểu quả: thực hiện các biện pháp tuyên truyền làm cho người dân nâng cao ý thức trong công tác phòng, chống dịch; có những biện pháp xử lý những người trốn tránh cách ly khi nghi ngờ lây nhiễm Covid-19. Khi dịch bệnh bùng phát, các cấp chính quyền phải thực hiện nghiêm các biện pháp giãn cách xã hội và phong tỏa khu vực có nguy cơ lây nhiễm cho cộng đồng.

Thứ hai, khai thác hiểu quả nguồn lực hỗ trợ các tổ chức quốc tế như: WB, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), các nhà tài trợ song phương nhằm có thêm nguồn lực hỗ trợ khắc phục

cho nền kinh tế Việt Nam. Khi dịch bệnh diễn ra, các gói ngân sách dự trữ trung cho công tác phòng, chống dịch bệnh và chữa trị bệnh. Vì vậy, những nỗ lực tái sản xuất công nghiệp nhằm phát triển kinh tế. Do đó, có sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế sẽ giúp nền kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh. Những sự hỗ trợ này sẽ nhằm các ngành sản xuất thủ công và những lĩnh vực môi trường kinh tế.

Thứ ba, Chính phủ cần có sự lãnh đạo và quản lý các chính sách công nghiệp hỗ trợ. Bởi vì, sự tác động vào ngành công nghiệp công nghệ cao của dịch bệnh Covid-19 ở Việt Nam khác nhau. Do đó, các ngành công nghiệp công nghệ cao, các doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng. Những lao động bị mất việc và không có thu nhập cho cuộc sống. Tuy nhiên, một số ngành vẫn có cơ hội phát triển và tăng trưởng trong dịch bệnh Covid-19. Những ngành chủ chốt như du lịch, thương mại, nông sản... Vì vậy, điều này làm xáo trộn giá cả thị trường và các ngành thương mại tiêu dùng.

Thứ tư, do tính chất và diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, vì vậy tác động và diễn biến kinh tế Việt Nam trong một khoảng thời gian nhất định là rất khó khăn vì còn chịu sự tác động của nền kinh tế toàn cầu. Cho nên thời điểm hiện tại, dịch bệnh trên toàn thế giới vẫn tiếp tục lây

lan và chữa trị vẫn chưa dứt điểm. Hệ quả nền kinh tế toàn cầu không hồi phục khi dịch Covid-19 chưa kết thúc tất cả các quốc gia. Vì vậy, cần có những chính sách thích ứng và những giải pháp lâu dài cho nền kinh tế.

Thứ năm, ưu tiên việc mở an ninh lương thực và phòng, chống đói nghèo lan rộng trên diện rộng. Khi dịch bệnh đang diễn biến phức tạp, việc mở an ninh lương thực sẽ là yếu tố bổ sung cho thị trường nông dân. Vì chính sự xuất hiện của các quốc gia khác trong tình hình dịch bệnh khi nhìn vào ngành nông nghiệp công nghệ cao như ngành thực phẩm. Ngoài ra, sự tác động chéo giữa các ngành kinh tế với nhau công nghệ hỗ trợ những lĩnh vực khác nhau.

Thứ sáu, Chính phủ cần ban hành các chính sách nhằm vào việc cải thiện kinh tế nông thôn, kéo dài kinh tế công nghệ cao doanh nghiệp và mở an ninh xã hội, giảm thiểu sự phá sản của các doanh nghiệp các ngành công nghiệp. Vì vậy, điều này sẽ giúp tăng GDP, tăng thu nhập ngành công nghiệp và sự phục hồi của nền kinh tế, đặc biệt là những ngành truyền thống và then chốt tác động đến kinh tế lâu dài.

Thứ bảy, Chính phủ cần đưa ra các chính sách kích cầu tiêu dùng và những giải pháp tiêu dùng trong nước. Những

giác th tr ng, bình n nhuc u tiêu dùng c l n nh t, c ng th ng th ng m i toàn trên các ph ng di n t ng th . Vì khi d ch c u. T ó, d n t i gia t ng b o h th ng b nh x y ra, ng i dân ch có nhuc u mua m ivà các r irot tài chính có th tr m tr ng nh ng hàng hóa, dùng thi ty u, còn l i thêm b i id ch kéo dài. Tiêu dùng n i a c t gi m nhuc u tiêu dùng i v i nh ng s ti pt c m c th p b i thu nh p h gia hàng hóa, dùng không thi ty u. id ch ình và doanh ng hi p gi m. Covid-19 kéo dài trên toàn c u s là nguy

tham kh o y và chi ti t, Quý i bi u có th truy c p B s u t p s v kinh t , v n xã h i t i ph n m m Th vi n s theo các a ch : <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/41451>; <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/41456> ho c ph n m m M n - Tr tài li u s theo a ch : <https://muontailieuso.quochoi.vn/>.



Ấn phẩm này được in ấn với sự hỗ trợ kỹ thuật của Dự án “Tăng cường năng lực cung cấp thông tin và nghiên cứu phục vụ các đại biểu Quốc hội và công chức của Văn phòng Quốc hội vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại Việt Nam” do Tổ chức Hanns Seidel Foundation (HSF) tại Việt Nam tài trợ.

CÁC TRANG THÔNG TIN VÀ CÔNG CỤ TRỰC TUYẾN CỦA THƯ VIỆN QUỐC HỘI

- Thông tin điện tử: <http://thuvien.quochoi.vn>
- Thư viện truyền thống: <http://thuvientruyenthong.quochoi.vn>
- Thư viện số: <http://thuvienso.quochoi.vn>
- Tìm kiếm tài liệu (bản giấy và bản số): <https://tracuutaptrung.quochoi.vn>.
- Lấy ý kiến nhân dân về dự thảo luật: <http://duthaonline.quochoi.vn>
- Mượn trả tài liệu số: <http://muontailieuso.quochoi.vn>
- Cung cấp thông tin trực tuyến: <http://hht.quochoi.vn>
(Dành riêng cho đại biểu Quốc hội)